

Địa Lý Xứ Thánh

Lời Mở Đầu

Lời Dẫn Nhập

Phần một: Tổng Quan Xứ Thánh

1. Toàn Cảnh

2. Từ Tây Sang Đông

Vùng Duyên Hải Địa Trung Hải

Đồng Bằng Phi-Li-Tin Và Sa-Rôn

Vùng Đồi Nhấp Nhô

Vùng Núi Non Trung Tâm

Thung Lũng Sông Giô-Đanh

Vùng Bên Kia Sông Giô-Đanh

3. Từ Nam Lên Bắc

Ai-Cáp

Hoang Mạc

Vùng Núi Non Giu-Đê

Sa-ma-ri

Ga-li-lê

Phần hai: Những Đặc Trưng của Xứ Thánh

4. Núi Non Và Sông Ngòi

Núi non

Sông ngòi

Sông Giô-đanh

5. Khí Hậu Và Thảo Mộc

Khí hậu

Thảo mộc

6. Các Thị Trấn Và Thành Phố Trong Thời Các Tổ Phụ

Si-chem

Bê-tên

Giê-ru-sa-lem

Hếp-rôn

Bê-e Sê-ba

Phê-ni-ên

7. Các Thị Trấn Và Thành Phố Trong Thời Kỳ Chinh Phục Và Thời Kỳ Các Quan Xét

Những Thành Phố Chính Của Cuộc Chinh Phục

Giê-ri-cô

Giê-ru-sa-lem

Hát-so

Phạm Vi Cai Trị Của Các Quan Xét Y-sơ-ra-ên

Ga-la-át

Vùng Pentapolis Phi-li-tin

8. Các Thị Trấn Và Thành Phố Trong Thời Quân Chủ Thống Nhất Và Phân Chia

Ghi-bê-a

Hếp-rôn

Giê-ru-sa-lem

Sa-ma-ri
Gít-rê-ên
Mê-ghi-đô
La-ki

9. Xứ Thánh Trong Thời Đại Tân Ước

Na-xa-rét
Bết-lê-hem
Vùng Hoang mạc Giu-đê
Ca-bê-na-um
Sa-ma-ri
Giê-ri-cô
Giê-ru-sa-lem
Sê-sa-rê
An-ti-ốt

Phần ba: Các góc nhìn tương phản về Xứ Thánh

10. Năm Góc Nhìn Về Xứ Thánh

Góc Nhìn Thập Tự Chinh
Góc Nhìn Hành Hương
Góc Nhìn Si-ôn-nít
Góc Nhìn Thiên Hi Niên
Góc Nhìn Đổi Mới
Kết Luận

Lời Mở Đầu

Các tư liệu về vùng Đất Thánh bằng tiếng Việt còn rất ít. Vì vậy, để các bạn sinh viên Thần học có cơ hội làm quen với vùng đất mang những địa danh rất quen thuộc trong khi đọc Kinh Thánh, lúc tiếp cận với các môn học, khi nghe giảng dạy và ngay cả khi chia sẻ, chúng ta sẽ bắt đầu với cuốn *Understanding The Land of The Bible* của O. Palmer Robertson.

Vì chưa liên hệ để xin bản quyền từ nhà xuất bản nên chúng tôi buộc lòng phải biên soạn, thêm thắt, dù không nhiều lắm, chủ yếu là các bản đồ, hình ảnh, biểu bảng, chứ không dám sử dụng nguyên văn của tác giả.

Việc nghiên cứu, học hỏi để nắm vững những đặc điểm về một vùng địa lý rất đa dạng, rất nổi tiếng, rất nhiều ý nghĩa cả về lịch sử lẫn thần học, và liên tục tác động lên cục diện thế giới trải qua mọi thời đại như Xứ Thánh, không thể chỉ gói gọn trong một cuốn sách hay một khóa học được. Trái lại, nó đòi hỏi chúng ta không ngừng tự nghiên cứu, tự tìm kiếm để giải tỏa cho chính mình những mập mờ, loạng choạng mỗi khi đọc đến hay nghe đến một ngọn núi, một dòng sông, một thành phố ... trong Kinh Thánh.

Không ít người "không ưa" môn Địa lý từ khi còn học phổ thông nhưng người phục vụ Chúa không được quyền nói "không ưa" với những địa danh mà mình thường xuyên gặp và rao giảng. Đức Chúa Trời đã ban Lời Ngài cho nhân loại qua một dân tộc, tại một vùng địa lý đặc thù trên thế giới này; vì vậy, không những cần học mà còn phải làm bạn lâu dài với Địa lý Xứ Thánh để sự hiểu biết Chúa và Lời Chúa của chúng ta thêm phong phú và vững vàng.

Tài liệu chúng ta đang có trên tay thật quá khiêm nhường cho một môn học, vai trò

của nó không gì hơn là giới thiệu để bạn làm quen với Xứ Thánh và gợi cho bạn niềm say mê tìm tòi khám phá nhiều hơn trong quá trình theo Chúa và học hỏi Lời Ngài.

Cầu xin Đức Chúa Trời dẫn dắt chúng ta trong cuộc hành trình về Xứ Thánh này.

Lời Dẫn Nhập

Từ những ngày xa xưa nhất của Hội Thánh Cơ Đốc cho đến ngày nay, nhiều sách hướng dẫn đã được viết nhằm giới thiệu với độc giả và du khách vùng đất của Kinh Thánh. Ngay từ thế kỷ thứ ba, Eusebius, giám mục thành Sê-sa-rê, đã viết cuốn Onomasticon mô tả vùng đất của Kinh Thánh dưới cái nhìn của một người sống tại Palestine từ rất sớm trong lịch sử Cơ Đốc giáo. Mark Twain trong quyển The Innocents Abroad (Những kẻ vô tội ở hải ngoại) vẽ nên một bức tranh tổng quát nhưng khó thường ngoạn về vẻ đẹp "giả định" của Ca-na-an từ góc nhìn của một tác giả người Mỹ đi du lịch. Một xử lý có tính chất kỹ thuật hơn về vùng đất này là cuốn The Historical Geography of the Holy Land (Địa Lý Lịch Sử Của Xứ Thánh) của George Adam Smith, xuất bản lần đầu tiên năm 1894. Giữa thế kỷ hai mươi đã nhìn thấy một tiếp cận khoa học hơn trong việc phân tích vùng đất này qua một vài tác phẩm như cuốn Vùng Đất Của Kinh Thánh: Một Địa Lý Lịch Sử (1962) (The land of the Bible: A Historical Geography) của Yohanah Aharoni.

Nhưng trong tất cả các tác phẩm trên các tác giả ít nỗ lực giải thích các chân lý đặc biệt liên quan đến các mục đích cứu chuộc của Đức Chúa Trời mà chính tính chất đa dạng của vùng đất này nhấn mạnh. Các sách hướng dẫn về vùng đất này chủ yếu tập trung vào các đặc điểm địa lý và lịch sử của vùng đất, hơn là quan sát vai trò quan trọng của nhiều phần đất khác nhau trong lịch sử cứu chuộc [1]

Một ngoại lệ đáng chú ý đối trước sự thiếu vắng phổ biến về suy tư thần học đối với vùng đất này là cuốn The Land của Walter Brueggemann (Philadelphia: Fortress Press, 1977): Công trình của Brueggemann thật sự là tour de force cố gắng thay đổi toàn bộ lịch sử và thần học Kinh Thánh lấy "vùng đất" làm yếu tố trung tâm: Trong chương mở đầu ông nói: "Đức tin của Y-sơ-ra-ên thiết yếu là một cuộc hành trình ra vào vùng đất, và đức tin của nó có thể được cơ cấu quanh những tiêu điểm này" (tr:14): Một chương giải thích toàn bộ luật pháp Y-sơ-ra-ên, kể cả Mười Điều Răn, theo tầm quan trọng của nó đối với vùng đất: Ngay cả việc đóng đinh Đấng Christ cũng được giải thích theo sự mất mát đất đai (tr:180):

Công trình của Brueggemann bao gồm nhiều lời đề nghị hào hứng: Cuộc sống quốc gia Y-sơ-ra-ên được phán xét theo độ sống động đức tin của nó nơi món quà đất đai của Đức Chúa Trời: Sự khô cằn trong kinh nghiệm của Y-sơ-ra-ên trong hoang mạc được liên hệ về mặt thần học với sự hiếm muộn của vợ các tổ phụ (tr:29): Lời kêu gọi những người lưu đày trở về vùng đất được giải thích như một động lực phục sinh (tr: 180): Những ý tưởng có ảnh hưởng sâu xa đáng được cân nhắc cẩn thận: Cùng lúc đó, Brueggemann dường như chịu ảnh hưởng quá nhiều bởi triết học hiện đại về tầm quan trọng xã hội của vùng đất và quyền sở hữu nó: Dù bổ sung góc nhìn của ông bằng cách tham chiếu đến tầm quan trọng của kinh Tô-ra trong việc quản lý đất đai của Y-sơ-ra-ên, ông nói rằng quyền sở hữu vùng đất "đòi hỏi" một loại truyền thông mới từ Đa-vít với tư cách là vua (tr:81): Dạng thức truyền thông mới này chỉ "điều động và ra lệnh", hơn là thật sự truyền thông với con người: Khi phản ánh về triển vọng lưu đày của Y-sơ-ra-ên, ông nói: "Có phải chúng ta phải học từ

Marx, rằng ở trong xứ sở thiếu quan tâm đến cộng đồng sẽ chấm dứt lịch sử không?" (tr: 111): Hiển nhiên rằng lời tuyên bố này được đưa ra trước khi chủ nghĩa cộng sản của Châu Âu bị vạch trần qua sự sụp đổ vào cuối thế kỷ thứ hai mươi: Dưới ánh sáng đó thật khó lòng nói rằng chủ nghĩa Marx dạy một lý thuyết về việc quản lý đất đai "biết quan tâm" đến con người:: Nhưng một độc giả không thể dẫn sâu vào các tài liệu hoặc của Cựu Ước hoặc của Tân Ước mà không chú ý đến nhiệm vụ của các phương diện khác nhau của sự sáng tạo nhằm nhấn mạnh các chân lý cứu chuộc. A-đam bắt đầu sự sống trong một khu vườn, Giăng Báp-tít mời gọi người ta vào hoang mạc, và Giê-ru-sa-lem nằm trên một ngọn núi. Chính Kinh Thánh tạo ra mối liên kết tự nhiên giữa các phước hạnh của một khu vườn và việc thử nghiệm trong một hoang mạc, việc tôn cao (exaltations) độ cao của một ngọn núi và việc hạ thấp (humiliations) những vực sâu của một thung lũng. Những "giá trị" liên quan đến các trật tự sáng tạo tự nhiên này không hề tỏ ra dị thường hoặc áp đặt. Thay vào đó, chúng khẳng định sự thống nhất và trật tự phát xuất từ mục đích đơn lẻ của một Đức Chúa Trời trong mọi công trình của Ngài trên thế giới này. Tài liệu hướng dẫn hiện tại đưa ra một tổng quan giới thiệu (introductory overview) về các đặc trưng địa lý thuộc vùng đất của Kinh Thánh, chú ý đến cách thức những yếu tố khác biệt đó ảnh hưởng đến lịch sử Kinh Thánh. Thêm vào đó, nó làm nổi bật vai trò của các đặc trưng nhất định của vùng đất trong các mục đích của Đức Chúa Trời trong lịch sử cứu chuộc. Góc nhìn này có thể cung ứng những câu trả lời cho các câu hỏi nhất định mà không thể khám phá bằng cách nào khác được, như là. **À Vị trí của vùng đất này quan trọng thế nào khi nằm ở bờ đông của Địa Trung Hải?** **À Tại sao vùng "hoang mạc" bao quanh phần đất đông nam của xứ thánh lại quan trọng đến thế?** **À Những yếu tố địa lý cũng như lịch sử nào của Y-sơ-ra-ên cổ đại đã khiến Giô-suê dẫn dân chúng tiến thẳng về Shi-chem ngay sau khi phần đất trung tâm được đánh chiếm?** **À Việc Đức Chúa Giê-xu khởi đầu chức vụ tại Ca-bê-na-um có liên hệ gì với các chiều kích toàn cầu của Phúc Âm Cơ Đốc?** Những câu hỏi này, cùng với nhiều câu khác, có thể tìm được câu trả lời đầy đủ nhất từ tầm quan trọng của vùng đất Kinh Thánh dành cho các kế hoạch và mục đích của Đức Chúa Trời. Xem xét kỹ góc độ này, chúng ta có thể cảm nhận đầy đủ hơn tại sao Chúa Giê-xu lại chọn lựa địa bàn đặc biệt này để triển khai các mục đích cứu chuộc của Ngài. Không phải ngẫu nhiên mà vùng đất đặc thù này với khung cảnh địa lý rõ nét và những nét độc đáo của nó trở thành sân khấu cho vở kịch đang mở màn của sự cứu chuộc.

Chính Chúa đã tuyên bố rằng Ngài cố ý đặt Giê-ru-sa-lem "giữa các dân tộc, và các nước bao xung quanh nó" ([Exe Ed 5:5](#)). Theo bài ca của Môi-se, khi Đấng Chí Cao ban cho các nước phần sản nghiệp của chúng, Ngài thiết lập biên giới của nhiều dân tộc khác nhau "theo số của con cái Y-sơ-ra-ên" ([PhuDnl 32:8](#)). Vì vậy ngày nay

chúng ta hãy để cho vùng đất mang nhiều tính chất độc đáo này cao rao chân lý cứu rỗi cho cả nhân loại.

Tổng quan xứ thánh

Chỉ nhìn bằng đôi mắt tò mò của những du khách lần đầu tiên đến đây, xứ thánh là một vùng đất kỳ lạ với những nét tương phản ngoạn mục. Chính Chúa gọi đây là "đất mà ta đã tìm sẵn cho chúng nó, tức là đất đượm sữa và mật ong, vinh hiển nhất trong các đất" ([Exe Ed 20:6](#)). Ở chỗ khác nó được gọi là "xứ tốt tươi" ([PhuDnl 8:7](#)), "đất vinh hiển" ([DaDn 8:9](#), [11:16](#)), "đất vui thích" ([MaMl 3:12](#)), "đất tốt đẹp" ([Thi Tv 106:24](#), cf. [OsHs 9:13](#)), và "một đất tốt, cơ nghiệp quý giá của cơ binh các nước" ([Gie Gr 3:19](#)). Nén chặt vào một lãnh thổ rộng không quá 50 dặm (80 km) và dài không quá 150 dặm (240 km) là những đỉnh núi phủ tuyết quanh năm và một thung lũng (depression) sâu đến nỗi nó có đủ những đặc trưng của vùng đất thấp nhất trên địa cầu. Phía tây của vùng đất này là vùng duyên hải Địa Trung Hải, và phía đông là vùng sa mạc A-ra-bi-a. Những thung lũng phì nhiêu của xứ Ga-li-lê tương phản với vùng núi non lờm chờm tại Negev.

Trong các chương 1-3 chúng ta sẽ xem xét vùng đất của Kinh Thánh trước hết như một toàn thể và sau đó sẽ xem xét từng phần, từ tây sang đông và từ nam lên bắc. Những miền đất khác nhau này có thể được quan sát từ góc độ các vai trò riêng biệt mà chúng đảm nhiệm trong lịch sử cứu chuộc.

Toàn cảnh xứ thánh: Vùng đất như một toàn thể

"Đất đai" như một yếu tố có ý nghĩa thần học bắt đầu từ "Địa đàng" (Paradise).

Vườn Ê-đen nguyên thủy thể hiện sự hoàn hảo của ơn phước mà Đức Chúa Trời ban cho con người vừa được sáng tạo làm nơi cư ngụ. "Mảnh đất" nguyên thủy này cung ứng dư dật cho việc duy trì sự sống và là không gian cư trú thoải mái. Tại "vùng đất" được gọi là "địa đàng" này con người có thể phục vụ Đức Chúa Trời và tìm thấy mục đích đầy ý nghĩa cho cuộc đời.

Do việc ly khai khỏi Đức Chúa Trời gây ra bởi sự cố ý phản loạn của họ, người nam và người nữ đầu tiên chợt thấy chính mình bị đuổi ra khỏi vùng đất phước hạnh này. Khi con người sa ngã lưu lạc trên đất, sự xa cách của con người khỏi thế giới quanh mình như được tăng cường mọi chỗ. Môi trường của con người đã trở thành kẻ thù của chính mình. Chông gai và tật lê mọc dày đặc khắp nơi.

Nhưng một lời hứa thiên thượng đem lại cho con người hi vọng. Có một "vùng đất", vùng đất đượm sữa và mật. Một nơi nào đó phía trước mà con người có thể tìm thấy vùng đất ấy, vì Đức Chúa Trời đã dự định cứu chuộc con người khỏi lời rủa sả, cho con người được trở lại vùng đất phước hạnh mà mình đã đánh mất.

Tia hi vọng này được diễn đạt cụ thể trong lời hứa đối với Áp-ra-ham. Bằng một hành động tối cao của đức tin, vị Tổ phụ từ bỏ vùng đất của cha ông mình và trở nên một lữ khách lang thang, luôn luôn di chuyển về phía "vùng đất" mà Đức Chúa Trời đã hứa.

Cảnh đời kiêu ngạo của ông là một bức tranh hoàn hảo về hành trình đến địa đàng mà những người được cứu chuộc phải trải qua. Con người phải rời bỏ môi trường quen thuộc của chính mình và ra đi với đức tin vào lời hứa cứu chuộc của Đức Chúa Trời, hướng về một vùng đất đã được định sẵn trên thế giới.

Áp-ra-ham đến được vùng đất ấy nhưng ông chưa bao giờ sở hữu nó. Ông tận mắt thấy nơi chốn của sự khôi phục đã được hứa hẹn, nhưng ông chết và chẳng có gì hơn ngoài một khu nghĩa địa gia đình ([SaSt 23:17-20](#)). Kinh nghiệm cả một đời người buộc ông phải nhìn xa hơn hoàn cảnh hiện sống tạm thời để hướng về "một thành có nền vững chắc, mà Đức Chúa Trời đã xây cất và sáng lập" ([HeDt 11:10](#)). Đối với Môi-se và những người thuộc thế hệ ông, Đức Chúa Trời làm mới lại lời hứa khôi phục vùng đất. Ở phía bên kia sa mạc, một vùng đất đơm sữa và mật đang chờ đợi họ. Nhưng Môi-se và những người đồng thời lang thang trong sa mạc Si-na-i suốt bốn mươi năm, và Môi-se đã chết trong đức tin, không nhận lãnh được lời đã hứa ([11:39](#)).

Dưới quyền thống lĩnh của Giô-suê dân chúng chinh phục vùng đất, nhận lãnh được một kiểu mẫu giới hạn của địa đàng mà Đức Chúa Trời đã hứa. Nhưng việc lãnh thổ này không phải là địa đàng tối hậu đã nhanh chóng trở nên hiển nhiên. Những người Ca-na-an chưa bị đánh bại cứ làm những "con ong lỗ" để nhắc nhở Y-sơ-ra-ên về tình trạng chưa hoàn hảo của chính nó, cũng như những giới hạn của chính vùng đất; vì làm sao có thể thực hiện được việc quay về vùng đất địa đàng với bản lĩnh đầy đủ mà dân chúng lại thiếu sự thánh khiết trọn vẹn được chứ? Tuy qua bài học trực quan rộng lớn đó tức là vùng đất của người Ca-na-an, mỗi thế hệ kế tiếp nhau học biết cách sống trong hi vọng, họ vẫn chưa sở hữu được lời hứa theo ý nghĩa đầy đủ nhất của nó.

Hình ảnh về tình trạng đơm hoa kết trái tương xứng với địa đàng không đạt đến hiện thực đầy trọn mãi cho đến kỷ nguyên quân chủ thống nhất của Y-sơ-ra-ên. Vị vua được xúc dầu cai trị trên toàn vùng đất, và dân cư của vua vui hưởng những phước hạnh của sự thịnh vượng. Cuối cùng, dưới triều Sa-lô-môn, Y-sơ-ra-ên sở hữu vùng đất từ Ơ-phơ-rát đến biên giới Ai Cập, như Đức Chúa Trời đã hứa từ ban đầu với Áp-ra-ham ([SaSt 15:18](#), [XuXh 23:31](#), [IVua 1V 4:21](#), [8:65](#), [IISu 2Sb 9:26](#)). Cảnh thái bình và thịnh vượng dưới thời trị vì của Sa-lô-môn được mô tả như một tình trạng mà trong đó mỗi người ngồi "dưới cây nho và cây vả mình" ([IVua 1V 4:25](#)), một bức tranh hoà hợp lý tưởng giữa vòng con người, Đức Chúa Trời của con người, và môi trường của con người. Các nhà tiên tri mở rộng chính hình ảnh địa đàng này thành một tương lai xa, nói đến ngày mà mọi người đều ngồi hưởng cảnh thanh bình dưới cây nho và cây vả mình ([MiMk 4:4](#), [XaDr 3:10](#)).

Nhưng nền quân chủ thống nhất không phải là một tình trạng hoàn hảo, và nó không thể kéo dài mãi mãi. Sau thời Sa-lô-môn, dòng dõi Đa-vít, dự báo nền trị vì của "Đấng Mê-si-a" của Y-sơ-ra-ên, chỉ còn tiếp tục ở vương quốc Giu-đa. Dù vậy, nó kéo dài được bốn trăm năm, tỏ ra là một trong những đế chế lâu bền nhất trong lịch sử nhân loại. Nhưng vì con dân Chúa cứ ghì mài trong tội lỗi, và vì giao ước cũ có tính chất tiên báo về phước hạnh tương lai, bức tranh về một địa đàng được khôi phục, rốt lại cũng đã đến hồi kết thúc.

Đất đai hoang tàn, dân cư bị lưu đày. Liên tục bất chấp luật pháp Đức Chúa Trời, họ đi đến chỗ đáng sợ là lo-ammi, nghĩa là "không- phải- dân- ta" ([OsHs 1:9](#)). Vùng đất phì nhiêu mang dáng dấp của một sa mạc, một nơi ở cho chó rừng, chim cú và bò cạp. Dân chúng bị kéo đi bằng xiềng đến địa bàn cổ xưa của tổ phụ mình, bị buộc phải quay lại với kỷ nguyên trước khi lời kêu gọi của Chúa đến với Áp-ra-ham.

Địa đàng, ngay cả dưới hình thức hình bóng của giao ước cũ, cũng bị tước mất khỏi họ.

Tuy nhiên, ngược lại với một ấn tượng sai lầm phổ biến, lịch sử của giao ước cũ không chấm dứt với cuộc lưu đày. Con dân Đức Chúa Trời không bị bỏ lại bên ngoài vùng đất đó. Thay vào đó họ trở về với Đất Hứa trước khi bức màn phủ xuống phần cuối của kỷ nguyên giao ước cũ. Đối với họ việc quay về là một kiểu phục sinh từ cõi chết, làm mới lại sự sống họ đã mất. Khải tượng của Ê-xê-chi-ên về trứng xương khô sống lại dự báo sự khôi phục Đất Hứa, và cũng đem lại khải tượng về sự phục sinh từ cõi chết. Đức Chúa Trời sẽ thổi hơi sự sống vào trong các xương cốt khô kia ([Exe Ed 37:4-6](#)). Những người bị tàn lạc sẽ trở lại với sự sống. Họ sẽ trở về vùng đất đó, vì Chúa đã tuyên bố,

Hỡi dân Ta, này, Ta sẽ mở mồ mả các ngươi, làm cho các ngươi lại lên khỏi mồ mả, và Ta sẽ đem các ngươi về trong đất của Y-sơ-ra-ên: Hỡi dân Ta, các ngươi sẽ biết Ta là Đức Giê-hô-va, khi Ta đã mở mồ mả các ngươi, và làm cho các ngươi lại lên khỏi mồ mả: Ta sẽ đặt Thần Ta trong các ngươi, và các ngươi sẽ sống: Ta sẽ lại lập các ngươi trong đất riêng của các ngươi; rồi các ngươi sẽ biết rằng Ta, Đức Giê-hô-va, sau khi hứa lời ấy thì đã làm thành, Đức Giê-hô-va phán vậy : ([37:12-14](#))

Phần bé nhỏ của "vùng đất" mà Y-sơ-ra-ên quay về để sở hữu sau chuyến lưu đày Ba-by-lôn là rất nhỏ nhoi so với phần lãnh thổ mở rộng dưới thời Sa-lô-môn năm trăm năm trước. Chưa đầy năm mươi ngàn người quay về để dự phần trong sự phục hồi "vinh hiển" này, một con số rất nhỏ so với cả triệu người hoặc hơn đã cùng Môi-se ra khỏi Ai Cập. Những người già cả hơn là những người có thể nhớ lại sự vinh hiển của đền thờ Sa-lô-môn bật khóc khi họ thấy nền móng khiêm tốn của đền thờ được khôi phục ([Exo Er 3:2](#)). Đây không thể là địa đàng được!

Không, không phải đâu.

Nhưng chuyến hồi hương về lại "vùng đất" và việc tái thiết đền thờ chỉ ra con đường đi. Những sự kiện này không chỉ miêu tả việc hồi hương mà còn là sự hồi sinh, sự phục sinh từ cõi chết, tiên báo sự khôi phục hoàn toàn con dân của Đức Chúa Trời. Năm trăm năm trước khi Đấng Christ đến, các tiên tri của thời kỳ khôi phục này đã tiên báo những ơn phước đến trên vùng đất này. Giê-ru-sa-lem sẽ là một thành phố không có tường thành, dù vậy một bức tường lửa sẽ bao quanh nó ([XaDr 2:4-5](#)). Vinh hiển của đền thờ bé nhỏ này sẽ lớn hơn kiến trúc đền thờ thời Sa-lô-môn, và sự giàu có của mọi quốc gia sẽ chảy về đó ([AgKg 2:9](#)).

Tất cả đều là ngôn ngữ biểu tượng (hyperbolic) - vậy thì điều đó có ý nghĩa gì?

Điều đó có nghĩa là Đức Chúa Trời có một điều gì đó tốt hơn. Những hoàn cảnh tốt hơn cái tốt nhất có thể tưởng tượng ra được dưới những giới hạn hiện tại của vũ trụ sẽ đặc trưng cho những phước hạnh của tương lai. Lời hứa về vùng đất sẽ được ứng nghiệm không bởi điều gì kém hơn một địa đàng được khôi phục. Như Ê-sai nói tiên tri trước đó, chó sói sẽ nằm chung với cừu con, và một đứa trẻ sẽ dẫn chúng đi ([Esls 11:6](#)). Tội lỗi và sự sầu khổ sẽ không còn cai trị, và công gai cũng không lan tràn mặt đất nữa.

Khi Đấng Christ thực sự đến, góc nhìn của Kinh Thánh về "vùng đất" đã trải qua những thay đổi triệt để. Quan sát cách thức những nhà lãnh đạo Do Thái và Hê-rốt đối xử với Giăng Báp-tít, Đức Chúa Giê-xu có chiến lược mở màn chức vụ của Ngài tại Ga-li-lê của Dân Ngoại, tại Ca-bê-na-um, "bên bờ biển" ([Mat Mt 4:12-16](#), [Esls 8:23-9:1](#)). Chẳng phải vô cớ mà Chúa đã chỉ cho Áp-ra-ham thấy rằng ông phải định cư trên giải đất hẹp nối liền ba lục địa này. Trải qua hàng ngàn năm lữ khách từ Châu Phi đến Châu Âu, từ Châu Á đến Châu Phi đều đi dọc theo via maris, "con

đường bên mé biển". Họ đi ngang qua ngay tại địa bàn Ca-bê-na-um, và họ tiếp tục đi qua đó trong thời Đức Chúa Giê-xu. Qua việc đăng quang chức vụ công khai của Ngài tại Ga-li-lê của Dân Ngoại dọc theo con đường thương mại quốc tế chính yếu, Đức Chúa Giê-xu đã đưa ra một tuyên ngôn. Vùng đất này sẽ đóng vai trò một bàn đạp để đến mọi quốc gia. Vương quốc của Đức Chúa Trời là một lãnh thổ vượt xa hẳn vùng biên giới cổ xưa của Y-sơ-ra-ên. Như Phao-lô đã nhận định một cách sắc bén, lời hứa của Áp-ra-ham từ góc nhìn của giao ước mới có nghĩa rằng ông sẽ là người thừa kế vũ trụ, "lấy thế gian làm cơ nghiệp" ([RoRm 4:13](#)). Mọi quốc gia, mọi vùng đất, và mọi dân tộc sẽ kinh nghiệm những ơn phước của nền cai trị nhân từ này.

Những hàm ý cơ bản trong việc Đức Chúa Giê-xu định hướng chức vụ mình đến toàn thế giới chứ không giới hạn trong vùng đất Ca-na-an cần phải được cảm nhận đầy đủ. Bằng cách đặt góc nhìn này lên chức vụ mình, Đức Chúa Giê-xu đã mở đường để "bóng" của giao ước cũ được thay thế bằng "hình" của giao ước mới. Hình ảnh việc trở về một "vùng đất" đượm sữa và mật được tập trung trên một sự hồi sinh bao trùm toàn bộ trật tự sáng tạo của Đức Chúa Trời. Không chỉ xứ Ca-na-an được hưởng lợi ích trong việc thiết lập vương quốc của Đấng Mê-si-a, mà toàn thế giới sẽ vui hưởng sự đổi mới do tính chất tươi mới của sự sống này mang lại.

Vùng đất từ Tây sang Đông

Khuôn mẫu thời tiết phổ biến của vùng đất Trung Đông này chạy từ tây sang đông.

Bắt đầu trên Địa Trung Hải, gió, mây, và mưa trước hết băng ngang qua vùng đồng bằng duyên hải Phi-li-tin. Rồi chúng hạ thấp xuống để chạy qua những vùng đồi tròn trịa của Shephelah, [2]

: Shephelah từ Hebrew có nghĩa là vùng chân đồi, để chỉ phần thung lũng dọc phía Tây, vùng canh tác chính của Palestine, nằm giữa vùng đồng bằng duyên hải Palestine và các dãy núi trung tâm: và vùng núi non Giu-đê thuộc phần giữa của vùng đất này. Tiếp theo là kẻ nứt sâu của thung lũng Giô-đanh, và cuối cùng là vùng cao nguyên bên kia sông Giô-đanh của xứ Ê-đôm và Mô-áp cổ đại. Một lần nữa, tính chất chật chội của vùng lãnh thổ này cần được ghi nhớ. Băng ngang vùng đất này từ tây sang đông không đòi hỏi một hành trình dài tương tự một chuyến đi xuyên lục địa từ Pháp sang Nga. Vành đai này, vùng đất có ý nghĩa nhất trong lịch sử thế giới, có chiều ngang không quá 80 dặm (128 km) khi du khách đi từ bờ biển Địa Trung Hải xuyên qua Giê-ru-sa-lem đến vùng sa mạc phía bên kia sông Giô-đanh.

Vùng bờ biển Địa Trung Hải

Những vùng bờ biển và hải đảo xa xôi của Địa Trung Hải đối với người dân Palestine là "những phần tận cùng của thế giới". Vùng biển lớn này có tên gọi như thế do nó có vị trí nằm "chính giữa các vùng đất", và những lãnh thổ này nằm ở rìa ngoài của thế giới theo sự hiểu biết của các dân tộc thời Kinh Thánh.

Vì thế khái tượng tiên tri về một sự bành trướng toàn cầu đức tin vào một Đức Chúa

Trời hằng sống chân thật và Đấng Cứu Chuộc một nhân loại tội lỗi được mô tả như là một hành động vươn đến những hải đảo xa xôi ([EsIs 42:4](#)). Khi Giô-na quyết định chạy trốn đến Ta-rê-si, ông nhắm vào bán đảo Iberique (Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha ngày nay), là giới hạn bên ngoài của thế giới theo sự hiểu biết của ông. Thật trở trêu, khi nỗ lực ngăn chặn sứ điệp ăn năn và đức tin đến với dân Ni-ni-ve ngoại đạo nhằm bảo vệ vị trí được ưu đãi của Y-sơ-ra-ên, Giô-na trở thành công cụ của Đức Chúa Trời để truyền bá tin tức tốt lành đến "phần cuối cùng của đất" qua việc cải đạo trên thuyền của các thủy thủ ngoại đạo khi họ tìm đường đến Ta-rê-si. Sứ đồ Phao-lô là sứ giả được lựa chọn của Đức Chúa Trời cho các quốc gia đã quyết tâm đạt được cùng một mục tiêu như Giô-na ([RoRm 1:10, 13, 15:23-24](#)). Ông trông mong "đi ngang qua" thành phố thủ đô của thế giới. Nhưng ông không sợ làm tổn thương cảm xúc của người Rô-ma khi ông nói thẳng rằng mục tiêu của ông không phải là thành phố to lớn của họ, vì ông phải làm trọn mục đích của Đức Chúa Trời bằng cách đem Phúc Âm đến "đầu cùng trái đất." Một lần nữa thật hiển nhiên là Đức Chúa Trời đã xác định mục đích rõ ràng khi Ngài cẩn thận chọn dải đất hẹp gọi là Ca-na-an này để làm cầu nối ba lục địa. Áp-ra-ham phải rời khỏi U-rơ xứ Canh-đê và đi đến vùng đất xa xôi này lâu lắm trước khi ông biết rằng nó giáp bờ Địa Trung Hải bởi vì Đức Chúa Trời dự định rằng dòng dõi của vị tổ phụ được lựa chọn này phải trung chuyển các ơn phước của sự cứu chuộc cho mọi quốc gia trên thế giới.

Đồng bằng Phi-li-tin và Sa-rôn

Đồng bằng duyên hải Phi-li-tin và Sa-rôn không có các cảng nước sâu tự nhiên để thiết lập vùng này thành một trung tâm thương mại thế giới. Những bãi biển cạn, đầy cát đặc trưng cho vùng bờ tây của Xứ Thánh chứ không phải là những vịnh (inlets) và hải cảng như ở Hi-lạp và Ý. Đây đó trong những thành phố như Ách-ca-lôn, Giốp-bê, Đô-rơ, và A-cô, cũng có những vùng nước đủ sâu cho tàu thuyền ra vào. Người Phê-ni-xi và các cư dân Ty-rơ ở phía bắc trở nên khéo léo trong việc buôn bán bằng đường thủy. Nhưng người Y-sơ-ra-ên không bao giờ nổi tiếng về những thành tựu hàng hải đáng giá. Sa-lô-môn thiết lập được thương mại hàng hải có ý nghĩa, nhưng hoạt động của ông chủ yếu tập trung vào cảng Ê-lát (Ê-xi-ôn Ghe-be), nằm trong vịnh Aqabah ngày nay. Thật sự có trường hợp vị vua tốt như Giô-sa-phát lại thiết lập một liên minh tồi tệ với vị vua gian ác A-cha-xia của Y-sơ-ra-ên. Hậu quả là có một vụ đắm tàu bi thảm dành cho những nỗ lực nhằm "chinh phục thế giới" bằng đường biển của Y-sơ-ra-ên (cf. [1ISu 2Sb 20:35-37](#)). Đến một tầm mức lớn hơn, vùng đồng bằng duyên hải vẫn cứ là một lãnh thổ không chiếm hữu được trong lịch sử phát triển của Y-sơ-ra-ên, mặc dù tác giả Thi Thiên cứ đứng chiêm ngưỡng những người đi biển xuống tàu, chăm chú vào những điều kỳ diệu của vực sâu ([Thi Tv 107:23-24](#)).

Những ngọn đồi nhấp nhô

Trong vòng 20 km của vùng duyên hải Phi-li-tin đi về hướng đông là đến những ngọn đồi nhấp nhô có tên gọi là Shephelah : Những ngọn đồi vui mắt này và các

vùng trũng tạo thành những thung lũng rộng tự nhiên mở vào vùng nội địa. Do đó, phần lãnh thổ này luôn luôn có ý nghĩa quân sự với tư cách là tuyến phòng thủ đầu tiên cho Giê-ru-sa-lem và vùng phụ cận. Khi các đoàn quân di chuyển dọc theo vùng đồng bằng duyên hải từ Châu Âu và Châu Á hướng về phía Ai Cập và Châu Phi, họ thường đi vào những thung lũng này như là con đường dễ đi nhất đến thủ đô của vùng đất này. Vì thế Shephelah trở thành chiến trường khốc liệt giữa Y-sơ-ra-ên và các kẻ thù xâm lược. Tại một trong những thung lũng này, Sam-sôn lấy lại uy thế chống quân Phi-li-tin với xương hàm của một con lừa ([Cac TI 14:1-15:20](#)). Trong một thung lũng khác (Ê-la), cậu bé Đa-vít và tên khổng lồ Gô-li-át có trận đánh nổi tiếng trong khi quân đội hai bên đứng xem ([ISa1Sm 17:1-58](#)). Cũng trong một thung lũng khác tại vùng này, người A-sy-ri râu sậm tên là San-chê-rip đã bao vây tuyến phòng thủ cuối cùng của Y-sơ-ra-ên tại La-ki và sai sứ giả đến Giê-ru-sa-lem, đòi họ đầu hàng vô điều kiện ([IIVua 2V 18:17-26](#)). Như là những con đường dẫn đến vùng trung tâm của xứ, vị trí chiến lược của những thung lũng này giải thích tầm quan trọng của món quà hồi môn Ghê-xe, một thành kiên cố trong vùng Shephelah, mà vua Ai Cập ban cho Sa-lô-môn ([IVua 1V 9:16](#)). Bởi hành động này, vinh quang của vị vua được xúc dầu của Y-sơ-ra-ên, đấng "mê-si-a" của họ, được nhìn thấy khi ông thực sự vô hiệu hoá mọi khả năng tấn công quân sự của cường quốc Ai Cập. Dù sự nhượng bộ này có bị che phủ bởi cuộc hôn nhân có động cơ chính trị giữa Sa-lô-môn với con gái Pha-ra-ôn, sự vinh quang của đế chế Y-sơ-ra-ên đang bành trướng đã trở nên hiển nhiên. Nếu không vị vua Ai Cập này chẳng bao giờ nghĩ đến việc thiết lập một hoà ước không thể phá vỡ với người hàng xóm trước đây chẳng có nghĩa lý gì ở phía bắc.

Vùng núi trung tâm

Sau những ngọn đồi nhấp nhô của vùng Shephelah là vùng núi trung tâm của vùng đất. Cao lên nhanh chóng từ mực nước biển Địa Trung Hải đến một độ cao khoảng 2.400 bộ (730m) tại Giê-ru-sa-lem, vùng xương sống núi non này chạy từ nam đến bắc theo một khoảng cách độ 145 km. Rặng núi trung tâm này nối Hê-rôn ở phía nam Giu-đa với các đỉnh núi Ga-ri-xim và Ê-banah tại Sa-ma-ri, và tiếp tục đến núi Ghinh-bô-a ở rìa phía nam của đồng bằng Gít-rê-ên tại Ga-li-lê. Chính trong những ngọn đồi nằm trái đường của lãnh thổ Giu-đê mà các sự kiện có ý nghĩa nhất của lịch sử thế giới đã diễn ra. Trong một không gian chật hẹp khoảng chừng 32 km², công trình cứu chuộc của Đức Chúa Trời vốn định hình lịch sử thế giới đã khởi nguồn và trở thành những hiện thực được hoàn tất (consummate realizations). Những tế lễ đầu tiên của Áp-ra-ham khi ông đặt chân đến vùng đất này và tế lễ cuối cùng bằng chính Đức Chúa Giê-xu Christ diễn ra trong miền tương đối mờ nhạt này.

Chẳng phải Đức Chúa Trời của Kinh Thánh đã chọn nơi chốn đặc biệt này làm vũ đài cho sự kiện quan trọng nhất của lịch sử thế giới sao? Mọi con đường của thế giới không tự nhiên dẫn đến chốn thánh khiết này. Thật vậy, những con đường mòn được nhiều người đi lại của khu vực hoàn toàn bỏ qua lãnh thổ trung tâm này của vùng đất của Kinh Thánh. Đúng ra, con đường được gọi là "xa lộ tổ phụ" (patriarchal highway) uốn lượn dọc theo sườn núi chạy xuyên qua khu vực này.

Nhưng những con đường quốc tế chính yếu chạy theo vùng đồng bằng duyên hải và sườn phía đông của vùng phía bên kia sông Giô-đanh. Để có mặt trong phần lãnh thổ này, trước hết người ta phải quyết tâm đi đến đó. Ngay cả ngày nay, Giê-ru-sa-lem cũng không thể khoe khoang về một sân bay quốc tế. Thành phố Tel Aviv ít nổi tiếng hơn phải phục vụ như người chủ nhà đầu tiên tiếp đón đám đông khách hành

hướng đến thăm vùng đất của Kinh Thánh.

Tại vùng đồi núi trung tâm này, Áp-ra-ham và Sa-ra nhận được lời khẳng định về những lời hứa liên quan đến đất đai của họ, dòng giống của họ, và định phận của họ là làm một ơn phước cho toàn thế giới ([SaSt 12:6-7](#)). Bước vào chính miền này, Giô-suê tổ chức khẳng định giao ước tại đúng chỗ mà Môi-se đã chỉ định trước đó theo mệnh lệnh Chúa truyền ([PhuDnl 11:29-30](#), [27:12-13](#), [Gios Gs 8:30-35](#)). Cũng chính dọc theo rặng núi trung tâm này Đa-vít được xức dầu và bắt đầu cai trị tại miền cao nguyên Hếp-rôn ([IISa 2Sm 2:1-4](#)). Trong miền này Sa-lô-môn xây dựng đền thờ tráng lệ cho Chúa, và tại chính địa bàn này Xô-rô-ba-bên giám sát việc khôi phục khiêm hạ của nó sau những tàn phá của cuộc lưu đày. Tại vùng đồi phía nam của Giu-đê, Trinh Nữ hạ sinh Con nhập thể của Đức Chúa Trời tại Bết-lê-hem; và tại vùng đồi núi gần Giê-ru-sa-lem, Ngài trở lại với đỉnh điểm của chức vụ Ngài trên đất. Đức Chúa Giê-xu không du hành đến A-thên, Rô-ma, hoặc Cai-rô để thi hành công tác hi sinh, cứu chuộc cuối cùng của Ngài. Thay vào đó Ngài trở lại trong phạm vi mười cây số của nơi Ngài đã được sinh ra. Tại chính trên những ngọn núi này và trên con đường về Em-ma-út gần đó, lần đầu tiên Ngài tỏ mình là Đấng Chiến Thắng trên kẻ thù cuối cùng của dân tộc Ngài. Cũng chính tại đây Ngài thăng thiên trong sự vinh hiển về với Cha, và từ vị trí được tôn cao trên thiên đàng Ngài đổ Đức Thánh Linh ban sự sống trên các môn đồ Ngài đang nhóm họp tại đây. Không có nơi nào trên đất giống như chỗ này. Dồn nén trong một không gian đi bộ khoảng một ngày, những sự kiện trọng đại nhất trong công tác của Đức Chúa Trời trên thế giới đã diễn ra. Đây là nơi người ta có thể nghiên cứu cho đến khi họ cảm nhận được một điều gì đó về sự kỳ diệu trong công tác của Đức Chúa Trời trên thế giới này.

Thung lũng sông Giô Đanh

Nhưng không kém phần tuyệt vời, ít nhất như một hiện tượng địa hình học (topological), là phần tiếp theo của xứ khi người lữ khách tiếp tục đi về hướng đông. Cách Giê-ru-sa-lem chưa đầy hai mươi dặm (khoảng 33km) là thung lũng (rift) sông Giô-đanh :

Xa tit về phía bắc những dòng tuyết tan của núi Hết-môn đổ vào luồng nước chảy ào ào xuyên qua hồ Hu-lê và biển Ga-li-lê, đổ xuống dòng sông Giô-đanh cuộn cuộn uốn khúc cho đến khi đổ hết mọi phù sa tích lũy được vào Biển Chết, điểm thấp nhất trên bề mặt trái đất. Chỉ trong hơn 150 km, vùng đất này sụt đột ngột từ 9.200 feet (2800m) trên mực nước biển tại đỉnh núi Hết-môn xuống tới 1.300 feet (396m) dưới mực nước biển tại bề mặt của Biển Chết. Chính kẻ nứt sâu địa lý này còn tiếp tục đi xuống dọc theo nửa phần phía đông của Phi Châu, tạo nên các hồ, sông, và thung lũng dọc theo đó.

Sông Giô-đanh! Biết bao chuyện kể, bài ca, và huyền thoại bao quanh dòng nước sôi động này! Chẳng nghi ngờ gì người ta đã hát về nó, cầu nguyện về nó, và giảng dạy về nó bằng nhiều ngôn ngữ và thổ ngữ hơn bất cứ dòng sông nào trên thế giới. Dòng sông Giô-đanh ấy,

Quá lạnh lẽo thờ ơ,
Khiến thân hình run rẩy,
Chứ không phải linh hồn:

Bởi vì vùng đất Ca-na-an như là hình ảnh của sự yên nghỉ đời đời lại nằm ở bờ "bên kia" của nó, nên dòng nước mát lạnh của sông Giô-đanh từng cuộn cuộn trôi qua lịch sử như một vạch phân chia biểu tượng giữa thế giới này và thế giới hầu đến. Nhưng dòng sông lớn này có đủ tầm quan trọng trong chính Kinh Thánh mà không cần đến sự cường điệu (accretions) không tránh khỏi qua các thời đại. Tại đây Giô-suê đã bảo rằng bàn chân của các thầy tế lễ phải chạm vào dòng nước lụt ấy để mở đường cho quốc gia Y-sơ-ra-ên đi ngang qua trên đất khô (Giô-suê 3). Tại các chỗ cạn của dòng sông này các chiến binh Y-sơ-ra-ên đã áp dụng bài trắc nghiệm "Si-bô-lết", và từ vùng rừng rậm của Giô-đanh xuất hiện hình ảnh của sự thách thức dữ dội mà vị tiên tri của Chúa phải đương đầu ([Cac TI 12:4-6](#), [Gie Gr 12:5-6](#)). Cũng tại đây Giăng Bap-tít trước hết rao giảng Phúc Âm của sự ăn năn để được tha tội, và với nước sông ấy ông làm bap-têm cho Đấng mà ông thấy mình không xứng đáng để cởi quai dép Ngài ([Mat Mt 3:13-17](#), [GiGa 1:27](#)). Hết-môn, nơi dòng tuyết tan thành nguồn nước của sông, rất có thể lắm là địa điểm nơi Chúa hoá hình, hồ Ga-li-lê là một nơi nổi bật cho chức vụ và các phép lạ của Ngài. Trên chuyến hành trình cuối cùng, dài ngày về Giê-ru-sa-lem, Đức Chúa Giê-xu băng ngang sông Giô-đanh rồi đi ngược lại để làm trọn chức vụ rao giảng và dạy dỗ. Như một trạm dừng chân cuối cùng trước khi lao mình vào những sự kiện náo động trong tuần lễ cuối cùng của cuộc đời mình, Ngài dừng lại bên thung lũng Giô-đanh tại Giê-ri-cô đủ lâu để ban lại ánh sáng cho cho người mù Ba-ti-mê và thay đổi đời sống của Xa-chê nhỏ nhắn.

Tại cuối con đường đi ngoằn ngoèo của dòng sông là Biển Chết, mà tự nó đã là một hiện tượng địa lý đáng kinh ngạc. Mặc dù không nhất thiết phải chú ý rằng mực nước của biển này thấp hơn mực nước biển trung bình 396m, thì nửa phần nước phía bắc của nó chìm xuống một đáy nước nằm thấp hơn bề mặt của chính nó thêm khoảng 400m nữa. Nước của biển này không có lối ra, và bởi quá trình bốc hơi đã trở nên mặn đến nỗi hầu như không có sinh vật nào có thể sống nổi ở đây. Quanh vùng nước cạn ở phía nam người ta có thể tìm thấy một số cấu tạo của đá có hình thù kỳ dị, mà một số người đã cho rằng đó là bia kỷ niệm cổ xưa của vợ Lót, người có không thể rời mắt khỏi các thành phố Sô-đôm và Gô-mô-rơ trong khi chúng bị tiêu diệt ([SaSt 19:23-26](#)). Địa điểm của các thành phố cổ xưa trên đây có thể nằm trong chính miền này. Nhưng kỷ niệm của chúng còn lưu giữ lâu dài là qua lời cảnh cáo của Chúa. Người nào quên mất lời quở trách sắc bén "hãy nhớ lại vợ của Lót" có thể phải chịu một số phận tương tự khi những hoàn cảnh đem lại sự sụp đổ cho họ ([LuLc 17:28-32](#)).

Những độ dốc cao lên đột ngột từ bờ tây Biển Chết về phía hoang mạc xứ Giu-đê tạo nên những hẻm sâu, đây đó có vài dòng suối. Chính tại chỗ này Đa-vít ẩn mình khỏi vị vua Sau-lơ điên cuồng tại Ên-ghê-đi, chờ đợi Chúa hành động để khẳng định vai trò của mình là nhà cai trị được xúc dầu của Y-sơ-ra-ên (I Sa-mu-ên 24). Cũng chính tại đây, một ngàn năm sau đó, những người mộ đạo Qumran đến cư trú để chờ đợi Đấng Mê-si-a mà họ mong đợi sẽ dẫn họ ra khỏi hoang mạc vào trong một thành Giê-ru-sa-lem được thanh tẩy. Dọc theo bờ phía đông của cùng khu vực này, vùng đá lởm chởm nhô lên còn đột ngột hơn tạo thành những đỉnh cao của vùng phía bên kia sông Giô-đanh (Transjordan), là phần cuối trong vùng đất của Kinh Thánh khi du khách di chuyển từ tây sang đông.

Vùng phía bên kia sông Giô Đanh
(The Transjordan)

Từ ngữ phía bên kia sông Giô-đanh (Transjordan) bắt nguồn từ góc nhìn về phía đông từ bờ tây của sông Giô-đanh. Môi-se nói về các lãnh thổ của người Am-môn và Mô-áp như là vùng đất "ngang qua sông Giô-đanh" (trans-Jordan) mặc dù chính ông chưa bao giờ xem xét vùng đất này từ góc nhìn đó. Vì ông sống trong sự chắc chắn rằng Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ vùng đất Ngài đã hứa. Mọi thế hệ tương lai của Y-sơ-ra-ên đều xem vùng lãnh thổ này là "phía bên kia sông Giô-đanh" hoặc "Transjordan (xuyên Giô-đanh)."

Y-sơ-ra-ên đã tiến vào Đất Hứa xuyên qua vùng Phía Bên Kia Sông Giô-đanh bởi vì bốn mươi năm trước đó dân Chúa thiếu đức tin để nhận lấy phần sản nghiệp đã định cho họ. Dù vậy do việc đổi lộ trình này, dân chúng làm quen với vùng cao nguyên Ê-đôm và Mô-áp, cũng như vùng đồng cỏ màu mỡ của Ga-la-át và Ba-san. Một phần của lãnh thổ này cuối cùng được chia cho các chi phái Ru-bên, Gát và phân nửa chi phái Ma-na-se.

Dòng dõi của Ê-đôm, Mô-áp và Am-môn có liên hệ với dòng dõi Áp-ra-ham qua dòng Ê-sau và bởi hành động vô luân của Lót, cháu Áp-ra-ham với các con gái mình ([SaSt 19:36-38](#)). Xuyên suốt lịch sử Áp-ra-ham, những dân tộc này cứ liên tục cướp phá con dân của Đức Chúa Trời. Nhưng đến cuối cùng, ân điển của Đức Chúa Trời chiếm ưu thế ngay cả trong tình huống rối ren này. Ru-tơ, dòng dõi Mô-áp, trở nên tổ mẫu của các tổ phụ đáng kính của Đa-vít, và cuối cùng được bao gồm trong dòng tộc của Chúa Giê-xu ([Ru R 4:13-17](#), [Mat Mt 1:5](#)). A-mốt nói tiên tri về ngày mà dân Ê-đôm ở phía bên kia sông Giô-đanh sẽ chia phần ngang bằng với tuyến dân của Đức Chúa Trời. Dù là "Dân Ngoại," họ sẽ mang danh của Chúa, sống trong lều trại được phục hồi của Đa-vít ([AmAm 9:11-12](#)). Lời dự đoán tiên tri này về việc bao gồm các kẻ thù lâu đời của con dân Đức Chúa Trời tìm được hiện thực lịch sử của nó trong việc tuôn đổ Đức Thánh Linh trên Dân Ngoại mà không cần họ phải trở nên người Do Thái ([Cong Cv 15:12-18](#)). Việc Đức Chúa Trời tuôn đổ ơn phước lớn lao nhất của Ngài trên những dân tộc trải qua các thời đại vốn chống nghịch với con dân Đức Chúa Trời tỏ bày có tính chất biểu tượng dự định của Chúa là ban phước cho mọi dân tộc trên thế giới qua dòng dõi Áp-ra-ham. Vì nếu Ê-sau và Mô-áp có thể trở nên những người thừa kế trong lời hứa cứu chuộc của Đức Chúa Trời, thì các dân tộc của mọi quốc gia khác trên đất chắc chắn cũng được bao gồm.

Du hành xuyên qua Đất Hứa từ tây sang đông có thể cung ứng nhiều sự hiểu biết sâu sắc về mục đích của Đức Chúa Trời cho toàn thế giới. Theo một kiểu mẫu vi mô thiết kế của vùng đất này phục vụ như một phương tiện cho sự hiện thân của chân lý Đức Chúa Trời đã dự định cho mọi dân tộc. Những hiểu biết sâu sắc tương tự có thể tìm được qua một tổng quan về vùng đất này dựa trên một hành trình từ nam đến bắc.

Vùng đất từ Nam đến Bắc

Xem xét vùng đất từ một góc nhìn khác có thể cung cấp những hiểu biết mới mẻ về ý nghĩa của các đặc trưng đa dạng cho các kế hoạch và mục đích của Đức Chúa Trời. Dù vậy vì cũng vẫn là vùng đất đó, góc nhìn thứ hai này chỉ bổ túc cho phần tổng quan trước đây. Vì vậy bây giờ xin mời xem tiếp vùng đất của Kinh Thánh bằng cách di chuyển từ ranh giới phía nam hướng về biên giới phía bắc của nó.

Ai Cập

Nằm bên ngoài nhưng lại gắn liền với lịch sử của vùng đất đó là Ai Cập, nơi khởi đầu của quốc gia Y-sơ-ra-ên. Trước khi các tổ phụ đi xuống miền này, Đức Chúa Trời đã bảo Áp-ra-ham phải trông đợi điều gì. Trong hơn bốn trăm năm, dòng dõi ông sẽ bị đàn áp dưới những bàn tay ngoại bang trong khi Đức Chúa Trời bày tỏ lòng kiên nhẫn của Ngài đối với dân cư Ca-na-an thoái hoá ([SaSt 15:13, 16](#)). Khi thời điểm giải phóng đến gần, những hành động của Pha-ra-ôn Ai Cập đượm tính chất quỉ quyệt. Những dấu kỳ dối trá của ông, việc ông sát hại trẻ em, lòng cứng cỏi kiêu hãnh và không khuất phục của ông đối với các mục đích tốt đẹp của Đức Chúa Trời cho thấy ông là công cụ của Sa-tan, kẻ thù lâu đời của Đức Chúa Trời. Nhưng bị đánh tơi tả qua các dịch lệ liên tục và rồi bị đánh gục bởi thiên thần sự chết do Đức Chúa Trời sai đến, Pha-ra-ôn mềm lòng đủ lâu để cho con dân của Đức Chúa Trời ra đi. Sự ăn năn của ông tỏ ra không thành thật khi quân đội ông đuổi theo dân Y-sơ-ra-ên đến tận bờ biển, chỉ để được trả lời bởi một sự sỉ nhục cuối cùng dưới làn nước báo thù.

Sự phán xét của Đức Chúa Trời trên Ai Cập và lòng ưu ái của Ngài đối với dân Y-sơ-ra-ên không thể và không được giải thích như một định kiến phân biệt chủng tộc, quốc gia hoặc lãnh thổ. Vì những vị thế ưu tiên và khước từ có thể thay đổi hết sức nhanh chóng. Ai Cập, là một quốc gia hàng đầu tại Châu Phi, chưa hề bị hạn chế hay ở trong tình trạng phân cách khỏi các ơn phước của Đức Chúa Trời; và Y-sơ-ra-ên cũng chưa hề được khẳng định vĩnh viễn vào một địa vị phước hạnh chắc chắn. Nếu đúng như vậy, cuộc hôn nhân giữa Môi-se với một phụ nữ người Cút có ý nghĩa gì ([Dan Ds 12:1](#))? Vậy thì làm thế nào hiểu được lời tiên tri của Ê-sai khi ông dặn dĩ công bố rằng để đáp ứng với lời kêu cứu của những người Ai Cập, Chúa giao ước sẽ sai một "đấng cứu tinh và người binh vực" đến với họ; và Chúa Toàn Năng sẽ công bố. "Phước cho Ai Cập dân ta" ([EsIs 19:19-20, 25](#))? Vậy thì ý nghĩa của việc đảo ngược hoàn toàn các hoàn cảnh là gì khi đất Ai Cập cung ứng một chỗ an toàn cho hài nhi Christ trước sự truy sát của Hê-rốt, ông vua lai Do Thái ([Mat Mt 2:13-15](#))? Vậy thì Chúa có ý gì khi cất Phi-lip ra khỏi một cơn phục hưng giữa vòng người Sa-ma-ri và sai ông vào sa mạc để đem Đấng Christ và cách báp-têm của Ngài đến cho một người Ê-thi-ô-pi đang trên đường trở về Châu Phi ([Cong Cv 8:5-7, 26-39](#))? Những sự phát triển này phải có ý nghĩa rằng Ai Cập và Châu Phi không thể là một quốc gia và lãnh thổ hạng hai trong các mục đích cứu chuộc của Đức Chúa Trời. Họ cũng có thể trở thành người thừa kế mọi lời hứa giao ước của Đức Chúa Trời, một phước hạnh trên đất.

Nhưng vào buổi bình minh của công tác cứu chuộc, Ai Cập thủ vai một kẻ đàn áp quỉ quyệt đối với con dân Đức Chúa Trời. Vùng đất nó, quốc gia nó, và dân tộc nó sừng sững như là biểu tượng cho hạt giống của sa-tan giữa các dòng dõi người nữ.

Hoang mạc

Đợt di chuyển tiếp theo từ nam đến bắc dẫn đến hoang mạc :

Trải qua mọi thời đại, sa mạc biểu trưng cho nơi chốn trắc nghiệm và thử thách đối với con dân Đức Chúa Trời. Trong suốt thời kỳ lang thang trong hoang mạc, việc thiếu bánh mì và nước có nghĩa rằng Y-sơ-ra-ên phải cứ tin cậy Đức Chúa Trời ngay cả khi bị tước đi những thứ để duy trì sự sống. Khi phép lạ cung ứng bánh từ trời cao đến đều đặn, dân chúng lại bị cám dỗ ham muốn nhiều hơn và phàn nàn về số lượng ít ỏi. Nhưng chỉ với lòng tin cậy vâng phục trước những hoàn cảnh khắc nghiệt thì họ mới học được bài học của hoang mạc. "Loài người sống chẳng phải nhờ bánh mà thôi, nhưng loài người sống nhờ mọi lời bởi miệng Đức Giê-hô-va mà ra" ([PhuĐnl 8:3](#)).

Nhưng ngay cả bốn mươi năm trong trường hoang mạc cũng chưa đủ. Ngay sau khi thịnh vượng trong vùng đất đơm sữa và mật, dân Y-sơ-ra-ên đã quên ngay những bài học nhiều năm trong hoang mạc. Những sự hấp dẫn của nền văn hoá Ca-na-an bắt lấy họ; và họ thờ lạy Ba-anh, những vị thần của chủ nghĩa duy vật chất, thậm chí đến việc dâng con trẻ của mình làm tế lễ thiêu. Vì vậy, một lần nữa họ cần được trang bị bài học về sự phá sản tơi bời trong hoang mạc. Tiên tri Ô-sê tiên đoán điều đó. Đức Chúa Trời Toàn Năng sẽ đóng vai trò của một tình nhân, dẫn họ vào hoang mạc, và tại đó để cho họ bị lột hết mọi tiện nghi vật chất cho đến khi tìm thấy con đường ăn năn một lần nữa. Trước khi họ nhận thêm bất cứ ơn phước nào từ nơi Ngài, hoang mạc cháy bỏng, nơi của bò cạp và rắn rít, của chông gai và tật lê sẽ khiến cho họ phải hạ mình ([OsHs 2:2-3:8-10](#)).

Vi vậy, con dân của Chúa đáng lẽ chẳng nên ngạc nhiên gì khi vị sứ giả khô khan và quyết đoán của giao ước mới tìm chỗ đứng của mình "trong hoang mạc." Một quốc gia suy nhược vì tội lỗi phải đến với người trong hoang mạc và thuận phục bap-tem bằng nước về sự ăn năn xét lòng để được tha tội ([Mat Mt 3:1-6](#)). Bị bao quanh bởi những cao nguyên gồ ghề gồm có cát sa mạc và những tảng đá trở trời, dân Y-sơ-ra-ên của giao ước mới cần được nhắc nhở kinh nghiệm xa xưa của họ trong cùng một môi trường, và ra khỏi sự ràng buộc vào những điều tự mãn vốn bị thể chỗ cho tình yêu thương của Đức Chúa Trời mình.

Người ta cũng không nên ngạc nhiên rằng chính Con Đức Chúa Trời phải gập ma qui trong sa mạc. Dù bốn mươi ngày không phải là bốn mươi năm, nhưng tính chất tương tự của các con số và hoàn cảnh cũng đủ để nối kết hai biến cố đó. Bị cám dỗ về bánh, quyền lực, và những ưu thế - như dân Y-sơ-ra-ên thời xưa - Con thật của Đức Chúa Trời đã thành công trong cuộc thử nghiệm mà dân Y-sơ-ra-ên xưa kia đã thất bại. Sau một kỳ kiêng ăn bốn mươi ngày, Ngài không đầu hàng cơn cám dỗ biến đá trong sa mạc thành ra những ổ bánh mì. Vì Ngài tin rằng dù có tước đoạt phương tiện mưu sinh thì lời Đức Chúa Trời vẫn chính là một nguồn sống thật ([Mat Mt 4:1-11](#)).

Trong kinh nghiệm của con dân Đức Chúa Trời vai trò của sa mạc luôn quay lại như một yếu tố bất biến đầy ý nghĩa. Ngay cả ngày nay, con dân Đức Chúa Trời phải học biết những bài học của hoang mạc. Mọi thế hệ mới được làm cho sống động bởi ân điển Đức Chúa Trời có thể mang đặc điểm như một dân tộc của hoang mạc đang trải qua một thời gian thử thách kéo dài sau khi xuất hành hướng về sự yên nghỉ

dành cho con dân Đức Chúa Trời ([HeDt 3:7-4, 11](#)).

Vùng núi non Giu-đê

Sự nghi ngờ của du khách nằm ở phía trước, vì tiếp theo đó là vùng núi non miền nam của Giu-đê : Chính là để vào trong những ngọn núi này mà những người Y-sơ-ra-ên mỗi mọn đã sai mười hai thám tử, đại diện cho mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên đi do thám. Ở đó họ tìm thấy vùng đất "đượm sữa và mật" - không phải theo nghĩa đen, mà bằng sự tương phản với Ai Cập và vùng sa mạc mà họ nóng lòng muốn quên đi. Những thám tử từ khu vực này trở về, đem theo một chùm nho lớn hơn sức một người đàn ông có thể mang nổi. Nhưng sự thiếu đức tin của họ ngăn trở họ hưởng lấy ơn phước vô cùng dư dật của Đức Chúa Trời ([Dan Ds 14:1-4](#)). Sự tự thị của họ trong việc đi lên sau khi Chúa từ chối mở lối cho họ khiến họ bị thất bại trước các cư dân của vùng đất ấy ([PhuDnl 1:41-46](#)). Họ đi lên vào trong miền đồi cao kia và bị quân thù đánh bật trở lại. Vì thế thêm ba mươi tám năm nữa họ lang thang trong sa mạc, bị ngăn trở khỏi việc vui hưởng "địa đàng" của Đức Chúa Trời. Những bức tranh này về một vùng đất tương tự "địa đàng" không được hiểu theo nghĩa đen đơn thuần. Những núi non và thung lũng xứ Giu-đê có một vẻ đẹp riêng, nhưng chúng không hẳn là cho năng suất quá mức. Một ngụ ngôn Do Thái cho rằng vào lúc Sáng Tạo, Đức Chúa Trời giao cho hai con hạc lớn đem tất cả các hòn đá rải đều trên khắp mặt đất. Nhưng giỏ của một trong hai con chim khổng lồ bị vỡ ra trên xứ Pa-lét-tin nên một nửa số đá của thế giới đổ dồn hết xuống vùng đất của Kinh Thánh. Những cánh đồng lúa mì và vườn nho sai quả có thể được tìm thấy tại nhiều vùng trong lãnh thổ Giu-đê. Nhưng chỉ bởi hình ảnh thơ ca thì vùng đất này mới tương đương với "địa đàng".

Như trong hầu hết các vấn đề liên quan đến địa lý của vùng đất này, cần phải suy nghĩ theo những phạm trù nhỏ hơn điều mà người ta có thể tưởng tượng lúc đầu. Lãnh thổ Giu-đê trải dài về hướng bắc từ tỉnh thành Bê-e Sê-ba trên rìa sa mạc phía nam cách khu vực Giê-ru-sa-lem chỉ có năm mươi dặm (khoảng 80 km). Tính toán lãnh thổ Giu-đê từ tây sang đông, khoảng cách từ vùng núi non Giu-đê đến Biển Chết chỉ có khoảng mười tám dặm (khoảng 29 km). Dù vậy miền đất nhỏ bé này chứa đựng toàn bộ khu vực được phân chia cho chi phái quan trọng nhất trong mười hai chi phái. Ngay cả trước thời phân chia đất đai dưới thời Giô-suê, đã có lời tiên tri rằng nhà cai trị được hứa cho Y-sơ-ra-ên sẽ ra từ chi phái Giu-đá ([SaSt 49:10](#)). Cuối cùng Đa-vít được sinh ra tại Bết-lê-hem, bảy dặm (khoảng 11 km) phía nam Giê-ru-sa-lem. Đầu tiên ông lên ngôi tại vùng cao Hếp-rôn, cách nơi sinh của ông mười dặm (16 km) về phía nam. Từ địa bàn thuận lợi này, Đa-vít có thể nhìn về phía đông ngang qua Biển Chết hướng đến vùng núi non Mô-áp, và theo hướng ngược lại đến vùng bờ biển Địa Trung Hải. Vị vua trẻ hầu như có thể nhìn thấy được các đạo binh Phi-li-tin tập luyện cho đợt tấn công kế tiếp chống lại dân tộc mình.

Đất Giu-đê chủ yếu phân chia thành hai miền chính. Hãy đi theo rặng núi xương sống hướng bắc nam nối liền Hếp-rôn với Giê-ru-sa-lem, và phần lãnh thổ chia ra một cách tự nhiên thành hai phần theo lượng mưa đến từ Địa Trung Hải. Khi những đám mây di chuyển về hướng đông, chúng buộc phải bị đẩy lên cao khi gặp các đỉnh núi Giu-đê, kết tụ trong vùng khí quyển cao hơn, mát lạnh hơn và toả độ ẩm ướt của chúng xuống sườn dốc phía tây của Giu-đê. Một khi chúng đã lên đến đỉnh cao của rặng núi này, các đám mây lại đi xuống để bình bồng phía trên phay nứt Biển Chết, để rồi bị buộc phải bốc lên cao một lần nữa khi gặp những ngọn núi còn cao hơn của vùng Mô-áp ở bên kia sông Giô-đanh. Nhưng do kiểu thời tiết lâu hàng

thế kỷ này, những vùng đất canh tác đặc trưng cho phần phía tây của Giu-đa, trong khi sa mạc đi xuống vào trong phay nút Giô-đanh ở sườn phía đông của chính rặng núi này. Vùng liên hợp Hêp-rôn-Giê-ru-sa-lem-Bê-t-lê-hem cưỡi lên rặng núi này, có những vùng đất đai khác biệt rộng rãi ở cả hai bên sườn. Do đó, Đa-vít và dòng dõi của ông biết trực tiếp vùng đất bỏ hoang cần cỗi liên kết với một vùng đất nóng cháy và khô khốc, cũng như những sự hưng phấn tuôn trào từ một vườn được tưới nước đầy đủ. Di chuyển về hướng tây và họ kinh nghiệm một thái cực; quay về hướng đông và họ chứng kiến chính xác tình cảnh ngược lại.

Trong những ngọn đồi xứ Giu-đê này, Vua Đa-vít học biết những bài học về "người chăn chiên hiền lành." Hàng giờ trong nghề nghiệp này được sử dụng cách hiệu quả trong sự suy gẫm có thể đã cung cấp đủ vật liệu thô gợi hứng cho sáng tác nổi tiếng nhất của Đa-vít. "Đức Giê-hô-va là Đấng chăn giữ tôi, tôi sẽ chẳng thiếu thốn gì" ([Thi Ty 23:1](#)). Những kinh nghiệm này cũng in dấu vào tâm trí vị vua trẻ tuổi cái khuôn mẫu thích hợp của một nhà cai trị giống như một vị thần là người "chăn giữ họ theo sự thanh liêm của lòng người, và lấy sự khôn khéo tay mình mà dẫn dắt họ" ([78:72](#)).

Đọc theo phần ngoại vi của Giu-đê, Đa-vít học biết bài học của sự kiên nhẫn thông qua nghịch cảnh khi ông chờ đợi Đức Chúa Trời làm trọn lời hứa với mình. Sau-lơ không ngớt tìm kiếm ông trong các hang động, vòng quanh vùng chân núi, qua các làng mạc, và trong sa mạc. Nhưng Đa-vít không nhúc nhích cánh tay để tự vệ bằng cách động vào người Chúa đã xúc dầu. Thay vào đó ông chọn tin cậy vào thời điểm của Đức Chúa Trời. Cuối cùng Đa-vít đã học xong mọi bài học rút ra từ vùng đất này. Khi một người kiên nhẫn hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời, đúng thời điểm người ấy sẽ được tôn cao hơn mọi kẻ thù nghịch mình.

Sa-ma-ri

Nằm về phía bắc Giê-ru-sa-lem là phần lãnh thổ Sa-ma-ri, với khu liên hợp thủ đô tại Si-chem và thành phố Sa-ma-ri. Nằm dưới chân của vùng núi đồi Ga-ri-xim và Ê-ban là bàn thờ đầu tiên cho Chúa được xây dựng trong vùng đất này.

Tại địa điểm cụ thể này Đức Chúa Trời là Đấng kêu gọi Áp-ra-ham ra khỏi xứ U-rơ của người Canh-đê, cuối cùng đã chỉ định rằng đây là vùng đất sẽ thuộc về ông và dòng dõi ông cho đến đời đời ([SaSt 12:6-7](#)). Hướng về chỗ này, Đức Chúa Trời truyền lệnh cho Y-sơ-ra-ên quay về và nhóm họp lại để đọc lời rửa sả và lời chúc phước của giao ước ([PhuDnl 11:29-30](#)). Sau đó Giô-suê dẫn dân chúng đi thẳng về địa bàn này để họ có thể làm trọn mệnh lệnh của Chúa trong việc làm mới lại giao ước ([Gios Gs 8:30-35](#)).

Thật là một ngày đáng buồn, nhiều năm sau đó một thủ đô đối địch với thành phố Giê-ru-sa-lem do Chúa chỉ định đã được thiết lập trong chính miền này. Sa-ma-ri trở nên trung tâm cho một chuỗi các vương triều tự phong ở vương quốc phía bắc, trong khi chỉ có một vương triều Đa-vít cứ tiếp tục tại Giê-ru-sa-lem với tư cách là ngai vàng hợp pháp duy nhất của Y-sơ-ra-ên. Tuy nhiên trong sự kiên nhẫn lâu dài của Ngài, Chúa không hoàn toàn từ bỏ mười chi phái phía bắc. Nằm ở trung tâm

phần lãnh thổ được chia cho dòng dõi Giô-sép, Sa-ma-ri tiếp tục được ưu đãi với sự hiện diện của các tiên tri của Đức Chúa Trời như Ê-li, Ê-li-sê, A-mốt, và Ô-sê. Nhưng đến cuối cùng các lực lượng của A-sy-ri cho vùng lãnh thổ này ném trái đắng của sự phản loạn. Nạn đói kéo dài trong thành phố Sa-ma-ri một thời thịnh vượng khiến các phụ nữ ăn thịt con ruot của mình ([II Vua 2V 6:26-29](#)). Dù vậy Đức Chúa Trời khích lệ họ nhìn vượt quá những thảm kịch họ không tưởng tượng nổi và hi vọng vào một Đấng Mê-ti-a ben Ép-ra-im, Con Trai của cánh tay hữu Đức Chúa Trời là Đấng sẽ đem lòng của Ép-ra-im và Ma-na-se trở về cùng Chúa ([SaSt 49:22-26](#), [Thi Tv 80:14-19](#)).

Phần nhỏ của Sa-ma-ri còn sống sót qua nạn xâm lược của A-sy-ri đến cuối cùng trở thành sự khinh miệt của vùng đất, vì vị vua chinh phục của A-sy-ri tái cơ cấu dân chúng của lãnh thổ này bằng những dân tộc ngoại quốc, về sau có hôn nhân pha trộn với con dân của Đức Chúa Trời ([II Vua 2V 17:24](#)). Truyền thống về một trung tâm cạnh tranh về quyền lực và sự thờ phượng cứ tiếp tục cho đến thời của giao ước mới, đến nỗi người Do Thái trong thời Chúa Giê-xu cứ khẳng khẳng không giao thiệp với dân Sa-ma-ri ([GiGa 4:9](#)).

Nhưng sự hiện diện của Đức Chúa Giê-xu Christ đã đánh ngay vào nền móng của sự tự phụ bởi thành kiến này. Ngài uống nước múc từ cái giếng tại Si-chem bởi một phụ nữ Sa-ma-ri tội lỗi. Đổi lại, Ngài cho bà uống nước của sự sống đời đời được tìm thấy trong sự tha thứ miễn phí dành cho những kẻ tội lỗi bị đẩy ra ngoài lề xã hội (outcasts). Ngài kể cho người Do Thái nghe ngụ ngôn "người Sa-ma-ri nhân lành" là người duy nhất đưa tay giúp đỡ một du khách bị thương trên đường từ Giê-ru-sa-lem đến Giê-ri-cô. Bất chấp sự kiện những làng Sa-ma-ri khước từ Ngài bởi vì Ngài xây hướng đi về Giê-ru-sa-lem, Chúa được tôn cao đã tuôn đổ Thánh Linh Ngài trên người Sa-ma-ri như Ngài đã làm cho những người Giê-ru-sa-lem ([Cong Cv 8:4-25](#)). Không phải mọi thời đại và cộng đồng đều có những "người Sa-ma-ri" của riêng mình, là những người lảng giềng thuộc các giai cấp, phong tục, ngôn ngữ, chủng tộc hoặc quốc tịch khác nhau hay sao? Chẳng phải cạnh chúng ta cũng có các giai cấp thấp kém hơn, những người ở nội thành, hoặc những người bị kỳ thị tôn giáo đó sao? Mệnh lệnh của Chúa dành cho chúng ta nào có khác gì mệnh lệnh dành cho các sứ đồ đầu tiên - rằng chúng ta phải đi đến Sa-ma-ri cũng như đến Giê-ru-sa-lem của mình đó sao?

Ga-li-lê

Sau đó đến Ga-li-lê, vùng đất của Dân Ngoại. Phần cuối trong vùng đất này khi du khách di chuyển từ nam đến bắc là lãnh thổ của những đám đông rộng lớn thuộc nhiều quốc tịch khác nhau đại diện cho mọi dân tộc trên thế giới. Trong miền này, con dân của Đức Chúa Trời như thấy chính mình liên tục giao thiệp với phần còn lại của nhân loại. Họ hẳn không thể thoát khỏi sự giao lưu (interchange) này cho dù họ muốn đi nữa. Dù có ở trong thời kỳ quốc gia thịnh vượng hay suy yếu cũng chẳng có gì khác biệt. Những chiến binh trên đường đi hoặc những thương gia lưu động đều uốn lượn đường đi của mình xuyên qua Ga-li-lê của Dân Ngoại. Vì Đức Chúa Trời đã định cho nó như thế theo chính phương cách mà Ngài định hình các lục địa. Dải đất hẹp này một mình nó nối kết ba khối lục địa mà từ đó nền văn minh nhân loại phát khởi. Châu Phi treo vào một sợi chỉ, với Châu Âu và Châu Á cân bằng phía trên. Mọi giao thông đường bộ của ba lục địa này cuối cùng đều giao lưu qua con đường xứ Ga-li-lê của Dân Ngoại. Chính bởi vị trí chiến lược của nơi này mà qua con dân Ngài, Chúa đã định rằng cuối cùng Tin Lành cứu rỗi sẽ vươn tới toàn thế giới bằng năng quyền của Đức Chúa Trời, trước cho người Do Thái và sau cho Dân

Ngoại.

Những sườn dốc đi xuống từ những ngọn núi của Sa-ma-ri nối liền Ga-li-lê với phần còn lại của xứ Palestine. Những đường đèo đây đó mở vùng lãnh thổ phía bắc này ra vùng đồng bằng duyên hải dọc theo Địa Trung Hải dẫn đến Ai Cập và phần còn lại của Bắc Phi. Nổi bật giữa vòng những đường đèo này là đường đèo được canh giữ bởi thành phố pháo đài Mê-giê-đô, luôn luôn sẵn sàng ngăn chặn mọi đạo quân tiến đến. Tại chỗ này Giô-si-a, vị vua tốt đẹp cuối cùng của Giu-đa, chết bởi tay Pha-ra-ôn Nê-cô của Ai Cập. Sự tự phụ của Giô-si-a dẫn ông đến chỗ bỏ qua lời cảnh cáo của Chúa, nhưng cái chết của ông khuấy động Giê-rê-mi sáng tác một bài ca thương tiên tri ([IISu 2Sb 35:25](#)). Biển cổ có tính chất bi kịch tại địa điểm chiến lược này mang một ý nghĩa Khải huyền (apocalyptic significance) với những lời tiên tri về trận đại chiến cuối cùng A-ma-gê-đôn, là địa danh có bao gồm lời ám chỉ Mê-giê-đô cổ (cf. [XaDr 12:10-11](#), [KhKh 16:16](#)). Một giải nghĩa quá thiên về nghĩa đen không phù hợp với khuôn mẫu Kinh Thánh tự giải nghĩa Kinh Thánh đã dẫn một số Cơ-đốc nhân ngày nay đoán trước một trận đối đầu thực sự giữa các đạo quân của Đức Chúa Trời với các lực lượng của Sa-tan, sử dụng xe tăng, súng máy, và phi cơ chiến đấu phản lực tại địa điểm của thành cổ Mê-giê-đô. Nhưng cuộc chiến tranh của những ngày cuối cùng này đã được mô tả rõ ràng bởi sứ đồ Phao-lô là không phải với thịt và huyết mà với các quyền lực thiêng liêng và phải được đắc thắng bởi các vũ khí của sự cầu nguyện và gươm của Thánh Linh là Lời Đức Chúa Trời ([Eph Ep 6:10-18](#)). Liên hệ đến cuộc chiến cuối cùng này, Kinh Thánh cho thấy rằng khi Chúa xuất hiện trong vinh quang, Ngài sẽ tiêu diệt mọi kẻ thù Ngài bằng hơi thở của miệng Ngài ([II Te 2Tx 2:8](#)). Theo ý nghĩa này, tính chất biểu tượng của nơi này được gọi là Mê-giê-đô, bây giờ được bắt tử hoá trong Kinh Thánh như là A-ma-gê-đôn, không thể bị bỏ qua. Đấng Christ sẽ trở lại trong vinh quang để tận diệt mọi kẻ thù của Ngài và của chúng ta nữa.

Một đặc trưng nổi bật thứ hai của vùng cao nguyên Ga-li-lê là những cánh đồng rộng lớn chạy dài từ tây sang đông trên một độ nghiêng nhẹ từ Địa Trung Hải đến sông Giô-đanh. Rải rác với vài ngọn núi, như là Ghinh-bô-a nơi Sau-lơ ngã xuống và Tha-bô nơi Ê-bô-ra tập hợp quân đội, những khoảng không gian mở rộng này được biết như là Gít-rê-ên (hoặc Esdraelon) cung cấp đất đai màu mỡ cho vụ mùa tăng trưởng và những khoảng không đủ rộng cho chiến xa vận hành. Vì vậy Si-sê-ra đàn áp Y-sơ-ra-ên bằng chín trăm chiến xa bằng sắt, có khả năng băng ngang qua vùng thung lũng rộng lớn của Ga-li-lê, cho đến khi Chúa dấy Ê-bô-ra lên để giải phóng con dân Ngài ([Cac TI 4:12-16](#)). Vì thế người Ma-đi-an cũng tràn ngập lên vùng không gian mở rộng lớn này, cướp bóc nguồn lúa dồi dào của Y-sơ-ra-ên ngay sau khi nó có thể được thu hoạch, cho đến khi Chúa bổ nhiệm con người mạnh mẽ Ghi-đê-ôn ([6:1-6:11-14](#)). Trong cùng lãnh thổ này, đội quân Phi-li-tin dàn trận để chiến tranh với Y-sơ-ra-ên cho đến khi Sau-lơ và Giô-na-than ngã chết bi thảm trên các sườn dốc của núi Ghinh-bô-a ([ISa1Sm 31:1-6](#)).

Các đạo binh A-sy-ri của San-chê-rip và các quân đoàn Ba-bi-lôn của Nê-bu-cát-nết-sa hành quân xuyên qua các cánh đồng này. Người Mê-đô Ba-tư, người Hi-lạp, người La-mã, và các đoàn Thập Tự Chinh lần lượt đạp chân lên cùng vùng đất này. Theo lịch sử cận đại, các lực lượng Anh quốc dưới quyền đại tướng Allenby đã đánh một trận chiến lược trong thế kỷ thứ hai mươi.

Nhưng có ý nghĩa hơn mọi điều đến và đi này và các quốc gia hùng cường rồi suy vong là vai trò chiến lược của chính vùng đất Ga-li-lê của Dân Ngoại trong việc lan truyền Phúc Âm của Đức Chúa Trời cho mọi quốc gia trên thế giới. Khi Đức Chúa

Giê-xu nghe tin rằng Giăng Bap-tít đã bị Hê-rốt An-ti-pa, vua của người Do Thái, bắt bỏ tù thì Ngài bỏ Na-xa-rét và đến thành Ca-bê-na-um, có vị trí bên mé biển ([Mat Mt 4:12-15](#)). Cả Na-xa-rét và Ga-li-lê đều nằm ở Ga-li-lê, nhưng Ca-bê-na-um có tầm quan trọng hơn với tư cách là một điểm giao thông cho vô số dân tộc du hành giữa các lục địa. Nhìn thấy cách thức nhà cai trị dân Do Thái đáp ứng với người tiền hô chính thức của Ngài, Đức Chúa Giê-xu mở màn chức vụ công khai bằng cách có cân nhắc đặt mình tại Ca-bê-na-um để Ngài có thể vươn tới mọi quốc gia với Phúc Âm của mình. Tại địa bàn này Ngài có thể giảng cho mọi dân tộc của thế giới - không chỉ cho người Do Thái - về "nước thiên đàng" khắp thế giới đã hầu gần ([4:17](#)).

Tác giả Phúc Âm nhấn mạnh rằng Đức Chúa Giê-xu cố ý phóng chức vụ Ngài "bên mé biển" tại "Ga-li-lê của dân ngoại" cho mục đích làm trọn lời tiên tri ([4:14-15](#)). Trải qua các thời đại, Đức Chúa Trời đã hoạch định việc vươn tới mọi quốc gia trên thế giới với Phúc Âm cứu rỗi của Con Ngài. Dự định này tìm được sự ứng nghiệm qua chức vụ Đức Chúa Giê-xu. Ngài liên tục đi khắp các làng mạc Ga-li-lê rao giảng Tin Lành ([4:23](#)). Ca-bê-na-um tiếp tục là điểm trung tâm của chức vụ Ngài khi Ngài sử dụng Hồ Ga-li-lê để vươn tới nhiều làng mạc và thành phố khác nhau. Sau khi Ngài phục sinh, Ngài giao Đại Mệnh lệnh cho các môn đồ trong vùng Ga-li-lê của Dân Ngoại ([28:16-20](#)). Từ điểm đó cho đến ngày nay, Phúc Âm của Ngài đã lan truyền giữa vòng mọi quốc gia trên thế giới. Theo ý nghĩa này, Ga-li-lê tiếp tục có tầm quan trọng như là một đại diện biểu tượng của các mục đích đi tới (ongoing) của Chúa để phục vụ ân điển cứu rỗi của Ngài cho mọi dân tộc trên thế giới.

Xa hơn nữa đến điểm cực bắc của xứ Ca-na-an là địa bàn cho lần định cư thứ hai của chi phái Đan. Không tìm được nền hoà bình họ mong ước trong phần đất ban đầu chia cho họ tại rìa lãnh thổ Phi-li-tin, chi phái Đan đi lên ra phía bắc của quốc gia tìm kiếm một quê hương mới. Khi họ đến thành La-ít, họ để ý rằng những người tại đó "ở an ổn, bình tịnh và vững chắc" ([Cac TI 18:7](#)). Họ tấn công những cư dân yêu hoà bình này trong một hành động xâm lược không khiêu chiến, nghĩ rằng trong vùng này họ sẽ tìm được nền thái bình họ hết lòng mong ước. Họ không nhận thức được chút nào rằng họ đang định cư ngay trên đường tiến quân của mọi đạo binh trải qua vùng đất cầu nối này của Palestine. Trong địa đàng tự tạo của những người ngu này, họ không tìm được hoà bình chi cả. Ngược lại, họ sẽ phải đương đầu với một dòng liên tục các đạo quân xâm lược, những chiến binh khao khát chinh phục thế giới.

Đến điểm này, một hành trình đã được thực hiện từ Bê-e Sê-ba cho đến Đan, và từ Địa Trung Hải cho đến Sông Giô-đanh và xa hơn nữa. Thật sự mọi hình thức của các vùng khác nhau trên trái đất được gói lại trong vùng lãnh thổ nhỏ bé này, và mỗi phần của vùng đất này đều đầy đầy những kỷ niệm về phương cách của Đức Chúa Trời nhằm đem lại sự cứu rỗi cho thế giới. Toàn bộ vùng đất này được thiết kế bởi Chúa cho các mục đích tốt lành của Ngài khi Ngài quyết định chúng trước khi tạo nên thế giới.

Những đặc trưng của Xứ Thánh

Vùng đất của Kinh Thánh, trong chiều kích lớn hơn, rõ ràng là đã được Chúa thiết kế cho mục đích thể hiện chân lý cứu rỗi. Mọi đặc trưng chủ yếu của nó phục vụ như những mảnh lớn của một bức tranh ghép hình mà những nét đan dệt khiến cho

chân lý của Đức Chúa Trời để nhớ lâu dài hơn. Vị trí của Xứ Thánh trong việc kết nối ba lục địa, sự gần gũi với sa mạc và biển, cũng như tính đa dạng sinh học của nó đều góp phần tích cực vào việc nhấn mạnh chân lý cứu chuộc.

Cùng mục đích đó của Chúa chúng ta tìm thấy nhiều sự tỏ bày hiển nhiên qua các điểm cụ thể của vùng đất (specifics of the land). Các chi tiết địa lý, quang cảnh, và nếp sinh hoạt của con người cư ngụ tại nơi đặc biệt này đều đóng góp vào việc làm sống động các mục đích cứu chuộc của Đức Chúa Trời đối với thế giới sa ngã này. Vì vậy, bây giờ chúng ta cùng quan sát những điểm đặc thù của vùng đất qua các núi non, sông ngòi, khí hậu và thảo mộc, thị trấn và thành phố.

Núi non và sông ngòi

Núi non

Những rặng núi chính của vùng đất thánh căn bản đều chạy theo hướng bắc-nam. Có ba vùng. vùng đồi Giu-đê, vùng núi Sa-ma-ri, và vùng cao nguyên bên kia sông Giô-đanh. Những rặng phía tây bắc như Li-ban và Đồi-Li-ban cũng đáng kể nhưng chủ yếu nằm bên ngoài khu vực xảy ra hầu hết các biến cố của Kinh Thánh.

Những ngọn đồi xứ Giu-đê đột ngột cao lên từ vùng sa mạc của bán đảo Si-na-i và đạt đến một độ cao khoảng ba ngàn bộ (trên 900m) trên mực nước biển. Như đã nói trước đây, đỉnh của rặng núi Giu-đê cung cấp đường phân thủy giữa vùng đất canh tác đổ về phía tây hướng về Địa Trung Hải và phân sa mạc khô cằn đổ xuống nhanh chóng về hướng Biển Chết. Những thành phố chính của vùng này là Hê-rôn, Bê-tê-lê-hem và Giê-ru-sa-lem.

Những ngọn núi Sa-ma-ri định hình vùng trung tâm của toàn xứ, chạy về hướng bắc từ Bê-tên cho đến đồng bằng Esdraelon (Gít-rê-ên) tại Ga-li-lê. Vì vùng núi non này không đạt đến độ cao của vùng đồi Giu-đê nên lượng mưa được phân phối đều hơn ngang qua Sa-ma-ri. Thêm vào đó, những thung lũng rộng lớn hơn tạo nên những vụ mùa dễ dàng hơn được xen kẽ khắp xứ. Những thành phố chính bao gồm Bê-tên, Si-lô, Si-chem, và Sa-ma-ri.

Rặng núi vùng bên kia sông Giô-đanh vươn tới độ cao năm ngàn bộ (trên 1500m). Nó bắt đầu ở miền nam với các đỉnh núi của Ê-đôm và chạy về hướng bắc xuyên qua Mô-áp, lãnh thổ của người Am-môn, Ga-la-át, và Ba-san. Trong số các thành phố của nó, có những nơi đáng lưu ý là pháo đài khoét trong vách đá Pê-tra (Petra), thành phố Am-man hiện đại (thủ đô Jordan, địa điểm của thành cổ Rap-ba), và Ra-môt Ga-la-at về phía bắc. Một lần nữa lượng mưa chiếm ưu thế dọc theo sườn dốc phía tây, dần tan biến khi dạng thời tiết đó đụng đến khoảng trống mênh mông của vùng sa mạc A-ra-bi-a nằm ngay về phía đông.

Ba rặng núi trên, chen chúc trong vùng đất nhỏ Palestine, đóng góp rất lớn vào sự đa dạng của vùng lãnh thổ này. Chúng cung cấp những đường phân thủy nhanh chóng tạo ra những vùng có các đặc trưng địa lý tương phản gay gắt.

Rải rác giữa các rặng núi khác nhau này là những vùng núi non đặc thù đóng một

vai trò quan trọng trong việc tiết lộ các mục đích của Đức Chúa Trời. Quan trọng nhất là vùng núi nơi mà Đa-vít cuối cùng đã đặt thủ đô của mình, được biết đến và được yêu thích xuyên qua các thời đại là Núi Si-ôn, chỗ được chọn làm nơi ngự của Chúa.

Dù xinh đẹp nhờ có độ cao như thế, ngọn núi này lại không phải là đỉnh núi cao nhất khu vực để làm cho các du khách phải ngạc nhiên. Tuy nhiên, vị trí của nó nằm bên trong một “cái chén” (bowl) được tạo thành bởi vùng núi cao hơn vây bọc chung quanh đã đem lại một số lợi ích. Định dạng dưới hình thức chữ “V” hoặc chữ “W” với nhiều thung lũng khác nhau nối liền về phía nam, hai trong ba mặt của nó được bảo vệ một cách tự nhiên trước mọi sự tấn công. Chỉ có mặt phía nam mới có một vùng đất bằng phẳng khiến cho thành dễ bị tấn công bởi quân xâm lược.

Vị trí có tầm quan trọng tiếp theo là núi Sa-ma-ri : Được vua Ôm-ri của vương quốc phía bắc lựa chọn làm thủ đô, ngọn núi này giành lấy vai trò chủ chốt vốn thuộc về Si-chem, nằm cách đó chưa đầy mười dặm (khoảng 15km) về hướng đông nam ([IVua 1V 16:23-24](#)). Sa-ma-ri sừng sững như một ngọn đồi cô lập tròn trịa cao hơn vùng thung lũng bao quanh khoảng non 100m. Mở về hướng tây, ngọn núi này chỉ nằm cách bờ biển Địa Trung Hải có hai mươi một dặm (khoảng 33,8 km). Địa bàn này chắc hẳn đã làm hài lòng hoàng hậu Giê-sa-bên, người có thể đứng bên cửa sổ lâu đài nhìn về những lượn sóng biển quen thuộc với tư cách là một người thờ lạy thần Ba-anh xứ Ty-rơ.

Xa hơn nữa về phía bắc dọc theo bờ biển là rặng núi Cạt-mên : Vươn dần lên từ Địa Trung Hải, ngọn núi này là địa điểm được lựa chọn cho cuộc đấu sức giữa tiên tri Ê-li với các tiên tri Ba-anh. Từng ra lệnh để không có mưa trong xứ ba năm rưỡi, bây giờ Ê-li bảo đầy tớ mình từ đỉnh Cạt-mên nhìn về phía tây hướng ra phía biển, trong lúc vị tiên tri cầu nguyện xin đảo ngược sắc lệnh hạn hán của Đức Chúa Trời. Mãi đến lần thứ bảy người đầy tớ mới phát hiện được ở xa xa một đám mây nhỏ bằng một nắm tay nhô lên khỏi mặt nước ([18:44](#)). Nhưng đám mây nhỏ này báo hiệu một trận mưa lớn sẽ đến nhanh chóng. Sau khi giết hết đám tiên tri giả chống lại mình, vị tiên tri bây giờ lao xuống các sườn dốc của dãy núi hùng vĩ này để quan sát sự đáp ứng của vua A-háp và hoàng hậu Giê-sa-bên. Nhưng thật đáng buồn, những việc vô cùng diệu kỳ mà Chúa đã làm qua lời cầu nguyện của tiên tri Ngài chỉ làm cho tấm lòng cứng cõi của họ thêm chai lì. Trong sự thất vọng tột cùng, vị tiên tri vội vã lên đường tiến sâu vào vùng lãnh thổ phía nam cho đến khi tìm được sự nghỉ ngơi và sự tái bảo đảm trong sa mạc Si-na-i ([19:1-18](#)).

Di chuyển từ Cạt-mên về hướng đông ngang qua đồng bằng trải dài đến biển Ga-li-lê, du khách chịu ấn tượng bởi một ngọn núi tròn đứng một mình. Tại ngọn núi Tha-bô hùng vĩ này, con dân của Chúa một lần nữa được dẫn dắt vào một chiến thắng huy hoàng. quân đội của họ tập hợp lại tại Tha-bô dưới quyền lãnh đạo của Ba-rac và Ê-bô-ra. Đức Chúa Trời cùng họ chiến đấu chống lại lực lượng ưu thế

của Si-sê-ra, vô hiệu hoá sức mạnh chín trăm chiến xa bằng sắt của hắn bằng nước lụt của dòng sông Kit-sôn lâu đời ([Cac Tl 5:21](#)). Khi Si-sê-ra trốn thoát để cứu mạng, vợ của Hê-be người Kê-nít trước hết cho ông uống no bụng món sữa ấm áp rồi đâm xuyên thái dương ông bằng một cái cọc lều ([4:18-21](#), [5:24-27](#)).

Ngang qua thung lũng hướng về phía nam là vùng nhô cao gọi là núi Ghinh-bô-a, một nơi đầy thảm kịch thật sự trong cuộc sống của con dân Đức Chúa Trời. Vua Sau-lor cứ lì lợm cứng lòng chống lại ý chỉ của Đức Chúa Trời cho đến khi ông và người con trai Giô-na-than ngã chết trên các sườn dốc của Ghinh-bô-a ([ISa1Sm 31:8](#)). Sự thất sủng này không được đem kể lại trong thành Gát xứ Phi-li-tin. Các kẻ thù của Chúa không được phép nhạo báng Chúa lúc những lãnh đạo được Ngài bổ nhiệm ngã xuống. Hãy để cho những ngọn núi của Ghinh-bô-a than khóc, nhưng đừng để cho con gái của những kẻ không chịu cắt bì vui mừng ([IISa 2Sm 1:20-21](#)).

Cuối cùng trong số những đỉnh núi ở Pa-lét-tin đáng đề ý là vẻ đẹp của núi Hết-môn ở phía cực bắc.

Từ Biển Ga-li-lê đi khoảng bốn mươi dặm (65km) về phía bắc, Hết-môn đạt đến độ cao trên chín ngàn bộ (2745m) và có tuyết phủ quanh năm. Các sách Phúc Âm cho biết rằng chính tại vùng Sê-sa-rê Phi-lip mà Đức Chúa Giê-xu đã hoá hình trên một ngọn núi rất cao ([Mat Mt 17:1](#)). Hết-môn sẽ cung ứng một nơi tương đối yên tĩnh cần thiết cho một sự kiện ngoạn mục như vậy. Vì vậy rất có thể rằng trên những sườn dốc này của Hết-môn, điểm cực bắc trong hành trình chức vụ của Đức Chúa Giê-xu, khuôn mặt Ngài trở nên rực sáng như mặt trời trong vinh quang rạng ngời ([17:2](#)). Từ điểm đó Ngài bắt đầu “hành trình về Giê-ru-sa-lem”, đi một cách cương quyết qua Ga-li-lê, Sa-ma-ri, và vùng Transjordan (bên kia sông Giô-đanh) để đến điểm kết thúc đã định cho Ngài ([LuLc 9:51-53](#)). Từ núi Hết-môn ở phía bắc đến núi Giê-ru-sa-lem ở phía nam, Ngài đi với một mục tiêu đã được xác định trong lòng. Ngài sẽ phó mạng sống mình cho dân tộc mình. Ngài sẽ hi sinh chính Ngài trong sự vâng phục ý muốn của Cha thiên thượng để đem lại sự cứu rỗi cho những tội nhân không xứng đáng.

Sông ngòi

Bên cạnh những ngọn núi, những dòng sông cũng góp phần xác định lãnh thổ Palestine. Dù ít về số lượng, những dòng sông này đóng một vai trò quan trọng trong việc tổ bày chương trình cứu chuộc.

Trước hết phải kể đến những dòng suối cạn trong hoang mạc : Những khách lạ

chưa biết tính nét độc đáo của dòng suối cạn này có thể sẽ ngạc nhiên trước sự chột đến chột đi của lượng nước trong đó. Có nhiều người bất hạnh vì đã không ngăn ngại chọn khe nứt của một dòng suối cạn khô làm nơi cắm trại tự nhiên hoặc đặt một túp ngủ để qua đêm. Tránh khỏi gió cát lòng lộn của sa mạc, vực sâu của dòng suối cạn tạo ra một nơi trú ẩn an toàn qua đêm. Nhưng trong trường hợp này, về ngoài của chúng lại lừa dối nhiều người. Những trận mưa như thác đổ trên các vùng núi xa xa tự nhiên chảy dồn vào những khe sâu khô khan này và tuôn đổ về vùng Nê-ghep (Negev), cuốn theo mọi thứ trên đường đi của chúng. Không ít du khách đã bị chết đuối trong những dòng nước như thác, ồ ạt chảy về chỗ mình đang nghỉ chân mà không hề cảnh báo.

Dòng suối cạn cũng có thể được xem như một hình ảnh tích cực về ơn phước của Đức Chúa Trời. Vì như những dòng nước (suối cạn) chảy ào vào sa mạc thế nào, ơn phước của Đức Chúa Trời cũng đến bất ngờ để làm tươi tỉnh linh hồn cũng thế ấy ([Thi Tv 126:4](#)). Những người bị áp đảo bởi một ý thức về sự cần cỗi trong cuộc đời có thể tìm kiếm sự tươi mới từ Chúa vào những giây phút bất ngờ nhất, giống như các luồng nước của dòng suối cạn làm ngạc nhiên vùng đồng hoang cần cỗi. Kế đến là những khe núi rộng lớn của vùng bên kia sông Giô-đanh trút đổ hết những lượng nước định kỳ vào Biển Chết và sông Giô-đanh. Bởi vì những sườn dốc phía tây của những rặng núi này nhận lượng nước mưa lớn hơn, những khe nước vùng bên kia sông Giô-đanh tải lượng nước nhiều hơn so với các suối cạn tại Giu-đê và Sa-ma-ri.

Dòng sông cạn nằm ở cực nam vùng bên kia sông Giô-đanh là dòng sông Xê-rét : Hẻm sâu này xưa nay được dùng làm ranh giới tự nhiên giữa vùng lãnh thổ Ê-đôm-dòng dõi của Ê-sau - với vùng đất của Mô-áp, định cư bởi dòng dõi của Lót qua hành động vô luân với con gái lớn của ông. Có lẽ một phần do hẻm vực sâu, lởm chởm đá này của dòng Xê-rét đã khiến cho Y-sơ-ra-ên không nhấn mạnh đến việc đi ngang qua lãnh thổ Ê-đôm khi họ bị từ chối đường đi qua ([Dan Ds 20:14-21](#)).

Một quốc gia với nhiều phụ nữ, trẻ em và người già có thể không qua được đoạn đường ấy nếu họ bị chống đối bởi một cộng đồng hiếu chiến như người Ê-đôm. Nhưng trở lại ba mươi tám năm sau, dân Y-sơ-ra-ên cuối cùng cũng vượt qua dòng Xê-rét ([PhuDnl 2:13-14](#)), đã vậy, họ còn cắm trại trong thung lũng của nó nữa ([Dan Ds 21:12](#)). Bước tiến này có nghĩa là đến cuối cùng họ đang hướng về sản nghiệp có sẵn mà do Chúa dành ban cho họ. Việc băng qua hẻm vực mệnh mông này có nghĩa là họ sẽ không quay lui lại cho đến khi Đất Hứa thuộc về họ.

Về sau, trong một trường hợp khác dân Y-sơ-ra-ên có một kinh nghiệm đáng nhớ trong hoang mạc Ê-đôm dọc theo đôi bờ của dòng sông Xê-rét ([IIVua 2V 3:1-27](#)). Do có một liên minh rắc rối với vương quốc phía bắc dưới quyền Giô-ram con trai của A-háp, vị vua tốt bụng Giô-sa-phát của Giu-đa - cùng với vua Ê-đôm- tạo thành một liên minh tay ba dự định trừng phạt Mê-sa, vua Mô-áp, vì đã không chịu cống nạp cho Y-sơ-ra-ên. Theo chiến lược đã hoạch định trước, liên minh quân sự

này đi vòng theo đầu phía nam của Biển Chết, dự định gây bất ngờ cho Mô-áp bởi một trận đánh bất thần từ vùng sa mạc Ê-đôm. Nhưng trước khi họ có thể tấn công, họ đã cạn sạch nguồn cung cấp thứ hàng hoá đắt giá nhất của sa mạc, đó là nước. Vua Y-sơ-ra-ên đứng trên bờ tuyệt vọng tột cùng, nhưng Giô-sa-phát bảo hãy cầu hỏi Chúa qua tiên tri Ê-li-sê. Dù công khai chế giễu người con trai gian ác của A-háp, Ê-li-sê bày tỏ lòng tôn trọng đối với vị vua tin kính Giô-sa-phát bất chấp lỗi lầm hiển nhiên của ông khi bước vào một liên minh rồi rầm như vậy. Vị tiên tri tiên đoán rằng không có gió hoặc mưa nhưng mọi hố họ đào được trong sa mạc sẽ đầy nước qua đêm. Vào giờ dâng tế lễ buổi sáng, điều đó đã xảy ra đúng như vị tiên tri tiên đoán. Rất có thể mưa đã rơi trên những vùng đồi xa xa của Ê-đôm và làm tràn ngập các nương đã được đào lên.

Suốt khoảng thời gian này, quân đội Mô-áp đứng dàn trận trên đỉnh các vách đá của Xê-rét, chờ đợi một cuộc tấn công từ lực lượng liên quân vào bất cứ lúc nào. Nhưng từ những tia sáng mặt trời sáng sớm, các nương ngập nước ngang qua lưng sâu này đối với họ có vẻ như là máu bởi màu đỏ sẫm của nó. Quân đội Mô-áp lao ngang qua lưng sâu Xê-rét, nghĩ rằng liên minh giữa Ê-đôm, Y-sơ-ra-ên và Giu-đa đã tan vỡ. Họ chỉ đến thu chiến lợi phẩm của một quân thù đã tự huỷ diệt mình.

Trong trạng thái không được trang bị tinh thần, quân Mô-áp lao mình vào tay của liên quân. Họ vội vã rút lui, tuyệt vọng ra sức băng ngược lại lưng Xê-rét. Nhưng đã quá trễ. Những khó khăn tự nhiên của việc băng qua hẻm sâu này trước đây vốn là đồng minh của họ bây giờ lại trở thành trở lực lớn khi họ ra sức chạy trốn. Nhìn thấy sự sụp đổ của quốc gia mình, Mê-sa, vua Mô-áp, đứng trên các bức tường của thành phố thủ đô và dâng con trai mình làm sinh tế thiêu bằng người. Quang cảnh kinh hoàng này chấm dứt cuộc bao vây, và quân đội liên minh tiến ngược trở lại ngang qua các khoảng không mênh mông của thung lũng Xê-rét.

Tiếp tục hướng về phía bắc của vùng bên kia sông Giô-đanh là dòng sông Ạt-nôn, chảy vào khoảng giữa bờ phía đông của Biển Chết, và phân chia lãnh thổ của người Mô-áp ở phía nam với lãnh thổ của Am-môn ở phía bắc. Cả hai dân tộc cổ xưa này đều là họ hàng của Áp-ra-ham, dòng dõi của những người con được sinh ra bởi hành động vô luân của Lót với hai con gái mình ([SaSt 19:36-38](#)). Nhưng việc họ có chung một tổ tiên không thiết lập được tình huynh đệ giữa hai quốc gia. Sự phân chia địa hình được tạo ra bởi khe Ạt-nôn chỉ làm tăng thêm sự thiếu hiệp nhất của họ mà thôi.

Dòng Ạt-nôn là một thung lũng lớn, rộng hơn 3 km, với một vực sâu lớn gấp năm lần sân bóng đá đứng chông lên nhau. Dòng sông chính được hình thành cách bờ Biển Chết khoảng hơn 3 km trong đất liền, nơi hai sông nhánh gặp nhau. Gần hơn với sa mạc A-ra-bi, những nhánh sông này lấy nước từ một số phụ lưu, nên trong Kinh Thánh nó được nêu tên ở số nhiều, “các trũng” của Ạt-nôn ([Dan Ds 21:14-15](#)). Những hẻm vực ngang qua vùng đất này tạo ra một ranh giới tự nhiên khó vượt qua.

Chính tại điểm băng ngang qua này mà Y-sơ-ra-ên đã thực sự bắt đầu công bố một vùng đất mà họ sẽ sở hữu. Mô-áp đã để cho họ băng ngang qua xứ sở mình bình yên. Nhưng dân A-mô-rit, là dân đã vượt qua sông Giô-đanh một thời gian trước đó để chiếm lấy một phần đất đai của Mô-áp, bây giờ không chịu nhường đường đi ngang qua lãnh thổ của họ. Được lãnh đạo bởi vua Si-hôn dân A-mô-rit đến với một lực lượng hiếu chiến để đối đầu với Y-sơ-ra-ên khi họ nỗ lực dẫn đám phụ nữ và trẻ em băng ngang qua các hẻm sâu ở thượng nguồn A-t-nôn. Nhưng đó là việc Chúa làm khi khiến cho tinh thần của Si-hôn trở nên ương ngạnh để trao ông và lãnh thổ của ông vào tay dân Y-sơ-ra-ên ([PhuDnl 2:30](#)). Si-hôn và các lực lượng của ông bị chặn đánh quyết liệt. Ngay cả thành phố Hết-bôn thủ đô của ông, nằm cách dòng A-t-nôn chừng 3 km về phía bắc, cũng trở thành lãnh thổ Y-sơ-ra-ên và về sau được phân chia cho chi phái Ru-bên. Từ điểm tiến quân lợi hại này, Môi-se có thể leo lên đỉnh cao của núi Nê-bô nằm song song với phần đầu của Biển Chết và nhìn ngang qua sông Giô-đanh vào vùng đất Đức Chúa Trời đã hứa cho họ. Xa hơn về phía bắc, nằm khoảng nửa đoạn sông Giô-đanh từ Biển Chết đến Biển Ga-li-lê, là rạch Gia-bốc : Dòng sông này cũng đáng chú ý như là một điểm băng ngang quan trọng trong lịch sử ban đầu của Y-sơ-ra-ên. Gia-cốp đang quay về vùng Đất Hứa sau mười bốn năm vắng mặt kể từ khi ông chạy trốn Ê-sau anh mình là người tìm cách giết mình. Sau khi đã gởi quà cho anh tại Ê-đôm, Gia-cốp được biết rằng Ê-sau đang dẫn bốn trăm quân đến gặp ông. Sợ mất mạng, Gia-cốp chia hai vợ, mười một người con trai, và cả gia tài của mình thành hai toán. Trong bóng đêm những toán này tìm đường đi xuống bờ dốc của Gia-bốc, băng ngang qua vùng nước của nó, và chuẩn bị trình dâng những món quà để xoa dịu người anh xa lạ của Gia-cốp.

Nhưng Gia-cốp tự ở lại một mình trên bờ phía kia của dòng sông. Vào đêm đó, một sứ giả từ Đức Chúa Trời vật lộn với Gia-cốp cho đến bình minh. Vị sứ giả thiên thượng này bày tỏ sức mạnh phi thường bằng cách làm què Gia-cốp suốt đời với một cú đánh vào xương hông. Nhưng vị tổ phụ cứ kiên trì trong trận thử sức, đòi đổi thủ thiên thượng phải ban phước cho mình nếu không ông không để cho người ấy đi. Đáp lại sự kiên trì của Gia-cốp khi đối đầu với một sức mạnh cao cấp như vậy, vị thiên sứ đổi tên của Gia-cốp, cho thấy sự khẳng định của Chúa về một sự thay đổi bản chất. Tên ông trước đây là Gia-cốp, có nghĩa là “người chiếm chỗ”, ý nói đến một tên lừa gạt là người cố ý đắc thắng đối phương bằng mẹo khoé. Nhưng bây giờ tên ông là Y-sơ-ra-ên, “hoàng tử với Đức Chúa Trời”. Vì ông đã đấu tranh với cả Đức Chúa Trời và loài người, và đã đắc thắng.

Vào bình minh hôm đó, một Gia-cốp mới mẻ băng ngang rạch Gia-bốc. Ông đi lên trước hai toán người của mình và tự mình gặp gỡ Ê-sau trước. Trên đôi bờ của hẻm núi đó, vị tổ phụ của quốc gia tương lai Y-sơ-ra-ên đã mặc lấy một tính chất khác hẳn. Bởi ân điển của Đức Chúa Trời, Y-sơ-ra-ên thật sẽ là một loại người mới, được biến đổi, một người biết rằng hi vọng duy nhất của mình trong một thế giới

xa lạ nằm trong ơn phước không đáng được hưởng của Đức Chúa Trời chứ không do tài xoay sở bởi sự khôn khéo riêng của mình (cf. [SaSt 32:1-32](#)).

Dòng sông cuối cùng chảy vào sông Giô-đanh là dòng Giạt-mút : Xuất phát từ lãnh thổ Ga-la-át và Ba-san, dòng sông này đổ vào sông Giô-đanh ngay phía dưới Biển Ga-li-lê.

Chính tại đôi bờ Giạt-mút mà Óc, vua Ba-san, xung trận với Y-sơ-ra-ên. Trong cuộc chiến đấu kế tiếp, Y-sơ-ra-ên chiếm lấy tất cả sáu mươi thành kiên cố của Óc và mở rộng sản nghiệp mình tới chân núi Hết-môn ([PhuDnl 3:1-11](#)). Toàn xứ Ba-san về phía bắc và toàn xứ Ga-la-át về phía nam sông Giạt-mút đều được kể vào số các phần lãnh thổ đáng giá nhất của Y-sơ-ra-ên. Vào lúc phân chia đất cho các chi phái khác nhau, miền này đã trở thành quê hương của phân nửa chi phái Ma-na-se. Như vậy, bốn dòng sông này được sử dụng làm ranh giới phân chia tự nhiên của vùng lãnh thổ phía bên kia sông Giô-đanh. Mặc dù những ranh giới này không được duy trì cứng nhắc, về căn bản chúng phục vụ cho mục đích vạch những đường phân chia mảnh đất này từ nam đến bắc.

Sông Giô Đanh

Nhưng dĩ nhiên dòng sông chính của toàn xứ là sông Giô-đanh , phân chia vùng đất giữa tây và đông. Mốc ranh giới cổ xưa này chảy theo hẻm sâu của cùng một vết đứt (fault-line) chạy mãi đến lục địa Phi Châu, định hình cho đường đi của sông Nile (Smith 1972, 301).

Sông Giô-đanh có thể được hình dung như một trũng sâu (depression) có nhiều bậc thềm, bậc dưới hẹp hơn bậc. Thung lũng mà dòng sông chảy qua được tạo thành bởi các đồi núi xứ Sa-ma-ri ở hướng tây và vùng cao nguyên bằng phẳng xứ Ga-la-át ở phía đông. Thung lũng nói trên có chiều rộng biến đổi từ 3 km đến 22.5 km, hẹp ở phần phía bắc, rồi phình ra và co lại và cuối cùng mở rộng dần khi đến gần khu vực Giê-ri-cô gần Biển Chết. Mặc dù chính dòng sông chảy trong một kênh dẫn quá sâu đến nỗi không thể tưới nước cho toàn bộ thung lũng rộng lớn này, một số con suối và khe cung cấp đủ độ ẩm để giữ cho cây cối và bụi rậm xanh tươi hầu như quanh năm.

Quanh co, uốn khúc lượn tới lượn lui trong thung lũng này là một trũng hẹp hơn có chiều rộng khoảng vài trăm mét đến vài cây số. Trũng này tiêu biểu cho vùng đất thường ngập lụt khi dòng sông chảy tràn bờ, thường vào cuối mùa mưa. Từ trên cao nhìn xuống như một “con rắn xanh khổng lồ” (Smith 1972, 312), thung lũng phụ này dày đặc với bụi rậm và cây cối bán nhiệt đới. Được mô tả sống động trong Kinh Thánh như là “Niềm kiêu hãnh của sông Giô-đanh,” khu vực này được đặt một tên thích hợp là “rừng rậm”, vùng cư trú tự nhiên của sư tử, heo rừng, và những dã thú khác thời Cựu Ước ([Gie Gr 12:5](#), [49:19](#), [50:44](#)).

Cấp thứ ba của thung lũng Giô-đanh là chính lòng sông. Bình thường lòng sông rộng khoảng tám mươi đến một trăm mét chiều ngang, và sâu chừng ba đến mười mét. Trên đường đi xuống từ đầu phía nam của Biển Ga-li-lê tới điểm cực bắc của

Biển Chết, dòng nước bùn lầy ngoằn ngoèo này rõ ràng phơi bày được đặc điểm khiến cho nó mang tên Giô-đanh, có nghĩa là “chảy xuống.” Trong khoảng cách đường thẳng khoảng 105 km này, dòng sông đổ xuống chênh nhau trên hai trăm mét. Khi đến gần cuối đường đi, dòng nước hạ xuống hơn 12 m mỗi dặm (mile = 1,609 km), tạo ra một dòng nước đổ ào ào về hướng Biển Chết, có bề mặt nằm ở độ sâu 396 m dưới mực nước biển, điểm thấp nhất trên trái đất.

Dòng sông nổi bật này đóng vai trò gì trong lịch sử của vùng đất, và ngay cả lịch sử thế giới? Không có dòng sông nào khác giống như nó. Việc băng ngang dòng sông này có tính chất biểu tượng đánh dấu cho việc trở về với vùng đất địa đàng đã mất của con dân Đức Chúa Trời. Nó đánh dấu sự kết thúc những ngày nhục nhã khi họ bị cưỡng bức sống như những kẻ lang thang không đất đai trên trần gian ([Gios Gs 5:2-9](#)). Chướng ngại bằng nước ngăn cản đường đến với quê hương của dân tộc chỉ có thể được vượt qua bởi công việc quyền năng của ân điển Đức Chúa Trời. Vì dân Y-sơ-ra-ên đứng bên bờ sông ngập lũ chắc chắn sẽ mang mặc cảm phạm tội như lãnh tụ Môi-se của họ, là người không được vào vì tội lỗi của mình. Không phải bởi lòng trung thành, sự thông minh, hoặc sức mạnh sẵn có của họ mà họ băng ngang được lòng sông khô cạn của Giô-đanh. Chỉ bởi ân điển và quyền năng của Chúa, mở rộng ra cho một dân không xứng đáng, họ mới vào được vùng đất đơm sữa và mật. Thật vậy, việc họ băng ngang dòng sông đòi hỏi một bước đức tin. Trước hết bàn chân của các thầy tế lễ khiêng rương giao ước phải bước vào dòng nước lũ cuộn cuộn của sông Giô-đanh ([3:14-17](#)). Chiếc rương thiêng liêng này được khiêng bởi các thầy tế lễ của Y-sơ-ra-ên làm biểu tượng cho cả ngài của Đức Chúa Trời trên đất cũng như nơi chốn mà dòng huyết cứu chuộc của sinh tế thay thế cho tội lỗi phải được rảy lên. Chỉ bởi đức tin đi theo sau biểu tượng của sự can thiệp quyền năng và đầy ân điển của Đức Chúa Trời mà dân tộc mới trông mong thấy được sự cứu rỗi đầy trọn của Chúa.

Nguyên tắc chung này vẫn giữ nguyên giá trị cho đến ngày nay. Không một người nào được vào trong vương quốc ơn phước thật sự của Đức Chúa Trời trong đời mà không có đức tin nơi quyền năng của Đức Chúa Trời và sự tha thứ của Ngài. Những phước hạnh này tràn tuôn từ ngài thi ân trên trời, nơi Đức Chúa Giê-xu Christ, Đấng hoàn toàn vô tội đã chết thế cho tội nhân, cung ứng sự tha thứ cho những việc làm đáng chết của những tội nhân. Con người chẳng bao giờ vượt qua được những dòng nước lạnh giá của sự chết để bước vào những phước hạnh của sự sống đời đời mà thiếu lời xưng nhận cá nhân vào huyết của Đức Chúa Giê-xu Christ làm một sự thay thế cho sự trục xuất công bình xứng đáng của chính họ khỏi sự hiện diện của một Đức Chúa Trời bị xúc phạm. Thật tốt để xã hội có học thức, tinh tế ngày nay học thuộc những bài học xa xưa của việc băng ngang sông Giô-đanh. Giảng Bap-tít kêu gọi những người có học và người vô học, người cao sang và người thấp hèn đến với dòng nước Giô-đanh chịu bap-têm về sự ăn năn để được tha tội. Sự kêu gọi này vẫn còn hiệu lực cho đến ngày nay.

Vì thế, sông Giô-đanh đã đứng như một biểu tượng về vết nứt sâu, trở ngại không thay thế được tồn tại giữa mỗi người và sự phục hồi để người đó trở lại những phước hạnh đầy trọn của Chúa. Chỉ bởi ân điển và quyền năng của Đức Chúa Trời mà trở lực này mới được vượt qua cách thành công.

Khí hậu và thảo mộc

Tính chất tương phản trong vùng đất của Kinh Thánh càng được khẳng định gấp đôi khi nghiên cứu về khí hậu và thảo mộc ở đó. Cả hai yếu tố này phô bày mức độ tương phản cao trong vùng đất của Kinh Thánh.

Khí hậu

Khí hậu có thể được định nghĩa là những điều kiện phổ biến về nhiệt độ, lượng mưa, áp suất không khí trong một khu vực nào đó. Pa-lét-tin là một khu vực có khí hậu chuyển tiếp bao gồm bốn vùng thời tiết nổi bật.

Khí hậu Địa Trung Hải (khu vực ẩm ướt): Miền này bao gồm vùng duyên hải và vùng cao nguyên trải dài từ Giu-đê đến những phần phía bắc của Palestine. Có đặc trưng như một khu vực ẩm ướt bán nhiệt đới, với lượng mưa trung bình hằng năm khoảng 14 inches (355 mm). Nhờ lượng mưa cao nên khu vực này có nhiều rừng, với những cây cối chính là terebinth và sồi xanh quanh năm. Hầu hết các phần đất quan trọng của Kinh Thánh nằm trong vùng khí hậu Địa Trung Hải này.

1. Khí hậu Irano-Turonian (thảo nguyên khô -cao nguyên-). Bao gồm trong khu vực này là vùng Nê-ghep (Negev) của Palestine, nhất là vùng chung quanh địa điểm Bê-e Sê-ba. Miền này có lượng mưa hàng năm ít hơn khu vực Địa Trung Hải, trung bình từ 6 - 12 inches (152 - 305 mm). Các dạng thảo mộc thấp sống trong khu vực này. Về mặt lịch sử nó được xem như một miền của dân du mục và canh tác khô thô sơ.

2. Khí hậu Saharo- Sindian (sa mạc). Vùng khí hậu này chứa đựng các miền sa mạc của Pa-lét-tin bắt đầu với vùng nam Nê-ghep và di chuyển xa hơn về phía nam. Đó là một phần của vùng nhiệt đới khô cần chính yếu bao gồm các sa mạc A-ra-bia và Sa-ha-ra. Lượng mưa hàng năm ở khu vực khô cần này chỉ có 2 - 6 inches (50-150 mm). Bất cứ việc canh tác nào ở vùng này đều hoàn toàn lệ thuộc vào hệ thống thủy lợi.

3. Khí hậu Sudano-Deccanian (các ốc đảo). Những điểm ốc đảo này xuất hiện chủ yếu quanh bờ Biển Chết. Những khu vực này là những vùng tiểu khí hậu, biệt lập chịu được nhiệt độ cao và duy trì những nguồn nước ngọt phong phú. Giê-ri-cô và Ên-gê-đi là những kiểu mẫu chính của ốc đảo trong vùng đất của Kinh Thánh.

Thảo mộc tiêu biểu nhất là cây lotus.

Vị trí Palestine bên trong bốn vùng này dẫn đến sự đa dạng khí hậu rõ nét trên một miền nhỏ. Khoảng cách giữa Giê-ru-sa-lem và Giê-ri-cô chỉ có mười bốn dặm (22.5 km), nhưng sự khác biệt khí hậu là rất lớn. Giê-ru-sa-lem nhận lượng mưa 21 inches (534 mm) một năm và có nhiệt độ trung bình 640 F (17,70 C), trong khi Giê-ri-cô lượng mưa chỉ có 6 inches (150 mm) và có nhiệt độ trung bình là 770 F (250 C). Thật chẳng có gì lạ khi Hê-rốt Đại Đế cho xây một lâu đài mùa đông tại Giê-ri-cô. Ở đó ông có thể vui hưởng thời tiết êm dịu trong suốt những tháng mưa lạnh lẽo trong năm; dù vậy ông không bao giờ đi xa thủ đô chính tại Giê-ru-sa-lem. Do tính đa nghi về những âm mưu có thể diễn ra trong hoàng cung, Hê-rốt không bao giờ muốn đi xa trung tâm cai trị. Tại Giê-ri-cô, ông được nghỉ ngơi thoải mái mà vẫn nắm vững quyền cai trị.

Palestine có hai mùa rõ rệt. một mùa khô vào mùa hè và một mùa mưa vào mùa đông. Mùa hè (từ tháng 5 đến tháng 10), được đặc trưng bởi nhiệt độ cao, những đợt gió tây nhẹ liên tục, và những điều kiện hầu như khô hanh. Những cơn bão mùa hè rất hiếm hoi. Việc Sa-mu-ên cầu xin một trận giông tố lớn vào lúc mùa gặt cho thấy tính chất bất thường của một sự kiện như thế (I Sa-mu-ên 12). Mùa khô hanh thường bắt đầu với sự xâm nhập của gió nóng sa mạc gọi là hamsin . Những cơn gió này làm khô hẳn quang cảnh Palestine.

Mùa đông (từ tháng 11 đến tháng 4) trong vùng đất của Kinh Thánh thật khó đoán trước được. Lượng mưa lớn nhất rơi vào mùa này. Kinh Thánh mô tả hiện tượng này như là việc Đức Chúa Trời ban cho “mưa mùa thu và mưa mùa xuân xuống thuận thì tại trong xứ các ngươi” ([Phu Dnl 11:14](#)). Lượng mưa có thể xuống dưới dạng mưa đá hoặc tuyết trong các vùng cao nguyên ([Thi Tv 68:14](#)). Lượng mưa thường tăng dần từ nam đến bắc.

Khí hậu, nhất là lượng mưa, có lẽ là yếu tố vật lý quan trọng nhất ảnh hưởng đến hoạt động con người trong vùng đất của Kinh Thánh. Những khu định cư gắn liền chủ yếu với các nguồn khí hậu và nguồn nước. Vùng Nê-ghép, những khu vực sa mạc, và Biển Chết, với lượng mưa ít ỏi, chủ yếu là những vùng định cư tạm thời cho những cư dân bán du mục biết canh tác nông nghiệp thô sơ. Vành đai khí hậu phía bắc có đặc trưng định cư khác hẳn một phần bởi vì thời tiết dịu hơn và lượng mưa lớn hơn. Về mặt lịch sử, phía bắc có nhiều điểm định cư lâu dài hơn và là trung tâm của hoạt động nông nghiệp. Trải qua suốt lịch sử, vùng phía bắc luôn đông dân cư hơn vùng phía nam.

Sự tương phản giữa vùng sa mạc và vùng đất canh tác đã dẫn đến nhiều xung đột giữa các dân tộc sống trong những vùng khác biệt này. Những kẻ cướp từ sa mạc như là người A-ma-léc và người Ma-đi-an tỏ ra là những đối thủ nguy hiểm nhất của dân Y-sơ-ra-ên. Con dân của Đức Chúa Trời, sống chủ yếu trong vùng đồi núi và hầu hết đều sống bằng nghề nông, dường như luôn luôn xung đột với các dân tộc vùng biên giới. Sau-lơ, chẳng hạn, nghĩ rằng cần phải bảo đảm biên giới Y-sơ-

ra-ên khỏi những kẻ xâm lược từ sa mạc đến nỗi ông phát động một chiến dịch quân sự lớn chống lại những bộ lạc ở sa mạc ([ISa1Sm 14:47-48](#)).

Khí hậu quyết định phần lớn nền kinh tế của vùng đất của Kinh Thánh. Vào thời cổ đại, nông nghiệp là cơ sở của nền kinh tế Palestine. Những khu vực nhận được lượng mưa đầy đủ có khả năng duy trì được nền canh tác tự nhiên, và vì vậy có được lợi thế nông nghiệp quan trọng. Vùng Y-sơ-ra-ên của Kinh Thánh trước đó được chiếm cứ chủ yếu bởi một giống dân cao nguyên sống tại các vùng núi non Giu-đê và Sa-ma-ri. Bởi vì những miền này nhận được lượng mưa đầy đủ và đất đai phì nhiêu, chúng có thể duy trì được khả năng canh tác nông nghiệp đáng kể. Cả ngũ cốc và cây trái ngon ngọt được trồng trong miền này. Những lợi thế này dẫn Y-sơ-ra-ên đến chỗ phát triển một nền kinh tế dựa chủ yếu trên nông nghiệp.

Thảo mộc

Khí hậu, địa hình, và thổ nhưỡng là những yếu tố chủ yếu trong việc quyết định thảo mộc hoặc địa lý cây trồng. Khí hậu cung cấp những điều kiện về lượng mưa và nhiệt độ thích hợp hoặc không thích hợp, như là lượng nước cần thiết cho sự phát triển của cây trồng; địa hình cung cấp một hình trạng bề mặt thích hợp cho những quần thể cây trồng nhất định; và thổ nhưỡng cung cấp chất dinh dưỡng cần thiết cho những loại cây trồng đặc thù. Bên trong vùng đất của Kinh Thánh, như đã đề cập, có những khác biệt quan trọng tồn tại trong mỗi một yếu tố này. Do đó, Palestine là một vùng đất có nhiều tương phản về thực vật nhưng không kém về chủng loại với trên 3000 loài thực vật khác nhau.

Bốn quần thể cây trồng có thể được phân biệt trong vùng đất của Kinh Thánh.

Những quần thể này tương ứng với bốn vùng khí hậu đã trình bày trên đây.

1. Hệ thực vật Địa Trung Hải (khu vực ẩm ướt): Vùng này là quần thể thảo mộc lớn nhất trong vùng đất Kinh Thánh và nhận được lượng mưa trung bình hằng năm khoảng 14 inches (355 mm). Cây cối trong vùng Địa Trung Hải được phân bố trên hai phong cảnh khác biệt rộng rãi: vùng đồi núi và vùng duyên hải. Vùng đồi núi đặc trưng trong thời Kinh Thánh là một vùng khí hậu có rừng cây bụi xanh tươi quanh năm và rừng rậm. Trong những vùng đồi núi này người ta có thể tìm thấy thảo mộc dạng cây bụi mọc nhiều với cây lớn mọc rải rác như là loại sồi xanh quanh năm, terebinth, và thông Giê-ru-sa-lem. Nhiều giống cây này đã biến mất bởi nạn phá rừng, nhưng phần sót lại nghèo nàn của giống cây xanh tươi quanh năm được bảo tồn trong những vùng như núi Cạt-mên.

Những thung lũng và vùng duyên hải Palestine có cây cối thấp cây hơn vùng cao nguyên. Những khu vực này được tiêu biểu bởi một thảm dày đặc các lùm cây thấp và rải rác vài cây carob.

2. Hệ cây cối Irano-Turonian (thảo nguyên khô#). Nhận được một lượng mưa hàng năm chỉ khoảng 6 - 12 inches (50 - 150 mm), vùng này có thể duy trì một thảm thực vật thưa thớt. Đặc trưng cho quần thể cây cối này là những bụi cây thấp và bụi rậm lè tè. Dạng thực vật này tập trung chủ yếu trong vùng Bê-e Sê-ba.

3. Hệ thực vật A-ra-bi (sa mạc). Khu vực này gồm có các vùng sa mạc Palestine, kể cả vùng Biển Chết, vùng sa mạc Giu-đê, phần lớn vùng Nê-ghep, và phần lớn cao nguyên Si-na-i. Dạng thảo mộc sa mạc này chỉ có một thảm thực vật thưa thớt. Nhiều vùng khô cằn, không có cây cối nào mọc được. Thảo mộc phần lớn tập trung trong lòng các dòng suối cạn nơi cây cối sinh trưởng nhờ các trận lụt mùa đông.

4. Hệ thảo mộc Su-đan (ốc đảo). Khu vực này bao gồm trên bốn mươi loại thực vật đều cần nhiệt độ cao và nhiều nước. Các địa điểm ốc đảo trong vùng đất Kinh Thánh (Ên-ghê-đi, Giê-ri-cô, vv...) cung ứng đúng loại môi trường cần thiết cho mức độ đa dạng thực vật này. Như đã đề cập trước đây, cây lotus là loại thực vật quan trọng nhất trong khu vực này.

Nông nghiệp là nền móng của hầu hết các nền kinh tế cổ xưa trong vùng đất Kinh Thánh. Y-sơ-ra-ên, nằm chủ yếu trong các vùng đồi núi thuộc vùng khí hậu và thực vật Địa Trung Hải, là một xã hội nông nghiệp. Tương phản với các dân tộc sống trong vùng Nê-ghep và Si-na-i, người Hê-bơ-rơ ít sử dụng thủy lợi để canh tác bởi lượng mưa cao đủ cho họ để canh tác theo lối tự nhiên. Kinh Thánh mô tả cụ thể ơn phước dành cho Y-sơ-ra-ên ở phương diện này. “Nhưng xứ các ngươi sẽ đi vào nhận lấy đó, là một xứ có núi và trũng, nhờ mưa trời mà được thấm tưới. Ấy là một xứ Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi săn sóc, mắt Ngài hằng đoái xem nó từ đầu năm đến cuối” ([PhuDnl 11:11-12](#)).

Các sản phẩm nông nghiệp được người Y-sơ-ra-ên trồng trong vùng đồi núi cũng được mô tả trong Kinh Thánh.

Chúng bao gồm các sản phẩm vườn tược cũng như ngũ cốc. “Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi sẽ khiến ngươi vào xứ tốt tươi, có nhiều khe, suối, nước sâu phun lên trong trũng và trên núi; xứ có lúa mì, lúa mạch, dâu nho, cây vả, cây lựu, dầu ô-liu và mật” ([8:7-8](#)).

Người Y-sơ-ra-ên canh tác một số vụ mùa quan trọng. Tại địa điểm Y-sơ-ra-ên ở Ghê-xe, các nhà khảo cổ khám phá một tấm bảng đất sét viết chữ Hê-bơ-rơ mô tả niên lịch nông nghiệp căn bản. Bảng đó như sau.

Hai tháng để thu hoạch ô-liu
Hai tháng để trồng lúa mì,
Hai tháng để trồng trọt mùa muộn,
Một tháng để cày xới cây lanh
Một tháng để thu hoạch lúa mạch,
Một tháng cho mùa gặt và hội hè,

Hai tháng để chăm sóc vườn nhỏ,

Một tháng cho bông trái mùa hè:

Mặc dù lượng mưa đáng kể của vùng núi Giu-đê và Sa-ma-ri là một thuận lợi cho nông nghiệp Y-sơ-ra-ên, các vùng đất dốc lại là một nan đề. Trong trạng thái tự nhiên, các triền dốc đứng của hầu hết các vùng núi thuộc loại không thể canh tác được. Nước rửa trôi các sườn núi, làm xói mòn hết đất canh tác. Do đó, tầng đất canh tác vùng cao nguyên còn lại rất mỏng. Ngoài ra, một loại đất pha lẫn đá là nét đặc trưng của khu vực. Những yếu tố này khiến cho vùng cao nguyên trở nên một vùng khó khăn cho nông nghiệp.

Tuy nhiên, người Hê-bơ-rơ thiết lập những điều kiện nông nghiệp thuận lợi, liên tục và rộng rãi trên những vùng dốc bằng cách làm vườn bậc thang. Làm vườn bậc thang là một hệ thống nhân tạo bởi đó các sườn đồi dốc được cải tạo thành những chuỗi các bề mặt phẳng nằm ngang. Nó có ba chức năng: ngăn ngừa xói mòn, tăng cường độ tích lũy nước và đất trồng, và cất bỏ đá khỏi lớp đất trồng bằng cách sử dụng chúng làm những bức tường cho bậc thang. Theo cách này, người Y-sơ-ra-ên có thể sử dụng đất mà trước đây có giá trị nông nghiệp hạn chế. Cả các vụ trái cây ngon ngọt lẫn vụ ngũ cốc đều phát đạt trên những vùng dốc này.

Để tạo ra nhiều đất đai nông nghiệp hơn, người Y-sơ-ra-ên dọn sạch cây cối trên vùng cao nguyên. Sách Giô-suê giải thích. “Vả, con cháu của Giô-sép nói cùng Giô-suê rằng: chúng tôi đã thành một dân đông, vì Đức Giê-hô-va đã ban phước cho chúng tôi đến ngày nay; vậy tại làm sao ông ban cho chúng tôi chỉ một phần đất làm sản nghiệp? Giô-suê đáp: Nếu các ngươi đông như vậy, và núi Ép-ra-im rất hẹp cho các ngươi, thì hãy lên khai phá rừng, đặng làm một chỗ ở cho mình... núi sẽ thuộc về các ngươi; Dù là một cái rừng, ngươi sẽ khai phá nó” ([Gios Gs 17:14-18](#)).

Một sáng kiến quan trọng khác trong nông nghiệp là việc giới thiệu các bàn ép có đòn bẩy để chế biến dầu ô-liu. Các khám phá khảo cổ về các bàn ép dầu tại địa điểm Hê-bơ-rơ ở Bết Sê-mét, Đan, Ghê-xe, và Tell Beit Mirsim cho thấy rằng chúng được dùng phổ biến không trễ hơn thế kỷ thứ tám trước kỷ nguyên Cơ Đốc. Một số người Y-sơ-ra-ên cư trú trong các vùng sa mạc đòi hỏi phải làm thủy lợi. Các nhà khảo cổ học khám phá bằng chứng các nông gia Hê-bơ-rơ đã tạo ra các đập bậc thang để canh tác trong vùng sa mạc nhằm kiểm soát tốt hơn nguồn cung cấp nước hạn chế. Người Hê-bơ-rơ biết phát triển hoặc vay mượn các thủ thuật nông nghiệp đa dạng để canh tác những khu vực mà mãi đến lúc ấy chỉ mới được định cư thưa thớt.

Các thị trấn và thành phố vào thời các tổ phụ

(Khoảng 2000-1500 TC)

Chúng ta đã xem xét địa hình vùng đất mà Đấng Tạo Hoá đã thiết kế. Nhưng bây giờ là lúc quay lại những cấu trúc của cư dân loài người khi họ tiến lên theo sự uỷ thác văn hoá của Đấng Tạo Hoá để chinh phục trái đất cho vinh quang của Đức

Chúa Trời. Theo lời chứng của Kinh Thánh, những nỗ lực sớm nhất của một nhân loại sa ngã nhằm thiết lập các thành phố không hướng về sự vinh hiển Đức Chúa Trời. Những người xây dựng sơ khai này đặt tên các thành phố theo tên của mình, cho thấy rằng họ không có ý thức về bổn phận phải dâng sự tôn kính lên Đấng Tạo Hoá mình trong những thành tựu của họ (cf. [SaSt 4:17](#), [11:4](#)).

Khi con dân Đức Chúa Trời tiến vào vùng đất, hoàn cảnh này có thay đổi phần nào. Bây giờ những nơi nhất định dâng sự tôn kính lên Chúa bởi tên gọi của chúng, như Bê-tên, nghĩa là “nhà của Đức Chúa Trời”. Những nơi khác, như là Si-chem, trong khi giữ lại những tên được đặt cho chúng bởi các cư dân nguyên thủy, mang một ý nghĩa mới do công tác của Đức Chúa Trời làm cho con dân Ngài tại địa bàn đó. Trong bất cứ trường hợp nào, Chúa đang đẩy mạnh các mục đích cứu chuộc của Ngài trong vùng lãnh thổ này. Khi xem xét những địa điểm nổi bật này, chúng ta có thể tìm thấy một góc nhìn ích lợi hơn khi lần theo dấu vết của các tiến trình lịch sử xuyên suốt Kinh Thánh hơn là hồi tưởng nét phác họa của những vùng địa lý đa dạng đã nói đến trước đây. Một số thành phố và thị trấn nổi bật trong một kỷ nguyên cụ thể của lịch sử cứu chuộc, trong khi những thành phố khác phát triển tầm quan trọng xuyên qua các thế kỷ. Chính trong bối cảnh tiến triển lịch sử này mà tầm quan trọng của những thành phố đó có thể được hiểu đầy đủ nhất.

Một số thành phố đóng một vai trò nổi bật trong cuộc đời của Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cóp, và Giô-sép. Sáu thành phố đáng được chú ý đặc biệt. Si-chem, Bê-tên, (Giê-ru-)sa-lem, Hêp-rôn, Bê-e Sê-ba, và Phê-ni-ên.

Si-chem

Áp-ra-ham dâng tế lễ đầu tiên lên Chúa trong vùng Đất Hứa tại Si-chem, vì ở đó lần đầu tiên Chúa bày tỏ rằng đây là vùng đất được xem như sẽ thuộc về ông và dòng dõi ông ([SaSt 12:6-7](#)). Trước thời gian này, Áp-ra-ham đã đi theo đường mòn thông thường của các đoàn lữ hành di chuyển từ U-ơ-xú Canh-đê dọc theo thung lũng sông Ti-grít - Ô-phơ-rát đến Cha-ran xứ Sy-ri rồi vào vùng đất của người Ca-na-an. Chúa đã truyền lệnh rằng vị tổ phụ phải lìa quê hương và đi đến một nơi Đức Chúa Trời sẽ chỉ cho ông. Dù vậy chỉ khi ông đến Si-chem giữa các cuộc hành trình của mình thì Chúa mới xác định vùng đất sẽ thuộc về ông.

Thành phố Si-chem nằm ở một ngã tư đường quan trọng tại trung tâm Palestine. Nằm ở đầu phía đông của con đường giao thương giữa các vùng núi gọi là Ga-ri-xim và Ê-ban, thành phố này đã đóng vai trò chủ nhà cho rất nhiều con đường chính yếu đi qua vùng đồi núi trung tâm này.

Không nên giả định rằng địa điểm được lựa chọn này thật sự là một chỗ không người, một quả mận chín sẵn sàng cho Áp-ra-ham hái lấy. Trái lại, như Kinh Thánh cho thấy rằng “dân Ca-na-an đang ở trong xứ” ([12:6](#)). Cuộc thử thách đức tin của Áp-ra-ham không kết thúc với việc ông đến Đất Hứa. Ông bây giờ phải trải qua một loại thử nghiệm khác. Trước đó ông được yêu cầu phải ra đi mà không biết hình dạng vùng đất Chúa sẽ ban cho ông như thế nào. Bây giờ ông phải sống

với nhận thức rằng đây thật là Đất Hứa dành cho mình, dù nó đang được sở hữu bởi một người khác.

Bằng chứng ngoài Kinh Thánh khá hấp dẫn được khám phá tại Ai Cập khẳng định sự hiện diện của những dân tộc khác tại Si-chem trong suốt thời gian này. Những chén gốm và hình tượng nhỏ bằng đất sét bây giờ được biết như là “những bản văn nguyên rủa” (execration texts) khắc những lời rủa sả chống lại các kẻ thù của Ai Cập. Pha-ra-ôn sẽ đập nát những vật có chạm khắc này như một phương cách đặt một lời nguyên rủa lên kẻ thù của mình. Rõ ràng Si-chem được đề cập như là kẻ thù bị đánh bại của Ai Cập trên một trong những bản văn này có niên đại từ thế kỷ thứ mười chín trước công nguyên (Pfeifer 1966, 518). Ngoài ra, thế kỷ thứ mười bốn T.C., những lá thư viết cho Pha-ra-ôn Ai Cập tại Amarna (nằm giữa Cairo và Luxor) nói về các cư dân tại Si-chem như là những kẻ âm mưu với người Habiru ngoại quốc nhằm tạo ra những bất ổn lớn và náo động dân chúng tại các thành phố Ca-an-an. Thật rõ ràng, từ Kinh Thánh cũng như những nguồn ngoài Kinh Thánh, Si-chem không phải là một “lô đất trống” được lựa chọn trong thời các tổ phụ. Sau mười bốn năm vắng mặt khỏi Đất Hứa, khi trở về từ Pha-đan A-ram, Gia-cốp lại đi theo các bước chân của ông nội mình là Áp-ra-ham bằng cách lấy Si-chem làm nơi dừng chân đầu tiên của mình. Ở đó ông đi một bước khá ấn tượng hướng tới việc công bố cho chính mình lời hứa có liên quan đến vùng đất. Ông mua một miếng đất của các con trai Hê-mô, cha Si-chem, làm nơi cắm trại. Ngoại trừ lô đất nghĩa trang do Áp-ra-ham mua trước đó, quyền sở hữu vùng đất hẳn khởi nguồn tại chỗ này. Ở đây Gia-cốp, mới đây được đổi tên thành Y-sơ-ra-ên, xây dựng một bàn thờ cho “Đức Chúa Trời, là Chúa của Y-sơ-ra-ên” ([33:18-20](#)).

Nhưng quyền sở hữu các lời hứa không trôi chảy dễ dàng từ điểm này. Cuộc sống quá gập gúi với người Ca-na-an tạo ra những nan đề. Một nhà quý tộc Ca-na-an từ Si-chem xâm phạm tiết hạnh của Đê-na, con gái của Gia-cốp. Để báo thù, Si-mê-ôn và Lê-vi giết sạch mọi người nam của Si-chem một cách xảo trá. Vì việc đó, gia đình Gia-cốp bị buộc phải di chuyển khỏi khu vực, sự kiện này đã xúc phạm nặng nề các cư dân bản địa ([34:1-31](#)).

Sau đó khoảng năm trăm năm, dòng dõi của Gia-cốp tái xâm nhập Đất Hứa. Ngay sau khi Giô-suê và dân tộc ông dọn sạch con đường bằng cách đánh bại Giê-ri-cô và A-hi, họ tiến đến Si-chem. Ngay tại chỗ đã được chỉ định bởi Môi-se, Giô-suê lập một bàn thờ trên núi Ê-banh, cả dân tộc cùng nghiêm chỉnh ôn lại các lời rủa sả và chúc phước của luật pháp như một sự thể hiện hai chiều mối liên hệ giao ước được thiết lập giữa họ với Chúa ([PhuDnl 11:29-30](#), [Gios Gs 8:30-35](#)).

Một lần nữa, vào cuối thời kỳ chinh phục, Giô-suê lại tập họp dân chúng tại Si-chem để làm mới lại giao ước. Ông giao phó họ cho Chúa và nhắc lại lời cam kết của Chúa đối với họ. Sau khi đọc toàn bộ luật pháp, ông dựng một hòn đá làm chứng chống lại họ nếu họ tỏ ra không trung thành với giao ước. Ở đây Giô-suê cũng chôn hài cốt của Giô-sép tại chính mảnh đất Gia-cốp đã mua của các con trai

Hê-mô, cha của Si-chem ([24:1-32](#)). [3]

Địa điểm được xác nhận là Si-chem đã cho thấy đây là một nguồn gốc có giá trị về những hình tượng tôn giáo có liên quan đến các miếu thờ của dân Ca-na-an có niên đại vào thời các tổ phụ: Các ghi nhận khảo cổ cho thấy rằng thành phố này là trung tâm thờ cúng ngoại giáo quan trọng tại Palestine vào Thời Kỳ Đồ Đồng Giữa (1900-1500 T:C:). Những cuộc khai quật diện rộng một gò có tên là Tell Balatah đã để lộ ra một thị trấn quan trọng được bao quanh bởi một hệ thống phòng thủ tinh tế có nhiều công, có niên đại từ 1750 đến 1650 T:C: Bên trong những bức tường dày là một vệ thành phân cách với phần dân cư còn lại: Nhiều đền thờ “lộ thiên” lớn và quan trọng cũng được khám phá nữa: Người ta đã từng nghĩ rằng việc làm mới lại giao ước dưới thời Giô-suê diễn ra tại Đền Thờ Kiên Cố được khai quật tại Si-chem: Cấu trúc này ban đầu được xây dựng vào thế kỷ thứ mười bảy T:C: và có thể đã là trung tâm thờ phượng có tên là miếu thần Bê-rít trong Các Quan Xét 9:46:

Tại địa điểm này nhiều thế kỷ sau đó, hài cốt của các tổ phụ đang yên nghỉ trong mộ thì Đáng là dòng dõi Gia-cốp nói lên những lời đầy ý nghĩa ảnh hưởng đến tương lai của họ. Tại giếng Si-kha (Si-chem) Đáng này hứa ban nước sống đời đời cho một phụ nữ đang sống trong nô lệ của tội lỗi ([GiGa 4:1-26](#)). Qua Ngài con đường được mở ra để làm ứng nghiệm đầy trọn các lời hứa về quyền sở hữu vùng đất cho các tổ phụ nhiều thế kỷ trước đó. Ôn phước của địa đàng được hứa cho các tổ phụ có thể trở thành quyền sở hữu cho mọi tội nhân đến cùng Ngài để được sự sống.

Bê-tên

Địa bàn Bê-tên nằm tại giao lộ chính yếu thứ nhì của các lối thông thương nam-bắc và đông-tây xuyên qua trung tâm Palestine. Phía bắc là Si-chem và Sa-ma-ri; phía nam là Giê-ru-sa-lem và Hép-rôn. Về phía tây, một thung lũng lớn dẫn đến con đường thương mại Địa Trung Hải; và về phía đông, một lộ trình ngắn đưa du khách đến Giê-ri-cô, địa điểm chính ngang qua sông Giô-đanh trong vùng. Thật chẳng có gì phải ngạc nhiên khi Giê-rô-bô-am, vua đầu tiên của vương quốc phía bắc, đặt bàn thờ tương tranh của mình tại vùng ngã tư Bê-tên ([IVua 1V 12:26-29](#)). Mọi khách hành hương nam giới mỗi năm ba lần lên đường về Giê-ru-sa-lem để dự các lễ hội hằng năm đều cảm thấy họ đang đi trên con đường quen thuộc đến địa điểm thờ phượng truyền thống. Nếu họ đi con đường trung tâm xuyên qua Palestine, họ dừng lại sớm hơn mười dặm. Nếu họ đi qua Giê-ri-cô, họ sẽ đổi nhẹ sang hướng bắc một chút là đến Bê-tên thay vì đến Giê-ru-sa-lem. [4]

Những cuộc khai quật tại Beitin hiện đại, mà có thể xác định đó là Bê-tên trong Kinh Thánh, đã để cho thấy một thành phố Ca-na-an thịnh vượng trong thời kỳ các tổ phụ thuộc Thời Đại Đồ Đồng Giữa (1900-1500T:C:): Thành phố này được phòng thủ chặt chẽ bởi một lớp tường thành ngoài dày đo được 3,5 m độ dày và

bốn phức hợp công kiên cố: Một đền thờ Ca-na-an lớn đã được khám phá ngay bên trong tường thành: Địa điểm linh thiêng này chứa đựng những tàn tích của một số lượng lớn các vật liệu thờ cúng, kể cả các bình chứa có biểu tượng con rắn, xương thú vật và các thứ đồ gốm tế tự:

Bê-tên có những truyền thống linh thiêng của riêng nó, những truyền thống quyết định tên gọi của nó. Khi Gia-cốp lên đường về hướng bắc để tránh cơn giận dữ của anh mình là Ê-sau, ông qua đêm tại địa điểm Bê-tên, mà trước đây có tên gọi là Lu-xơ. Ngay trước khi rời khỏi Đất Hứa để rời phải vắng mặt mười bốn năm, Gia-cốp có một giấc mơ trong đó ông thấy một đoàn thiên sứ lên xuống một cái thang vươn đến sự hiện diện của Đức Chúa Trời ([SaSt 28:10-22](#)). Làm thế nào ông có thể quên được chỗ này? Vì đó là công thiên đàng, không gì bằng Bê-tên, “nhà của Đức Chúa Trời.” Cuối cùng khi Gia-cốp quay về vùng Đất Hứa, Chúa dạy ông phải biệt mình thánh ra một lần nữa bằng cách lập một bàn thờ tại Bê-tên ([35:1-15](#)).

Vào một kỷ nguyên sau đó, một dòng dõi của chính Gia-cốp này đã kinh nghiệm một đặc quyền còn cao cả hơn vị tổ tiên sáng giá của mình. Thay vì xuất hiện dưới dạng một giấc mơ, “cái thang” mới này dẫn đến sự hiện diện của Đức Chúa Trời đứng ngay trước Na-tha-na-ên bằng xương bằng thịt. Con Đường sống này dẫn đến sự hiện diện của Đức Chúa Trời được hiện thân trong thân vị của Con Đức Chúa Trời. Trên Ngai dòng dõi của Gia-cốp có thể hy vọng được thấy các thiên sứ của Đức Chúa Trời đi lên đi xuống. Không chỉ là Bê-tên linh thiêng mà chính Con Người linh thiêng, Đấng mở ra con đường đi thẳng vào sự hiện diện của Cha ([GiGa 1:49-51](#)).

Giê-ru-sa-lem [5]

Để nghiên cứu thêm về Giê-ru-sa-lem, xin xem các chương 7, 8, 9:

Khi Áp-ra-ham thực hiện cuộc hành trình mười hai dặm (khoảng 20 km) xa hơn về hướng nam trên con đường chạy dọc theo sống lưng của rặng núi trung tâm ở Palestine, ông hẳn đã đến địa điểm Sa-lem. Được biết rõ hơn với tên Giê-ru-sa-lem, thành phố quan trọng nhất trong lịch sử cứu chuộc nằm tại điểm cực bắc của vùng đồi xứ Giu-đê. Từ thời kỳ sớm nhất trong lịch sử Y-sơ-ra-ên, Giê-ru-sa-lem đã đóng một vai trò sống còn [6]

Thành phố Giê-ru-sa-lem của người Giêbu-sít hay người Ca-na-an được đặt trên một ngọn đồi có tên là “Ô-phên”, nằm ở phần đông nam của thành phố hiện đại: Dân cư của nó có niên đại lui đến thời kỳ Chalcolithic (thiên niên kỷ thứ ba T:C): Những khai quật mới đây đã khám phá một tường thành có niên đại Đồ Đồng Giữa II (1900-1500 T:C:), thời gian của các tổ phụ: Tầm quan trọng cổ xưa của Giê-ru-sa-lem được cho thấy nhiều hơn bởi việc nhắc đến nó trong các văn bản Ai Cập vào thế kỷ hai mươi T:C: .

Trước hết phải nói đến Mên-chi-xê-đéc, vua Giê-ru-sa-lem. Trong sách Sáng Thế

Ký, mà cấu trúc toàn sách được xây dựng chung quanh mười “gia phả” khác nhau, hình ảnh huyền bí này xuất hiện trên sân khấu lịch sử như một sự thật bất thường. Bởi vì Kinh Thánh không cung ứng bản ghi chép nào về thân thế của ông nên rất thích hợp khi mô tả ông như là “không cha không mẹ” ([HeDt 7:3](#)). Như một ngoại lệ hiếm hoi trong khuôn mẫu được điều hoà chặt chẽ của Cựu Ước, Mên-chi-xê-đéc kết hợp các chức vụ thầy tế lễ và vua. Ông cai trị trên thành quốc cổ xưa (Giê-ru-) sa-lem, đồng thời cũng thực hiện chức năng như “thầy tế lễ của Đức Chúa Trời Chí Cao” ([SaSt 14:18](#)). Áp-ra-ham vĩ đại đã nộp một phần mười cho ông, và Áp-ra-ham vĩ đại nhận được lời chúc phước từ ông. Vì có đủ bằng chứng tự thân rằng người kém hơn được chúc phước bởi người lớn hơn, Mên-chi-xê-đéc của Giê-ru-sa-lem, trong các mục đích cứu chuộc của Đức Chúa Trời, phải lớn hơn Áp-ra-ham ([HeDt 7:7](#)). Kết luận này được khẳng định tối hậu bởi sự kiện chức tế lễ của Chúa Giê-xu Christ được kể là thuộc dòng đời đời lấy hình bóng từ con người Mên-chi-xê-đéc chứ không phải từ dòng tạm thời của Lê-vi, dòng dõi của Áp-ra-ham ([7:14-16](#)).

Ngoài việc dâng một phần mười cho vị vua Giê-ru-sa-lem, Áp-ra-ham sau đó còn dâng một sinh tế đặc biệt tại địa bàn cai trị của vị vua này. Trên núi Mô-ri-a tại Giê-ru-sa-lem, Áp-ra-ham trói đứa con trai một yêu quý của mình trên bàn thờ ([SaSt 22:9-10](#)). Thật vui mừng vì vị tổ phụ được đòi hỏi dâng sinh tế này chỉ bằng tấm lòng mà thôi, vì Chúa giữ con dao lại và chính Ngài cung cấp một con chiên thay thế để dâng lên bàn thờ. Nhưng nơi này phải được ghi nhớ liên tục vì chính tại đây trên địa bàn núi Mô-ri-a ở Giê-ru-sa-lem, Đa-vít dâng tế lễ chuộc tội để ngăn lại cơn thịnh nộ phùng phùng của Đức Chúa Trời ([ISu1Sb 21:25-26](#)); tại đây Sa-lô-môn xây dựng đền thờ tráng lệ để các sinh tế liên tục được dâng lên Chúa trải qua nhiều thế kỷ ([IISu 2Sb 3:1](#)) và cuối cùng tại đây Chiên Con của Đức Chúa Trời là Đấng cất tội lỗi của thế gian đã dâng chính thân thể mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn để Ngài làm một sinh tế dâng lên một lần đủ cả vì tội lỗi của cả nhân loại ([HeDt 10:5](#)).

Hép-rôn [7]

: Để nghiên cứu thêm về Hép-rôn, xin xem thêm chương 8:

Khi Áp-ra-ham đi theo con đường tổ phụ rộng mở về phía nam hơn hai mươi dặm nữa (khoảng 35 km) về phía Tây Nam Giê-ru-sa-lem, ông sẽ đến được thị trấn Hép-rôn. Còn được biết đến dưới tên Mam-rê, Hép-rôn nằm trên đỉnh núi cao nhất (khoảng 1000 m) của vùng Palestine đích thực. Từ lợi điểm này, vị tổ phụ có thể nhìn thấy khe nứt Biển Chết ngang qua vùng sa mạc Giu-đê khô cằn ở hướng đông, và có thể nhìn sang hướng tây đến lãnh thổ Phi-li-tin phì nhiêu ven bờ Địa Trung Hải. Một con đường mòn đầy thách thức nhưng thường có người qua lại này từ các đỉnh núi của Hép-rôn nằm ở độ cao trên ba ngàn bộ (khoảng 1000 m) phía

trên mực nước biển dẫn xuống các dòng suối của Ên Ghê-đi nằm tận bên dưới trên bờ Biển Chết. Tại 1.300 bộ (gần -400 m) dưới mực nước biển, đây là trũng thấp nhất trái đất. Trong một khoảng cách khoảng hai mươi dặm, độ chênh lệch đã lên đến trên 4.500 bộ (1370m).

Sự khác biệt quyết liệt giữa hai vùng này, Hếp-rôn trên cao và thung lũng phì nhiêu chung quanh sông Giô-đanh, trở nên một điểm tranh chấp chính giữa Áp-ra-ham và người cháu Lót. Dù được Đức Chúa Trời hứa ban cho cả vùng đất, Áp-ra-ham rộng rãi cho người bà con trẻ tuổi, háo thắng của mình được quyền chọn trước bất cứ vùng đất nào ([SaSt 13:8-9](#)). Bị thúc đẩy bởi một động cơ không phải là tốt nhất, Lót chọn cho mình cánh đồng phì nhiêu của vùng Giô-đanh ([13:10-11](#)).

Nhưng sau khi Lót chia tay khỏi ông, chính Chúa hiện ra với Áp-ra-ham và tái bảo đảm với ông rằng đến cuối cùng toàn bộ vùng đất sẽ thuộc về ông và dòng dõi ông ([13:14-17](#)).

Với lời hứa tươi mới này trong tâm trí, Áp-ra-ham định cư tại Hếp-rôn với viễn cảnh thấy được từ đỉnh cao này như một lời nhắc nhở liên tục về lời hứa mở rộng của Chúa. Thật thích hợp, ở đây Áp-ra-ham cũng lập một bàn thờ cho Chúa nữa ([13:18](#)).

Sau nhiều năm lang thang như một người du mục, Áp-ra-ham quay trở về Hếp-rôn gần cuối cuộc đời mình. Tại đây người bạn đồng hành trung thành của ông là Sa-ra qua đời. Vào giây phút đau buồn này, vị tổ phụ cuối cùng có được quyền sở hữu trên một phần rất nhỏ của vùng đất trước đây đã được hứa cho mình. Ông trả giá với một chủ đất người Hê-tít về một lô đất có hang động để chôn Sa-ra ([23:17-20](#)).

Đến cuối cùng chính Áp-ra-ham, cùng với Y-sác, Rê-be-ca, và Lê-a đều được chôn tại đây. Nhiều năm sau đó, Giô-sép khóc than lại quay về chôn này được hộ tống bởi đoàn tùy tùng Ai Cập để chôn xác ướp của Gia-cốp cha mình ([50:12-13](#)).

Trung thành với lời hứa, Giô-sép tôn kính lời yêu cầu kiên định của cha rằng ông phải được chôn tại Đất Hứa Ca-na-an chứ không phải tại Ai Cập ([50:4-5](#)).

Nhưng điều đó có thể đem lại cho Gia-cốp sự khác biệt nào sau khi ông chết chứ?

Và tại sao những người con của Y-so-ra-ên, dù đi trong hồi hải, phải mang theo hài cốt của Giô-sép khi họ rời khỏi Ai Cập bốn trăm năm sau đó? Có phải chỉ vì những lý do tình cảm mà các tổ phụ đòi phải được chôn trong vùng đất này, Đất Hứa không? Chứng cứ của Kinh Thánh cho thấy rằng sự thử nghiệm đức tin đóng vai trò một trường học mà trong đó Chúa dạy họ phải trông đợi một điều gì đó nằm phía bên kia cuộc đời này. Áp-ra-ham, như thư Hê-bơ-rơ xác nhận. “chờ đợi một thành có nền vững chắc, mà Đức Chúa Trời đã xây cất và sáng lập” ([HeDt 11:10](#)).

Tiếng từ bụi gai nói với Mô-i-se rất lâu sau khi vị tổ phụ cuối cùng qua đời rằng.

“Ta là ” Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp ([XuXh 3:6](#)), chứ không phải “Ta đã là ” Đức Chúa Trời của họ. Nếu Ngài là Đức Chúa Trời của kẻ sống và không phải của kẻ chết, thì Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp vẫn tồn tại đâu đó, chờ đợi sự ứng nghiệm những lời hứa của Đức Chúa Trời mà họ chưa hề kinh nghiệm

được trong đời này ([Mat Mt 22:31-32](#)).

Vì vậy, được chôn tại Hép-rôn, một đỉnh cao để quan sát vùng Đất Hứa, cho thấy hi vọng của các tổ phụ về sự sống lại từ cõi chết. Một ngày nọ họ sẽ thức dậy từ mộ phần của mình và nhìn bằng đôi mắt mới lên vùng đất mà Chúa đã ban cho họ, một vùng đất đã mở rộng dưới giao ước mới lấy cả thế gian làm sản nghiệp ([RoRm 4:13](#)). Sự ứng nghiệm các lời hứa của một Đức Chúa Trời giữ lời giao ước sẽ vượt xa cả trí tưởng tượng hoang tưởng nhất của họ.

Khi dân Y-sơ-ra-ên bước đến vùng biên giới của Đất Hứa sau hơn bốn trăm năm kiêu ngạo tại Ai Cập, mười hai thám tử được chỉ định đi đến Hép-rôn, nơi họ nghe nói có những người khổng lồ trong nhân loại sống ở đó ([Dan Ds 13:21-22](#)). Họ thích thú lấy mẫu chùy nhỏ mang về trại quân làm bằng chứng về hoa lợi của vùng đất. Nhưng sự nghi ngờ của họ đã đánh bại họ, và bởi sự vô tín của mình mà họ bị kết án phải lang thang trong hoang mạc bốn mươi năm. Họ chưa hưởng được hoa lợi của vùng Hép-rôn màu mỡ.

Sau đó, dưới quyền lãnh đạo của Giô-suê, Hép-rôn bị quân đội Y-sơ-ra-ên đánh bại vì vua Hô-ram của Hép-rôn phạm sai lầm khi gia nhập liên minh miền nam của các vua Ca-na-an ([Gios Gs 10:1-27](#)). Cuối cùng, Ca-lép của chi phái Giu-đa được ban cho thị trấn này theo lời hứa Môi-se dành cho ông sau lời tường trình đầy đức tin của ông với tư cách là một trong mười hai người tiên phong đi do thám vùng đất ([14:6-15](#)).

Bê-e Sê-ba

Khi đi theo con đường tự nhiên mà Áp-ra-ham và các tổ phụ khác từng đi khi nếu du khách xuôi về hướng nam qua phần trung tâm của vùng đất, họ sẽ trước hết đến Si-chem như là điểm trung tâm của Sa-ma-ri ở phía bắc. Rồi sau khi vượt qua Bê-tên và Giê-ru-sa-lem, họ sẽ đến Hép-rôn như là trung tâm của Giu-đa ở phía nam. Cuối cùng họ sẽ đi xuống vùng Bê-e Sê-ba, nằm ở trung tâm vùng Nê-ghep trên con đường đi về Ai Cập. Một du khách quốc tế không có công việc gì trên vùng đất chính Palestine sẽ đi theo “con đường của biển” ven bờ Địa Trung Hải, hoặc có thể theo Đại Lộ Hoàng Gia dọc theo vùng cao nguyên phía bên kia sông Giô-đanh đi men theo rìa phía đông của sa mạc A-ra-bi. Nhưng người có công việc trong vùng đất này hẳn sẽ đi theo đúng con đường mòn mà các tổ phụ trong Kinh Thánh đã đi, với lộ trình dẫn họ đi qua những nơi này và cuối cùng đến Bê-e Sê-ba.

Bê-e Sê-ba nằm trên sườn phía bắc của sa mạc Si-na-i dọc theo đường chập chùng của vùng đồng cỏ thất thường dẫn vào vùng Si-na-i khô cằn tùy thuộc lượng mưa từng năm ở miền nam. Nhưng thị trấn này vẫn luôn ổn định chỉ vì nó không tùy thuộc vào mưa như nguồn cung cấp nước.

Hai tường thuật trong Kinh Thánh liên quan đến việc đặt tên cho thị trấn này, một tường thuật liên quan đến Áp-ra-ham và một liên quan đến Y-sác, con trai ông.

Trong cả hai trường hợp, A-bi-mê-léc, một vị vua trong vùng duyên hải Phi-li-tin, tìm cách thân thiện với các vị tổ phụ trong Kinh Thánh. Nhà cai trị Phi-li-tin được

ổn định và an toàn trong vùng đất của chính mình, nhưng ông quan sát thấy rằng ơn phước lớn hơn của Đức Chúa Trời ngự trên những kẻ lang thang không mảnh đất cắm dùi này. Mặc dù Áp-ra-ham có phần nản về việc các đầy tớ của A-bi-mê-léc cướp lấy một trong những cái giếng ông đã đào, ông là người lấy bảy con chiên sinh tể làm ấn chứng cho một giao ước hoà bình giữa chính ông và A-bi-mê-léc. Do hành động này, nơi này được gọi là Bê-e Sê-ba, nghĩa là “Giếng của lời thề” hoặc “giếng của bảy.” Ngay cả trong thời hiện đại người ta cũng đã xác nhận rằng bảy cái giếng này giúp phân định được địa bàn của thành phố này (Smith 1972, 193f.). Sau khi quốc vương Phi-li-tin từ giã, Áp-ra-ham trồng một cây me tại Bê-e Sê-ba, cho thấy ông ý thức chính mình đã đi một bước gần hơn đến quyền sở hữu thật sự các lời hứa ([SaSt 21:22-32](#)).

Những nét tương tự trong cuộc trao đổi giữa Áp-ra-ham và A-bi-mê-léc và biến cố tiếp theo liên quan đến Y-sác đã khiến một số người kết luận rằng những tác giả khác nhau hẳn phải báo cáo lại cùng một biến cố, dù lấy Y-sác thay thế cho Áp-ra-ham. Tính tình của Y-sác vốn thụ động mà rõ nét nhất là lòng vâng phục thậm chí sẵn sàng để cho người cha già trói mình vào bàn thờ sinh tể. Vì vậy không có gì đáng ngạc nhiên khi ông đề ra một lượng lớn thời gian đào lại chính những cái giếng cha mình đã đào trước đây. Ông cũng khẳng định một lời thề tương tự với A-bi-mê-léc tại Bê-e Sê-ba. Vì ông đã đặt tên cho các giếng ông đào lại với chính tên ban đầu do Áp-ra-ham cha ông đã đặt ([26:18](#)), nên ông cũng tái khẳng định tầm quan trọng của nơi được gọi là “Bê-e Sê-ba” này khi gia nhân của ông báo cáo lại rằng họ đã đào trúng mạch nước đúng vào ngày mà hiệp ước hoà bình được ký kết với A-bi-mê-léc ([26:32](#)).

Qua những thế kỷ tiếp theo đó, nơi định cư xa xôi này do Áp-ra-ham và dòng dõi ông thừa nhận đã đóng vai trò của cột mốc cực nam của vùng đất. Phạm vi vùng Đất Hứa được tính từ nhiều điểm khởi đầu ở phía bắc, nhưng luôn luôn “... đến Bê-e Sê-ba” ở miền nam. Vì vậy vương quốc nguyên thủy được tính từ “Đan đến Bê-e Sê-ba” ([Cac TI 20:1](#), [ISa1Sm 3:20](#), [IISa 2Sm 3:10](#), [17:11](#), [24:15](#), [IVua 1V 4:25](#), [IISu 2Sb 30:5](#)). Sau cuộc phân tranh kịch thước được rút gọn là “từ Ghê-ba đến Bê-e Sê-ba” ([IIVua 2V 23:8](#)). Tiếp theo chuyến hồi hương từ chốn lưu đày, đó là “từ Bê-e Sê-ba đến Trũng Hin-nôm” ([NeNe 11:27](#), [30](#)). Dù có nhiều thay đổi qua các thế kỷ, Bê-e Sê-ba vẫn cứ ổn định như là điểm đặt neo cho biên giới phía nam của vương quốc.

Nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu một ngày nào đó trong tương lai những cơn mưa ở Palestine chuyển hẳn về phía nam? Những lời tiên tri hàm ý gì khi tuyên bố rằng sa mạc sẽ đâm hoa kết nụ ([EsIs 35:1](#))? Lúc ấy biên giới của Đất Hứa sẽ đặt cái neo mới của nó ở đâu? Có thể nhận thức được rằng Bê-e Sê-ba sẽ được thay thế bằng một thành phố biên giới khác đóng ấn cho một nền hoà bình lâu bền hơn giữa nhân loại không?

Có lẽ những lời tuyên bố tiên tri về sự chuyển biến của sa mạc dự định để cho thấy

rằng những bờ cõi cổ xưa của Đất Hứa không rộng đủ để bao gồm những dự đoán của họ về tương lai. Có lẽ Đức Chúa Trời đã dự định tất cả để mở rộng vương quốc phước hạnh có biên giới hạn hẹp này vượt xa mọi điều các tổ phụ có thể tưởng tượng. Vì chẳng phải chính Chúa đã cho thấy từ đầu rằng từ một người là Áp-ra-ham mà mọi quốc gia trên thế giới sẽ được phước hay sao? Và sự trông mong của con dân Đức Chúa Trời không phải đến cuối cùng sẽ định hướng về một trời mới và đất mới, khi hình bóng của giao ước cũ về việc quay về vùng đất này được thay thế bởi lối vào một địa đàng được khôi phục sao? (Tham khảo [EsIs 2:2-4](#) và so sánh [MiMk 4:1-3](#)).

Phê-ni-ên

Thành phố cuối cùng đáng chú ý vì tầm quan trọng của chúng trong thời các tổ phụ là Phê-ni-ên. Nằm trên bờ rạch Gia-bốc ở vùng phía bên kia sông Giô-đanh, nơi này có vị trí nằm bên ngoài lối đi thông dụng được các tổ phụ đi theo. Nhưng đây là nơi Thiên Sứ của Chúa chọn để đổi đầu với Gia-cốp khi ông trở về Palestine với gia đình mình sau khi chạy trốn khỏi Ê-sau mười bốn năm trước đó. Chúa vật lộn với con người nhiều thủ đoạn này cho đến hùng đông, cho đến khi con người có tên (Gia-cốp) là “kẻ chiếm đoạt” này nhận được sự chúc phước từ Đức Chúa Trời. Như thế, vị tổ phụ được đổi tên từ “Gia-cốp” thành “Y-sơ-ra-ên”, nghĩa là “hoàng tử với Đức Chúa Trời”. Chỗ này được gọi là Phê-ni-ên, vì Gia-cốp đã thấy “mặt Đức Chúa Trời” ([SaSt 32:29-30](#)).

Nhưng dân chúng tại Phê-ni-ên gặp khó khăn trong việc sống đúng với vinh dự được gắn kết bởi sự xuất hiện của Đức Chúa Trời cho tổ phụ họ tại chốn này. Khoảng năm trăm năm sau, Ghi-đê-ôn và ba trăm người can đảm của ông đuổi theo tàn quân đông mười lăm ngàn người của quân đội Ma-đi-an. Khi họ đến thị trấn Phê-ni-ên, tất cả “dù mệt nhọc họ cũng cứ rượt theo quân thù” ([Cac Tl 8:4](#)). Tất cả điều họ yêu cầu là có đủ bánh bồi dưỡng để họ có thể tiếp tục truy sát những kẻ thù của Chúa. Nhưng dân chúng Phê-ni-ên đang chơi trò chính trị. Họ có bánh mì, họ thấy nhu cầu cần giúp đỡ những đồng bào Y-sơ-ra-ên của họ. Nhưng những dân Phê-ni-ên nghi ngờ đạo quân nhỏ bé của Ghi-đê-ôn. Họ tưởng tượng rằng đoàn quân Ma-đi-an sẽ quay trở lại để đàn áp họ nếu họ giúp đỡ đạo quân Y-sơ-ra-ên này. Vì vậy họ không chịu giúp đỡ.

Ghi-đê-ôn cảnh cáo họ về hậu quả sự hèn nhát của họ. Tháp Phê-ni-ên quý báu, có lẽ là một kỷ niệm về sự Chúa hiện ra cho Gia-cốp, sẽ bị phá hủy. Không có điều gì thiêng liêng hoặc trần tục có thể bảo vệ được họ khỏi sự phán xét công minh của Chúa.

Sau khi hoàn tất việc chặn đứng quân đội Ma-đi-an, Ghi-đê-ôn trở về thị trấn Phê-ni-ên. Ông làm như ông đã nói. Ông phá đổ ngọn tháp và xử tử những nhà lãnh đạo của thành. Dù được tôn trọng trong lịch sử của Y-sơ-ra-ên, địa điểm Phê-ni-ên không thể miễn trừ cho cư dân của nó trách nhiệm phục vụ Chúa cách liên tục và

trung tín được.

Các thị trấn và thành phố trong thời kỳ chinh phục và thời các quan xét (khoảng 1500 - 1000 TC)

Bảng niên đại của lịch sử Y-sơ-ra-ên trong thời kỳ chinh phục và thời Các Quan Xét (Thẩm Phán) đã được các học giả thảo luận nghiêm túc về một số các năm. Dù một trường hợp có thể có những lựa chọn khác nhau, bằng chứng Kinh Thánh dường như ủng hộ hai kết luận đưa ra sự hỗ trợ quan trọng để giải quyết nan đề niên đại của thời kỳ này. Trước hết, ghi chú niên đại trong [IVua 1V 6:1](#) ủng hộ một niên đại vào thế kỷ thứ mười lăm T.C. cho việc Xuất Ai Cập và một niên đại vào thế kỷ thứ mười bốn cho việc chinh phục Đất Hứa. Thứ hai, đối chiếu [Cac Tl 10:6-7](#) về sự đàn áp liên hợp mà Chúa dùng dân Am-môn và dân Phi-li-tin như được tiếp tục triển khai trong tường thuật của sách Các Quan Xét, mạnh mẽ đề xuất những chức vụ quan xét đồng thời trong Y-sơ-ra-ên. Hai kết luận này cung ứng một khung sườn để giải quyết hầu hết các nan đề có liên quan đến niên đại của thời kỳ Các Quan Xét. Sự thảo luận tiếp theo sẽ phát triển hai kết luận này đầy đủ hơn.

Những thành phố chính của cuộc chinh phục

Ba vị trí rất đáng được chú ý như là những nơi có tầm quan trọng đặc biệt trong suốt thời kỳ chinh phục vùng đất của dân Y-sơ-ra-ên. Giê-ri-cô, Giê-ru-sa-lem, và Hát-so. Ba thành phố này đóng vai trò trung tâm ở ba giai đoạn chính trong các chiến dịch của Giô-suê.

GIÊ-RI-CÔ [8]

Để nghiên cứu thêm về Giê-ri-cô, xem thêm chương 9:

Được nhìn nhận như là thành phố cổ nhất thế giới được biết đến, Giê-ri-cô có một lịch sử lâu đời từ những năm 8000 T.C. Những viên đá tại Giê-ri-cô minh chứng cho sự tồn tại của một thành phố có tường thành rộng bảy đến tám mẫu (khoảng 2,8 -3,2 hectares) vào năm 7000 T.C. Nằm ở tám trăm bộ (243 m) dưới mực nước biển trên rìa phía tây của thung lũng Giô-đanh, thành phố rất kiên cố này canh giữ lối chính đi vào vùng trung tâm Palestine từ phía đông. Được gọi là “thành phố của những cây chà là”, Giê-ri-cô được đặt trong một thung lũng xanh tươi, tương phản rõ nét với vùng sa mạc Giu-đê khô cằn trải dài dọc theo lối đi khó khăn lên Giê-ru-sa-lem ở phía tây.

Bởi vị trí chiến lược của nó, Giê-ri-cô không thể bị bỏ qua bởi những dân tộc tiến vào xứ Palestine từ phía đông. Hoặc là pháo đài này phải được chinh phục, hoặc là những kẻ xâm lược phải trông đợi sự quấy nhiễu liên tục bởi các lực lượng nội kích xuất phát từ những bức tường thành của nó ngày và đêm. Giô-suê và dân Y-sơ-ra-ên phải tìm cách vô hiệu hoá mối đe dọa ẩn tàng về những cuộc chiến gay gắt với Giê-ri-cô này khi họ tiến vào vùng đất.

Phương cách Đức Chúa Trời đối xử với Giê-ri-cô không phải là cách của con người. Vì vậy không có gì đáng phải ngạc nhiên khi những học giả hiện đại xếp

bản tường thuật này của Kinh Thánh vào lãnh vực văn chương hư cấu đầy kịch tính. Một tác giả đáng kính đã tuyên bố. “ Truyền thống Kinh Thánh chỉ nói bằng những từ ngữ truyền thuyết về cuộc chinh phục Giê-ri-cô... “ (Aharoni 1967, 192). Nhưng bản tường thuật của Kinh Thánh được đưa ra dưới dạng miêu tả thẳng thắn về một tiến trình chinh phục tương ứng với nguyên tắc sa-bát liên quan đến việc khôi phục vùng đất đã mất. Sau sáu ngày diễu hành chung quanh thành phố, quân đội Y-sơ-ra-ên thực hiện đường đi đó bảy lần vào ngày thứ bảy. Rồi sau đó đáp ứng với tiếng kèn của các thầy tế lễ, Đức Chúa Trời ban cho họ vùng đất đã bị từ chối cho họ hơn bốn trăm năm trước (Giô-suê 6:1-21; cf. Lê-vi ký 25:8-13;). Món quà ân điển này về vùng đất được Đức Chúa Trời ban cho con dân Ngài bằng một phương cách thích hợp với các nguyên tắc ngày sa-bát gắn liền với sự tể trị của Đức Chúa Trời trên thế giới kể từ cuộc Sáng Tạo.

Bằng chứng khảo cổ sớm hơn đã được đọc theo cách khẳng định chứng cứ của Kinh Thánh liên quan đến việc tính niên đại cho cuộc chinh phục của dân Y-sơ-ra-ên. Những đồ trang sức hình bọ hung được phát hiện tại Giê-ri-cô có niên đại đến thời Amenhotep III của Ai Cập, là người trị vì một mình cho đến khoảng 1385 T.C. khi con trai ông - Akhenaton dị giáo - trở nên đồng nhiếp chính. Do thiếu vắng tại Giê-ri-cô các đồ trang sức hình bọ hung hoặc đồ gốm của kỷ nguyên mới này, một niên đại cho việc tàn phá thành phố được thiết lập phù hợp với niên đại Kinh Thánh trong [IVua 1V 6:1](#) (Gartang 1948, 135; cf. Pfeiffer 1966,308). Tuy nhiên, những cuộc điều tra các tàn tích của Giê-ri-cô sau này đã giải thích bằng chứng này theo một cách nhập nhằng hơn. Dù vậy ngay cả những lời giải thích này đã đặt niên đại cho sự chiếm đóng trễ nhất thành Giê-ri-cô trong kỷ nguyên này “vào một phần tư thứ ba của thế kỷ thứ mười bốn T.C.,” tức là rơi vào khoảng giữa 1350 và 1325 T.C., chỉ có hai mươi đến năm mươi năm trễ hơn niên đại hợp với Kinh Thánh nhất (cf. Kenyon 1957, 262). Trong bất cứ trường hợp nào, sự giải thích trễ hơn này các vật liệu phát hiện tại Giê-ri-cô không ủng hộ cho niên đại được các nhà phê bình ưa thích là cuộc Xuất Ai Cập nằm vào thế kỷ mười ba T.C. Một sự thảo luận mới đây hơn về các dữ kiện đã chỉ đến một niên đại khoảng 1430 T.C. cho sự sụp đổ của Giê-ri-cô (xem Bimson 1978, 144). Cuối cùng thì bản tường trình của Kinh Thánh về cuộc chinh phục Giê-ri-cô vẫn tiếp tục tỏ ra đáng tin cậy khi nói về việc con dân Đức Chúa Trời tiến vào Đất Hứa, và những ghi chú niên đại ngăn ngại của nó đứng vững như một chứng cứ cho thực tại lịch sử của những sự kiện này. [9]

Niên đại cho sự sụp đổ của Giê-ri-cô được hỗ trợ trong bài báo của Bryant Wood: “Dân Y-sơ-ra-ên có chinh phục Giê-ri-cô không?”, Tạp chí Khảo cổ học Thánh Kinh 16:2 (1990):14-58: Dựa trên một sự tái đánh giá về những báo cáo khai quật ban đầu phân tích đồ gốm, địa tầng học, dữ kiện đồ trang sức hình bọ hung, và thử nghiệm carbon 14, Wood kết luận rằng Giê-ri-cô bị phá huỷ vào cuối thời đại đồ

đồng muện, khoảng 1400T:C:
GIÊ-RU-SA-LEM [10]

Nghiên cứu thêm về Giê-ru-sa-lem, xin xem các chương 6, 8, 9:

Khó có thể có một thời kỳ nào tồn tại trong lịch sử Kinh Thánh mà Giê-ru-sa-lem không đóng một vai trò nổi bật. Thời kỳ chinh phục không phải là ngoại lệ, mặc dù thành phố được định làm nơi Đức Chúa Trời lựa chọn trên đất bây giờ được nổi trội vì nó cung ứng một nhà lãnh đạo giữa các kẻ thù của Đức Chúa Trời. Vị vua của thành quốc nổi tiếng này trong thời Giô-suê được nhận diện là A-đô-ni Xê-đéc. Tên của ông ta có nghĩa là “Chúa tôi là công chính,” thật sự đồng nghĩa với tên Mên-chi-xê-đéc, tên của vị vua Giê-ru-sa-lem vào thời Áp-ra-ham. Có thể nào hai vị vua của cùng thành phố này lại có cùng tên và có liên hệ với nhau ở một mức độ nào đó không? Có thể nào chỉ có một triều đại đã cai trị trên Giê-ru-sa-lem suốt năm trăm năm phân cách Áp-ra-ham và Giô-suê không? Thật khó quyết định câu trả lời cho câu hỏi này. Nhưng thật rõ ràng đặc điểm công chính được tìm thấy trong Mên-chi-xê-đéc không được phản ánh trong con người A-đô-ni Xê-đéc. Khi những nhà lãnh đạo của thành phố Ga-ba-ôn lân cận tình nguyện đầu hàng Y-sơ-ra-ên, A-đô-ni Xê-đéc khởi xướng việc triệu tập nhiều vị vua Ca-na-an nổi bật của miền nam Palestine gia nhập vào liên minh của ông để trừng phạt dân Ga-ba-ôn nhằm làm cho các thành khác run sợ không dám nghĩ đến việc ký hoà ước với Giô-suê và quân đội ông ([Gios Gs 10:1-5](#)).

Hành động này của vị vua Giê-ru-sa-lem thúc đẩy một trong những giây phút hào hứng nhất trong lịch sử Kinh Thánh. Giô-suê và quân đội ông tiến lên suốt đêm từ Giê-ri-cô để chặn đứng liên minh năm vua tiến đánh Ga-ba-ôn, đồng minh mới nhất của họ. Họ đuổi theo kẻ thù đông đảo dọc theo con đường dốc dẫn đến Bết Hô-rôn, mười dặm (khoảng 16 km) phía tây bắc Giê-ru-sa-lem. Khi họ bắt đầu đi xuống thung lũng A-gia-lôn, Giô-suê thấy rằng những giờ ban ngày sẽ qua đi trước khi ông có thể kết thúc chiến dịch này. Vì vậy ông cầu xin Chúa khiến mặt trời đứng yên, cho ông thêm thời gian để đuổi theo quân thù. Vào ngày này, Chúa lắng nghe tiếng của một con người mà trước đây chưa từng có và sau này cũng không hề có. Tạm thời nhốt năm vua Ca-na-an trong một hang đá, sau đó ông trở lại với quân đội mình và hành hình họ như một gương mẫu về cách thức Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt mọi kẻ thù của con dân Ngài. Rồi Giô-suê tiến lên đánh chiếm hoàn toàn các thành phố Ca-na-an ở miền nam, theo một đường hình cung xuyên qua Ma-kê-đa, Líp-na, La-ki, Éc-lôn, Hép-rôn và Đê-bia. Cuộc xung đột do vua Giê-ru-sa-lem khởi xướng đã làm suy yếu năng lực quân sự của những thành phố này đến nỗi họ kháng cự yếu ớt trước các cuộc tấn công của quân đội Giô-suê. Vì vậy đến cuối cùng, liên minh của các kẻ thù của Chúa chỉ giúp làm thẳng tiến các mục đích của Chúa trong việc ban vùng đất này cho con dân Ngài ([10:6-43](#)).

HÁT-SO

Vua Hát-so ở miền bắc phục vụ cho các mục đích của Chúa theo một cách tương tự với vua Giê-ru-sa-lem ở miền nam. Nghe tin cuộc chinh phục Giê-ru-sa-lem cùng với các đồng minh của nó, Gia-bin, vua Hát-so, tập hợp một lực lượng đông đảo tại vùng nước Mê-rôm để chiến đấu chống lại dân Y-sơ-ra-ên. Nhưng Giô-suê không phải là một người nhút nhát trước các lực lượng có ưu thế hơn. Ông đã nhìn thấy Đức Chúa Trời chiến cự cho mình, và ông sẵn sàng tấn công chống lại lực lượng liên minh mới này. Chúa hiện ra cho ông và bảo ông rằng ông cũng sẽ chiến thắng kẻ thù mới này nữa. Vì vậy, toàn bộ quân đội của Giô-suê tiến đánh địch thủ cách bất ngờ và đánh bại toàn bộ khối quân sự đồ sộ này ([11:1-20](#)).

Hát-so được các nhà khảo cổ học xác định là nằm trên một trong các ngọn đồi đồ sộ nhất được tìm thấy bất cứ nơi nào tại Palestine. Nằm về phía bắc Biên Ga-li-lê mười lăm đến hai mươi lăm cây số, ngọn núi này đạt độ cao khoảng 130 bộ (khoảng 40 m), cho thấy biết bao nhiêu nền văn minh từng hưng vong trên địa điểm này. Nó bao phủ một diện tích khoảng hai mươi lăm mẫu Anh (khoảng 10 ha), trong khi phần thấp hơn của thành phố có thêm một diện tích khoảng 175 mẫu Anh (70 ha) (cf. Pfeiffer 1966, 284; Aharoni 1967, 206). Đỉnh cao dân số của Hát-so đã được ước lượng khoảng bốn mươi ngàn người, một cộng đồng rất lớn vào kỷ nguyên đó. Kinh Thánh cho thấy rằng Giô-suê chỉ đốt Hát-so trong số các thành phố của miền bắc ([11:11](#), [13](#)). Điều này thật thích hợp vì vua của nó chính là người khởi xướng liên minh lực lượng chống lại Y-sơ-ra-ên. Tuy nhiên, vào thời Các Quan Xét, thành phố này rõ ràng đã được tái thiết, vì về sau họ đã đô hộ Y-sơ-ra-ên vào thời Đê-bô-ra ([Cac TI 4:2](#)). Quân đội của vị vua Gia-bin thứ hai này “trị vì tại Hát-so” bị đánh bật bởi Y-sơ-ra-ên, và cuối cùng chính vị vua này bị tiêu diệt ([4:23-24](#)).

Giô-suê đánh trận để giành lấy toàn vùng trong khoảng bảy năm. Nhưng ba chiến dịch chính yếu này chống lại các thành phố hàng đầu của Ca-na-an thể hiện những cú đột phá chủ yếu của cuộc chinh phục. Vào cuối đời ông người ta có thể nói rằng Giô-suê đã chiếm lấy toàn bộ vùng đất, mặc dù nhiều cụm dân cư Ca-na-an vẫn còn kháng cự trong vùng (cf. [Gios Gs 11:23](#)).

Phạm vi cai trị của các quan xét Y-sơ-ra-ên

Các Quan Xét cai trị Y-sơ-ra-ên từ Giô-suê cho đến Sau-lơ xuất thân từ một số địa bàn khác nhau trong xứ. Phần lớn trong họ rõ ràng chỉ có trách nhiệm trong khu vực mình mà thôi. Trong số những người nổi bật nhất có.

— Ôt-ni-ên của Giu-đa, con rể của Ca-lép, người chiếm lấy Đẹt-bia ở miền nam ([Cac TI 1:13](#)).

— Ê-hút người Bên-gia-min, người giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi Éc-lôn, vua Mô-áp ([3:15](#), [30](#)).

— Ghê-đê-ôn người Ma-na-se, người giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi Ma-đi-an ([6:14-15](#)).

— Thô-la người Y-sa-ca, người xây nhà mình trong vùng đồi núi Ép-ra-im ([10:1-](#)

2).

Đáng chú ý nhất là bản tường thuật về hai vị quan xét hoạt động đồng thời nhưng độc lập với nhau ở hai miền khác nhau của xứ là Giép-thê ở Ga-la-át và Sam-sôn của xứ Đan. Sách Các Quan Xét đặt bối cảnh cho công tác của họ bằng cách chỉ định rằng bởi vì tội lỗi của Y-sơ-ra-ên nên Chúa “phó chúng nó vào tay dân Phi-li-tin và vào tay người Am-môn” (10:7). Rồi bản tường thuật mới kể lại chi tiết việc giải cứu Y-sơ-ra-ên, trước hết khỏi tay người Am-môn bởi Giép-thê tại Ga-la-át (11:1-12:15), và rồi khỏi tay người Phi-li-tin bởi Sam-sôn dọc theo vùng đồng bằng Địa Trung Hải (13:1-16:31). Vì Ga-la-át có vị trí ở miền đông bắc tại vùng bên kia sông Giô-đanh trong khi xứ Phi-li-tin có vị trí ở miền tây nam trên đường đến Ai Cập, thật hoàn toàn hợp lý để giả định rằng những chức vụ quan xét này diễn ra đồng thời. Tuy vậy những sự phân biệt nhất định có thể được chỉ định về hai miền này và những sự giải cứu được hoàn tất bởi từng vị quan xét nói trên.

GA-LA-ÁT

Ga-la-át đã được nổi danh trải qua nhiều thế kỷ vì những đồng cỏ đẹp đẽ, nhũ hương ly kỳ của nó, và sự an ninh nó đem lại cho bất cứ số lượng dân nào chạy trốn khỏi kẻ thù nghịch. Giô-sép bị bán cho một đoàn con buôn Ích-ma-ên đến từ Ga-la-át, có lạc đà “chở đầy thuốc thơm, nhũ hương và một dực” (SaSt 37:25). “Nhũ hương của Ga-la-át” cũng được đề cập trong những phân đoạn khác của Kinh Thánh (cf. [Gie Gr 8:22](#), [46:11](#), [Exe Ed 27:17](#)). Cao nguyên này ở bên kia sông Giô-đanh phục vụ như một nơi ẩn náu cho gia đình Sau-lơ sau những sự kiện bi thảm tại núi Ghinh-bô-a, cho Đa-vít khi ông chạy trốn khỏi Áp-sa-lôm con trai mình, và cho những người còn sống sót sau cuộc phá hủy Giê-ru-sa-lem vào thế kỷ thứ nhất S.C. ([IISa 2Sm 2:8](#), [17:21-22](#) cf. Baly 1957,228,229). Những người dân Gia-be tại Ga-la-át bày tỏ lòng trung thành sâu xa đối với Sau-lơ khi ông giải cứu họ khỏi mối đe dọa của người Am-môn bằng cách băng ngang sông Giô-đanh và lấy thi thể của Sau-lơ về từ các tường thành Bết-san để cho vị vua bị giết có thể có được một nơi yên nghỉ xứng đáng ([ISa1Sm 31:11-13](#)).

VÙNG PENTAPOLIS PHI-LI-TIN

Người Phi-li-tin là dân miền biển, từ đảo Crete đến định cư dọc theo bờ biển Cana-an vào khoảng thế kỷ 13,14 TC. Họ đã xây dựng năm thành quốc (city-states) nằm trong đồng bằng duyên hải miền nam Palestine là Ga-xa, Gát, Ách-kê-lôn, Ách-đốt và Éc-rôn. Chúng thường được nhắc đến như là “vùng Pentapolis Phi-li-tin” (Ngũ vệ thành Phi-li-tin). Một phần trong sản nghiệp ban đầu của chi phái Đan nằm trong khu vực này. Điều đó có nghĩa là chi phái nhỏ bé này ít khi có hoà bình. Sống quá gần với những kẻ thù không đội trời chung có nghĩa là chi phái này phải liên tục đương đầu với các áp lực đòi phải thoả hiệp. Vì vậy không ngạc nhiên gì khi thấy Sam-sôn của chi phái Đan lang thang một vài trăm mét xuống thung lũng Sô-rét tới Thim-na là nơi ông thấy một cô gái Phi-li-tin và muốn cưới làm vợ.

Thoạt tiên mẹ ông lớn tiếng phản đối, nhưng cuối cùng bà cũng đồng ý tác hợp cho

họ. Nhưng vài tháng sau đám cưới, khi Sam-sôn quay lại với vợ mình, ông phát hiện rằng cô ấy đã được người Phi-li-tin gả cho một người khác. Cuối cùng cuộc chiến đấu giữa Sam-sôn và những kẻ hàng xóm Phi-li-tin đã dẫn đến cái chết của chính ông cùng với một số lớn quý tộc Phi-li-tin ([14:1-16:31](#)).

Hầu như mọi phần khác nhau của Đất Hứa đều có “quan xét” cũng là người giải phóng cho họ vào lúc này hoặc lúc khác. Chúa nhân từ không làm ngơ trước các nhu cầu của bất cứ con dân nào của Ngài, mặc dù tội lỗi họ là nguyên nhân chủ yếu đem đến thảm họa cho họ.

Các thị trấn và thành phố trong thời vương quốc thống nhất và phân chia (khoảng 1000 - 500 TC)

Thời kỳ Các Quan Xét được đặc trưng hoá như một kỷ nguyên hỗn loạn bởi vì “trong lúc đó không có vua nơi Y-sơ-ra-ên, mọi người cứ làm theo ý mình tưởng là phải” ([17:6](#), và [18:1](#), [19:1](#), [21:25](#)). Thời đại này trong lịch sử Y-sơ-ra-ên nhấn mạnh đến nhu cầu có một vua cho quốc gia, mặc dù về nguyên tắc chính Đức Chúa Trời là nhà cai trị của họ.

Khi Y-sơ-ra-ên bước vào kỷ nguyên vương quyền, một số thành phố nhất định trở nên nổi bật. Quan trọng nhất là Ghi-bê-a, Hêp-rôn, Giê-ru-sa-lem, Sa-ma-ri, Gít-rê-ên, Mê-ghi-đô, và La-ki.

Trong mỗi trường hợp, vị trí địa lý của những thành phố này có một ảnh hưởng chính yếu trên vai trò của chúng trong nền quân chủ Y-sơ-ra-ên. Một số trong những nơi này có liên hệ với những thời kỳ đáng khích lệ về sự thăng tiến vương quốc Đức Chúa Trời trên đất. Những thành phố khác gợi lại những giây phút suy vong đáng buồn trong sự trị vì công bình của Chúa. Đồng thời, những kinh nghiệm của Y-sơ-ra-ên dưới chế độ quân chủ chỉ cho thấy có một nhu cầu về một Đấng lớn hơn Đa-vít hoặc bất cứ người nào trong dòng dõi ông. Vị vua được Chúa lựa chọn phải được lấy ra từ giữa anh em người để người sẽ được chấp nhận như là có thể đến gần tất cả họ. Nhưng người cũng sẽ cần những thuộc tính của sự hoàn hảo thiên thượng và quyền năng cần thiết để làm thăng tiến vương quốc của ân điển giữa vòng một dòng dõi sa ngã và liên tục phạm tội.

Ghi-bê-a [11]

Thành phố Thời Đại Đồ Sắt Đầu Ghi-bê-a được thành lập vào thế kỷ thứ mười hai T:C. Các nhà khảo cổ học đã phát hiện một sự tàn phá diện rộng cho thành phố này có niên đại khoảng 1100 T:C. Sự tàn phá Ghi-bê-a bởi dân Y-sơ-ra-ên như được mô tả trong Các Quan Xét 19-20 có thể lấy bằng chứng từ những tàn tích này: Thành phố này dường như đã được xây dựng lại một thời gian ngắn sau khi phá huỷ, tạo ra một pháo đài hình chữ nhật với các bức tường dày và những tháp góc kiên cố. Các công trình gồm sứ được khai quật định niên đại cho phức hợp này vào thời Sau-lơ. Một lớp tro dày khác tại cùng địa điểm này có thể được nhận dạng với cuộc chinh phục của Nê-bu-cat-nết-sa vào 587-86 T:C.

Nằm cách Giê-ru-sa-lem một khoảng ngắn về phía bắc, thị trấn Ghi-bê-a thuộc vùng lãnh thổ của chi phái Bên-gia-min. Bản tường thuật về lịch sử chán ngấy của nó bắt đầu vào thời Các Quan Xét, khi một người Lê-vi lang thang trên đường trở về nhà sau khi đã tìm được người thiếp bỏ nhà ra đi của mình. Đầy tớ của người Lê-vi này giục ông ở lại Giê-ru-sa-lem trước cảnh bóng tối cứ xuống dần. Nhưng người này cứ đòi phải về đến Ghi-bê-a vì nó được chiếm giữ bởi những đồng bào Y-sơ-ra-ên của ông, trong khi Giê-ru-sa-lem vào lúc này còn nằm trong tay những người Ca-na-an ngoại giáo. Ngược lại với luật hiếu khách ở Y-sơ-ra-ên đòi hỏi phải cung cấp chỗ ở cho một khách lạ, không ai trong thành phố Ghi-bê-a này đưa ra một lời mời người anh em lang thang này vào trú qua đêm. Một ông già vốn là người ngụ cư ở đây làm trọn bổn phận này. Nhưng trong đêm, những người đàn ông của thành phố Bên-gia-min này đòi hỏi ông già đó phải đưa người khách của ông ra cho họ được “biết”, nghĩa là nói đến hành động có tính chất tình dục méo mó. Đáp lại, hai người bên trong đưa ra người thiếp của người Lê-vi; cô đã bị lạm dụng suốt đêm đến nỗi cô nằm chết ngay tại cửa nhà họ vào sáng hôm sau. Trong một nỗ lực giải quyết tình huống gớm ghiếc này, tất cả các chi phái Y-sơ-ra-ên tập hợp lại để thực thi sự công lý trên các cư dân của thành phố. Nhưng chi phái Bên-gia-min cương quyết can thiệp để bảo vệ những anh em của họ tại Ghi-bê-a. Sau nhiều trận chiến nối tiếp nhau, nhiều người Y-sơ-ra-ên từ các chi phái khác nhau bị chết. Chỉ có sáu trăm người đàn ông trong toàn bộ chi phái Bên-gia-min còn sống sót. Cả quốc gia nản lòng bởi ý nghĩ về một chi phái trong Y-sơ-ra-ên bị xoá sổ. Vì một số phụ nữ còn sống sót qua vụ trừng phạt trên Gia-be Ga-la-át vì không chịu ủng hộ hoạt động quân sự chống lại Ghi-bê-a, những phụ nữ này được ban cho làm vợ những người Bên-gia-min còn lại. Nhưng chưa hết, một số người Bên-gia-min còn lại vẫn không tìm được vợ. Vì vậy những người Y-sơ-ra-ên “làm ngo” trong khi những người độc thân Bên-gia-min cướp lấy những cô dâu cho mình từ các chi phái khác của Y-sơ-ra-ên tại một lễ hội tôn giáo đặc biệt. Thật thích hợp, tác giả sách Các Quan Xét kết luận câu chuyện điên cuồng này của loài người bằng cách nói rằng trong những ngày ấy không có vua nơi Y-sơ-ra-ên, và do

đó mọi người làm theo điều mình cho là đúng theo mắt mình ([19:1-21:25](#)).

Ân điển của Đức Chúa Trời hiển nhiên làm sao khi một vài năm sau đó vị vua đầu tiên của Y-sơ-ra-ên lại xuất thân từ chi phái Bên-gia-min và thị trấn Ghi-bê-a. Sau khi được Sa-mu-ên xúc dầu làm nhà quân chủ đầu tiên của Y-sơ-ra-ên, Sau-lơ trở về quê nhà tại Ghi-bê-a để cai trị các chi phái của Y-sơ-ra-ên. Hành động anh hùng đầu tiên của ông là giải cứu các cư dân tại Gia-be Ga-la-át khỏi mối đe dọa bạo tàn của những người hàng xóm Am-môn ở vùng bên kia sông Giô-đanh ([ISa1Sm 11:1-11](#)).

Cũng thật đáng chú ý rằng vị giáo sĩ Cơ Đốc vĩ đại nhất từng sống cũng xuất thân từ những người sống sót ít ỏi này của chi phái Bên-gia-min. Phao-lô, vị sứ đồ cho Dân Ngoại, nhận mình là người Hê-bơ-rơ con của người Hê-bơ-rơ, dòng dõi của chi phái Bên-gia-min ([Phi Pl 3:5](#)). Sự hỗn loạn tạo ra bởi những hành động tội tệ nhất của con người đến cuối cùng cũng trở thành hữu ích cho các mục đích ân điển cao cả nhất của Đức Chúa Trời.

Ngày nay ngọn núi Ghi-bê-a cổ xưa đứng ngay phía bắc của thành phố Giê-ru-sa-lem. Trên đỉnh núi là cái khung trơ trọi của một kiến trúc hiện đại không bao giờ được hoàn tất. Vị vua của quốc gia Jordan hiện đại từng có lần bắt đầu xây dựng một lâu đài trên đỉnh núi Ghi-bê-a. Nhưng chiến tranh làm gián đoạn kế hoạch của ông, và dự án chẳng bao giờ được hoàn tất.

Hêp-rôn [12]

Để có thêm bối cảnh về Hêp-rôn, xin xem chương 6:

Vì Hêp-rôn là nơi duy nhất tại Đất Hứa mà Áp-ra-ham có sở hữu một ít bất động sản, nên không có gì đáng ngạc nhiên khi Đa-vít lấy Hêp-rôn làm kinh đô thứ nhất cho vương triều của ông. Nằm trên vùng lãnh thổ Giu-đa dọc theo con đường của các tổ phụ, Hêp-rôn có lợi thế tự nhiên của một ngàn năm được vinh dự quốc gia. Ở đây Áp-ra-ham đã chôn Sa-ra, và ở đây Y-sác và Ích-ma-ên đã chôn cất cha mình là Áp-ra-ham.

Khi Sau-lơ và Giô-na-than con trai người mất mạng trong trận chiến đấu với người Phi-li-tin tại núi Ghinh-bô-a, Đa-vít nhất cử nhất động đều phải cực kỳ cẩn trọng. Ông cầu hỏi Chúa ông có nên từ bỏ chỗ ở của mình tại vùng Nê-ghep và tái định cư trong một trong những thành của Giu-đa không. Chúa hướng dẫn ông đến Hêp-rôn, là nơi ông định cư với gia đình mình và những bầy tôi trung thành của mình ([IISa 2Sm 2:1-3](#)). Bấy giờ đã đến lúc Đa-vít phải được công nhận là vua trên Y-sơ-ra-ên. Nhưng khởi đầu chỉ có chi phái của chính Đa-vít, chi phái Giu-đa, mới thừa nhận ông là vị vua được xúc dầu hợp pháp từ nơi Chúa. Vì vậy trong bảy năm rưỡi, Đa-vít cai trị Giu-đa tại Hêp-rôn, tranh đấu suốt thời kỳ này với một quốc gia phân tranh ([2:4](#), [5:5](#)). Từ Hêp-rôn ông tiến hành chiến tranh với Áp-ne là người ủng hộ Ích-bô-sét, con trai của Sau-lơ, nối ngôi vua. Vì vậy Hêp-rôn tiếp tục đóng một vai trò nổi bật trong những ngày đầu của vương triều này tại Y-sơ-ra-ên cho

đến khi toàn thể quốc gia sẵn sàng thừa nhận Đa-vít như là vị vua được Chúa chọn và xức dầu.

Thật đáng buồn mà nói, thành phố này về sau lại trở thành vùng đất dằn dặng cho Áp-sa-lôm, người con trai nổi loạn đầy tham vọng của Đa-vít. Áp-sa-lôm đã được sinh ra tại Hêp-rôn, và vì thế nó trở thành một nơi tự nhiên để ông tự nhận quyền lãnh đạo tương tranh của mình. Sau khi đã dẫn dụ lòng của dân chúng lia xa Đa-vít trong thời gian bốn năm, con người tham vọng trẻ tuổi này bí mật sai sứ giả đến đồng bào mình khắp nước mời đến gặp ông tại Hêp-rôn. Tại đó ông tự tuyên bố mình là vua thế cho Đa-vít, và từ đó ông tiến quân về thành phố thủ đô Giê-ru-sa-lem đang bỏ ngõ ([15:1-12](#)).

Từ điểm này trở đi, Hêp-rôn đóng một vai trò nhỏ trong lịch sử dân tộc. Không có chỗ nào trong Tân Ước nhắc đến nó như là một chỗ Đấng Christ hoặc môn đồ của Ngài thi hành chức vụ. Dường như sự tủi nhục vì có liên hệ với cuộc nổi loạn của Áp-sa-lôm đã phủ bóng mờ lên thành phố một thời huy hoàng này. Dù sao, trước khi nhường chỗ cho Giê-ru-sa-lem, Hêp-rôn cũng đã là thủ đô cho thời kỳ mở màn cho triều đại Đa-vít.

Giê-ru-sa-lem [13]

Để nghiên cứu thêm về Giê-ru-sa-lem, xin xem các chương 6, 7, 9:

Du lịch vùng đất được Đức Chúa Trời chỉ định từ Đan cho đến Bê-e Sê-ba người ta không thể tìm thấy nơi nào có thể sánh với Giê-ru-sa-lem. Những địa bàn khác cũng có thể là những những ứng viên hợp lý hơn để được chọn làm thủ đô cho một vương quốc thống nhất. Si-chem, Si-lô, hoặc Ghi-bê-a đều có thể đưa ra những lợi thế của vinh dự xa xưa cũng như vị trí chiến lược của mình. Nhưng Đa-vít chọn Giê-ru-sa-lem, một thành phố thậm chí chưa được coi là lãnh thổ Y-sơ-ra-ên vào thời đó.

Dù được chiếm lấy bởi người Y-sơ-ra-ên khỏi tay dân Ca-na-an vào thời Các Quan Xét ([Cac TI 1:8](#)), địa điểm này lại tiếp tục rơi vào tay quân thù. Bốn trăm năm sau cuộc chinh phục và phân chia đất đai dưới quyền Giô-suê, Giê-ru-sa-lem vẫn cứ nằm dưới sự kiểm soát của người Giê-bu-sít. Đa-vít hẳn phải tìm ra những lý do chính đáng để biến nơi này thành thủ đô của chính mình.

Và có đủ lý do chính đáng. Ngay cả việc thành phố này không nằm dưới quyền kiểm soát của Y-sơ-ra-ên có thể được coi như một lý do tích cực để Đa-vít chọn nó làm thủ đô tương lai. Vì như thời gian đã chứng minh, nơi này sẽ được nổi tiếng

suốt thiên niên kỷ với tên “Thành Đa-vít”. Nếu nó không do Đa-vít chiếm lấy, hẳn nó đã không mang tên ông.

Vị trí địa lý của Giê-ru-sa-lem cũng ủng hộ việc lựa chọn nó làm thành phố thủ đô thống nhất. Du khách có thể ngạc nhiên khi nhìn thành phố lần đầu, vì vị trí của thành phố nguyên thủy của Đa-vít rõ ràng là không cao hơn các đỉnh núi lân cận. Thật vậy, địa điểm này hoàn toàn bị bao quanh bởi những ngọn núi cao hơn. Ngọn đồi của Đa-vít có thể được mô tả như một miếng bánh lẻ loi còn sót lại trong một cái chảo chiên tròn.

Tuy vậy, điều kiện có vẻ như thấp thỏi này lại làm cho vị trí này thêm nổi bật. Như một hí trường hình móng ngựa khiến cho mọi mắt đổ dồn vào vở kịch diễn ra bên dưới thê nào, những ngọn núi bao quanh Giê-ru-sa-lem cũng cung ứng một vị thế độc đáo để con người chiêm ngưỡng vẻ huy hoàng của nó. Giê-ru-sa-lem có một cấu trúc địa lý độc đáo của riêng mình.

Những thung lũng hình chữ V xác định dãy núi gọi là thành Đa-vít này được tạo thành bởi các mặt nghiêng dốc. Với một bức tường phòng thủ vững chắc nằm trên đỉnh các độ cao này, thành phố này thực sự không thể tiến công từ ba mặt. Chỉ mặt phía nam Giê-ru-sa-lem mới bị đe dọa nghiêm trọng bởi các lực lượng tiến công. Thật hoàn toàn dễ hiểu khi Đa-vít biểu dương công trạng của những người đã thay ông đánh chiếm thành phố này ([ISu1Sb 11:6](#)). Có một khả năng là Giô-áp thành công trong việc đánh chiếm thành phố này khỏi tay người Giê-bu-sít chỉ bằng cách đi qua một đường hầm lấy nước dẫn ông ta vào bên trong các bức tường thành, chứ không phải bởi tấn công ào ạt vào hàng phòng thủ của nó ([IISa 2Sm 5:8](#)). Những người Giê-bu-sít, là những người đã tuyên bố rằng “những kẻ què và đui” là đủ để bảo vệ Giê-ru-sa-lem, có đủ lý do để khoe khoang như vậy ([5:6](#)). [14]

Các tàn tích về một đường hầm thẳng đứng và những đường hầm kết nối cho phép dân cư Giê-ru-sa-lem bên trong thành đến được suối Ghi-hôn bên ngoài thành được tìm thấy bởi các nhà khảo cổ học xưa: Đường hầm thẳng đứng, gọi là “Đường Hầm Warren” theo tên người khám phá ra nó, tỏ ra rất khó leo bởi những kẻ thù cố gắng xâm nhập vào thành: Dù vậy hẳn đã nhờ leo lên bằng những đường hầm này mà Giô-áp, cùng với những người của Đa-vít, đã thâm nhập được vào thành của người Giê-bu-sít

Vị trí này của thành phố cung ứng một hoàn cảnh thích hợp để Giê-ru-sa-lem đóng vai trò một đại diện trên đất cho thành phố đời đời của Đức Chúa Trời. Hãy để mọi quốc gia nhóm lại chung quanh vành đai của nó và chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nơi mà Đức Chúa Trời của trời và đất cai trị, vì Giê-ru-sa-lem “đẹp đẽ” ([Thi Tv 48:2-3](#)). Hãy để con người với chính mắt họ nhìn thấy sự an ninh trong đó thành của Đức Chúa Trời cư ngụ, vì hễ Chúa còn ở đó, thì nơi này là bất khả xâm phạm ([46:4-5](#)). Hãy để con người từ mọi quốc gia chứng kiến nền hoà bình vững chãi ngự trị tại đây và vào trong các vách thành của nó là nơi họ có thể tìm thấy sự hoà

bình cho chính mình.

Hoàn cảnh chính trị của Giê-ru-sa-lem cung ứng một lý do nữa cho sự lựa chọn của Đa-vít. Mới đây nhất, khôi chính trị của Y-sơ-ra-ên đã bị phân chia bởi cuộc đấu tranh giữa Sau-lơ của Bên-gia-min và Đa-vít của Giu-đa. Đằng sau cuộc tranh giành này là sự phân biệt từ xa xưa giữa hai dòng hậu tự từ hai người vợ của tổ phụ Gia-cốp. Vì Giu-đa là con của Lê-a và Bên-gia-min là con của Ra-chên. Lời tiên tri của chính Gia-cốp về các chi phái sẽ phát xuất từ các con trai mình tạo bối cảnh cho sự căng thẳng có liên quan đến quyền lãnh đạo bên trong quốc gia. Cây trượng của nhà cai trị sẽ không rời khỏi Giu-đa, con của Lê-a ([SaSt 49:10](#)); nhưng Giô-sép của Ra-chên, người anh thuận huyết thống với Bên-gia-min, cũng có địa vị trội hơn ([49:26](#), [PhuDnl 33:16](#)). Ngay phía bắc của Bên-gia-min là lãnh thổ rộng lớn hơn của Ép-ra-im, con trai của Giô-sép, cũng là dòng dõi của Ra-chên. Ép-ra-im giữ địa vị cao cả đã được tiên tri cho Giô-sép qua mọi thế kỷ kể từ khi rương giao ước, đại diện cho ngôi của Đức Chúa Trời trên đất, đã được đặt tại Si-lô ([Gios Gs 18:1, 8, 19:51, 21:2](#), [Cac TI 18:31, 21:19](#), [ISa1Sm 1:3, 3:21, 4:3-4](#)). Lúc ấy chi phái Bên-gia-min, dòng dõi của Ra-chên, đã bước vào sự nổi bật của quyền lãnh đạo với việc bổ nhiệm Sau-lơ người Bên-gia-min làm vị vua đầu tiên của Y-sơ-ra-ên.

Chính trong bối cảnh kéo dài hàng thế kỷ vai trò nổi bật về chính trị đối với các chi phái xuất phát từ Ra-chên mà Đa-vít của Giu-đa trở nên vua trên toàn cõi Y-sơ-ra-ên ([IISa 2Sm 5:1-2](#)). Liên minh phía bắc ủng hộ Ích-bô-sét, con trai của Sau-lơ cuối cùng đã sụp đổ. Những trưởng lão đại diện cho mọi chi phái của Y-sơ-ra-ên đi sâu vào trong lãnh thổ chi phái Giu-đa để xức dầu cho Đa-vít làm vua tại Hép-rôn. Nhưng quá hiển nhiên cho một người sắc sảo như Đa-vít hiểu rằng ông không thể cai trị hữu hiệu từ địa bàn này. Nhưng ông có thể đi đâu chứ? Si-chem quá xa vùng hạt nhân ủng hộ của ông tại Giu-đa. Si-lô của Ép-ra-im không thích hợp cho ông, vì đó chính là nơi mà chữ Y-ca-bốt (Ichabod), nghĩa là “sự vinh hiển đã rời khỏi”, đã được long trọng tuyên bố vào lúc quân Phi-li-tin cướp lấy rương giao ước ([ISa1Sm 4:21-22](#) cf. [Thi Tv 78:60-61, 67-68](#), [Gie Gr 7:12, 26:5-6, 9](#)). Ghi-bê-a của Sau-lơ cũng không được coi như là một vị trí hợp lý để làm thành phố thủ đô của con người đã bị Sau-lơ săn đuổi quyết liệt trong nhiều năm.

Nhưng rồi lại có thành phố này của người Giê-bu-sít. Và nó nằm ở đâu? Trên sườn phía bắc của thung lũng Hin-nôm, vừa qua khỏi đường ranh của lãnh thổ Giu-đa, đặt nó vào trong lãnh thổ của Bên-gia-min ([Gios Gs 15:1, 8](#)).

Về mặt chính trị đó là một sự di chuyển hoàn hảo. Nếu Đa-vít có thể tập hợp được sự ủng hộ từ những bà con của Sau-lơ tại Bên-gia-min, ông có khả năng lớn nhất để thu phục Ép-ra-im, những người bà con gần nhất của Bên-gia-min ở về phía bắc. Một khi chi phái mạnh nhất nước này đã ủng hộ cách vững chắc, Đa-vít có thể trông đợi toàn dân tộc đứng đằng sau ông trong cuộc tranh chấp không tránh khỏi với các nước lân bang.

Và đúng như vậy. Những ơn phước của sự thống nhất đã đạt được. Anh em sống

với nhau trong sự hoà hợp. Giọt sương của núi Hết-môn, xa tít về phía bắc, bắt đầu rơi trên núi Si-ôn ở miền nam ([Thi Tv 133:3](#)). Vương quốc bình an và thịnh vượng của Đức Chúa Trời bắt đầu định hình dưới quyền của một lãnh tụ được Chúa bổ nhiệm.

Nhưng không được giả định rằng vị trí của Giê-ru-sa-lem được quyết định chỉ bởi vị vua Đa-vít trẻ tuổi và là một chính khách khôn khéo. Việc lựa chọn Giê-ru-sa-lem có những gốc rễ sâu xa hơn. Giê-ru-sa-lem từng là nơi xảy ra sự thờ phượng dâng sinh tế có ý nghĩa nhất trong lịch sử cổ đại của Y-sơ-ra-ên, và từ ban đầu dường như Đa-vít đã có trong trí việc tái định vị trung tâm thờ phượng của quốc gia cũng như tái định vị ngai vàng của chính mình. Sau một chuyến đi ba ngày, có lẽ từ rìa sa mạc Bê-e Sê-ba, Áp-ra-ham đã đến núi Mô-ri-a để dâng con trai mình làm sinh tế cho Đức Chúa Trời. Theo lệnh truyền của Chúa, Áp-ra-ham đã dâng con trai mình tại địa điểm đã chỉ định trước, và con trai ông không kháng cự việc này.

Nhưng Đức Chúa Trời chuẩn bị cho chính Ngài một sinh tế. Trên núi này, chính ngọn núi Đa-vít sau đó đã chọn để đặt ngai vàng giữa Y-sơ-ra-ên, Áp-ra-ham đã dâng con trai một của mình và nhận lại đứa con ấy. Điều đó dường như Y-sác đã chết và đã sống lại ([SaSt 22:9-14](#), [HeDt 11:17-19](#)). Tại cùng chỗ này, Đa-vít cũng đã dâng sinh tế của chính mình, một sinh tế để xin chuyển con thịnh nộ của Đức Chúa Trời ra khỏi đất nước mình ([ISu1Sb 21:25-26](#)).

Ngay từ đầu, Đa-vít dường như đã hình dung được sự kết nối giữa ngai vàng của mình với ngai Đức Chúa Trời. Ông dự định xây dựng một căn nhà cho Đức Chúa Trời mình tại thành phố thủ đô của vương quốc ([IISa 2Sm 7:1-3](#)). Có lẽ chính với niềm trông mong này mà Đa-vít đã xây cung điện của ông nằm thấp bên dưới vùng đỉnh của ngọn đồi. Khu vực rộng hơn phía trên ông để dành cho nhà Đức Chúa Trời, đền thờ Đức Chúa Trời ngự, nơi các sinh tế sẽ được dâng lên hằng ngày cho nhiều thế hệ đến sau. Rồi cuối cùng, khi thời gian đã trọn, chính Đức Chúa Trời sẽ lập ra một sinh tế vĩ đại cuối cùng cho tội lỗi nhân loại qua việc hiến tế chính Con Một của Ngài, Con mà Ngài yêu quý, để chấm dứt mọi sinh tế khác. Sinh tế này cũng sẽ được dâng trong nơi thánh khiết này.

Sa-lô-môn cuối cùng đã xây dựng nhà Đức Chúa Trời như Đa-vít đã mong ước. Đó là một cấu trúc tráng lệ. Nhưng nhiệm mạng của nó phải bị giới hạn, giống như mọi loại hình và bóng khác của kỷ nguyên giao ước cũ. Như chính Sa-lô-môn đã nhìn nhận ([IVua 1V 8:27](#)), dù đền thờ đó có tráng lệ đến đâu, Đức Chúa Trời không thể được chứa đựng trong một đền thờ bởi tay loài người làm ra. Dù có vĩ đại bao nhiêu, Giê-ru-sa-lem dưới đất chỉ là hình bóng về thực tại ở trên trời (cf. [HeDt 12:22](#), [GaGl 4:26](#)).

Nhưng sự tráng lệ của địa điểm này làm bối rối trong tâm trí của con dân Đức Chúa Trời. Người ta đã giả định rằng vì nơi này đã trở nên nơi ngự của Đức Chúa Trời trên đất, thành thánh không bao giờ sụp đổ được. Chông lại sự mê tín này,

Giê-rê-mi rao giảng “bài giảng đền thờ” nổi tiếng, khiến ông sém mất mạng ([Gie Gr 7:1-34](#)); và để chống lại sự giả định sai trật này, Ê-tiên công bố rằng Đấng Chí Cao không ngự trong những ngôi nhà do tay loài người làm ra, điều này đã khiến ông mất mạng ([Cong Cv 7:48-60](#)). Nhằm lẫn tương tự như thế vẫn cứ tiếp tục cho đến ngày nay và cần được minh định bằng cách khuyến giục con người đặt lòng tin cậy nơi sự hiện diện của Đức Chúa Trời được bày tỏ qua sự nhập thể, sự đóng đinh, và sự phục sinh của Con Ngài, chứ không phải nơi những truyền thống có tính chất mê tín về một nơi hoặc một dân tộc linh thiêng.

Sa-ma-ri [15]

Để nghiên cứu thêm về Sa-ma-ri, xin xem chương 9:

Khi Sa-lô-môn băng hà, Rô-bô-am, con trai ông, đã du hành vào lãnh thổ phía bắc để được đăng quang làm vua trên cả Y-sơ-ra-ên. Thành Si-chem cổ là một nơi tự nhiên cho việc khẳng định quyền thừa kế ngai vàng của cha ông là Sa-lô-môn. Dân chúng có những lời thỉnh cầu mạnh mẽ xin được nối lỏng quyền quân chủ chuyên chế vào thời điểm chuyển giao quyền lực gay cấn đó. Một sự siết chặt hơn từ vị vua mới là chính sách sai lầm vào thời điểm đó, và kết quả là sự ly khai. Giê-rô-bô-am, từ chi phái mạnh mẽ Ép-ra-im, dắt dẫn dân chúng ở phía bắc thành lập một đế chế mới lấy Si-chem làm thủ đô. Dưới triều Ba-ê-sa trung tâm của nó được chuyển về Tiệt-sa ([IVua 1V 15:33](#) nhưng cf. [IVua 1V 14:17](#)), và rồi đến khởi đầu nền chuyên chế của Ôm-ri nó được đặt tại Sa-ma-ri ([16:24](#)). [16]

Bằng chứng quan trọng về sự chiếm cứ của người Y-sơ-ra-ên đã được khám phá bởi những khai quật mở rộng tại Sa-ma-ri: Những nhà khảo cổ đã nhận diện sáu thời kỳ Y-sơ-ra-ên bắt đầu với Ôm-ri và chấm dứt với sự phá hủy thành phố bởi tay người A-sy-ri năm 722 T:C: Kỹ thuật xây dựng và các toà nhà của Y-sơ-ra-ên đã tỏ ra có phẩm chất thượng hạng: Khu vực hoàng cung của vệ thành bao gồm hai hệ thống phòng thủ chính và một toà nhà được coi là một phần lâu đài của các vua Y-sơ-ra-ên: Toà nhà có tên “Ostraca” chứa nhiều mảnh gốm có khắc chữ: Ba địa điểm này - Si-chem, Tiệt-sa, và Sa-ma-ri - đều nằm gần nhau, ở trong những thung lũng và đồng bằng gần đó được làm nổi bật bởi các ngọn núi Ga-ri-xim và Ê-banh. Chính sự kiện rằng vương quốc Y-sơ-ra-ên phía bắc có ba trung tâm quyền lực chỉ trong một số năm ngắn ngủi đã tự kể nên một câu chuyện. Đức Chúa Trời đã không chỉ định cho họ một nơi như Ngài đã làm với vương quốc Giu-đa (cf. [PhuDnl 12:5-7](#), [11-14](#), [18](#), [21](#), [26](#)). Mỗi địa bàn mới tiêu biểu cho sự xuất hiện mang tính bạo lực của một gia đình hoàng tộc khác nhau, tương phản với sự ổn định được thiết lập bởi nền quân chủ độc nhất của Đa-vít ở miền nam. Ngoài ra, vương quốc phía bắc không bao giờ hoà nhập hiệu quả vào các trung tâm dân cư của quốc gia với trung tâm tôn giáo của nó, như Đa-vít đã làm với việc mang rương giao ước của Đức Chúa Trời về Giê-ru-sa-lem. Để làm hài lòng dân chúng

và để làm chệch hướng những chuyến hành hương hằng năm của họ về Giê-ru-sa-lem, Giê-rô-bô-am thiết lập các trung tâm của riêng mình để thờ phượng tại Đan ở phía bắc và tại Bê-tên ở phía nam. Với một lịch tôn giáo khác biệt và một hệ thống tế lễ không có người Lê-vi do chính ông lựa chọn, ông hi vọng làm chuyển hướng lòng trung thành của dân chúng khỏi dòng dõi nhà Đa-vít khi họ tiếp tục cai trị tại Giê-ru-sa-lem ([IVua 1V 12:26-33](#)).

Giê-rô-bô-am và những người thừa kế ông ở phía bắc dẫn dân chúng vào một khuôn mẫu thờ phượng sai trật và nền đạo đức suy đồi. Cuối cùng họ rơi vào sự suy đồi nghiêm trọng đến nỗi việc lưu đày khỏi vùng đất của Chúa là điều không thể tránh khỏi.

Sa-ma-ri đóng một vai trò nổi bật trong toàn bộ tiến trình sa sút này. Thành phố được xây dựng và được tô điểm bởi Ôm-ri, A-háp, A-cha-xia và Giô-ram, là những đế chế mà cộng đồng thời gian cai trị là dài thứ nhì của vương quốc phía bắc. Trong khoảng năm mươi năm, các chính sách bành trướng và đòi bại của đế chế Ôm-ri đã kiểm soát được tâm trí của vương quốc phía bắc. A-háp đặc biệt thể hiện được những chính sách dung nạp bừa bãi các tập tục sa đọa của đạo thờ Ba-anh của người Ty-rơ với sự thờ phượng thuần khiết Đức Chúa Trời thánh của Y-sơ-ra-ên. Chính Giê-sa-bên, hoàng hậu của A-háp từ thành phố Ty-rơ ven biển, là người đã lập ra cái thứ thờ cúng pha tạp, đưa các thần Ba-anh vào việc thờ kính Chúa giao ước của Y-sơ-ra-ên.

Thủ phủ Sa-ma-ri nằm trên một ngọn đồi tròn, rộng lớn tại trung tâm của một thung lũng rộng rãi dẫn về phía tây theo hướng Địa Trung Hải. Nó trở nên một vị trí cai trị chính yếu cho lãnh thổ này nhiều thế kỷ sau đó dưới thời của người La-mã, như nó đã phục vụ cho người Y-sơ-ra-ên trong thời kỳ vương quốc phân tranh. Tại địa điểm này, A-háp xây dựng lâu đài bằng ngà nổi tiếng của ông ([22:39](#)). Tại các cổng của thành phố này, A-háp của Y-sơ-ra-ên và Giô-sa-phát của Giu-đa ngồi trên các ngai vàng với tất cả uy phong của họ trong khi tiên tri Mi-chê tiên đoán rằng vua A-háp sẽ chết trong chiến trận chống lại quân đội A-ram tại Ra-môt Ga-la-át ([22:10](#), [28](#)). Dù ông giả dạng để ra trận, một mũi tên vu vơ bay trúng vào chỗ giáp nối của áo giáp A-háp khi ông chạy xuyên qua chiến trường trong chiến xa của mình. Ứng nghiệm một phần lời tiên tri của Ê-li, những con chó liếm máu A-háp từ chiến xa của ông khi ông trở về Sa-ma-ri ([21:17-19](#), [22:38](#)).

Đến cuối cùng Sa-ma-ri bị bao vây trong một thời gian ba năm khi vùng đất bị xâm lược bởi Sanh-ma-na-se, vua A-sy-ri. Năm 722 T.C. thành phố rơi vào tay San-chê-ríp của A-sy-ri và bị thiêu rụi, công dân của nó phải chịu số phận nghiệt ngã hoặc bị giết hoặc bị lưu đày.

Gít-rê-ên

Gít-rê-ên đáng chú ý với tư cách là cung điện mùa đông của A-háp và Giê-sa-bên. Có vị trí chiến lược bên lề của đồng bằng Esdraelon (Gít-rê-ên), Gít-rê-ên canh giữ

vùng thung lũng dẫn xuống Bết-San.

A-háp bày tỏ tính nhỏ mọn của mình khi ông tham muốn vườn nho của Na-bốt nằm cạnh hoàng cung tại Gít-rê-ên. Vị vua này hờn dỗi khi người hàng xóm của vua tôn trọng luật pháp Môi-se và từ chối bán miếng đất. Không cần hỏi câu nào, Giê-sa-bên tuyên bố rằng bà có một cách làm thoả mãn đòi hỏi quá mức của ông ([LeLv 25:23](#), [IVua 1V 21:7](#)). Bà ta làm điều này bằng cách để cho người hàng xóm Na-bốt bị ném đá chết dựa trên những lời chứng dối đưa ra bởi những người làm chứng thuê. Nhưng cả A-háp lẫn Giê-sa-bên đều không thể thoát khỏi đường lối công chính của Chúa. Ngay tại nơi huyết của người vô tội Na-bốt đổ ra, chó sẽ liếm máu của A-háp và Giê-sa-bên ([21:19](#), [23-24](#)).

Một sự ăn năn dù rất nhỏ nhoi của A-háp, bản thân ông đã được tha khỏi sự sỉ nhục khi lời tiên tri này được ứng nghiệm ([21:27-29](#)). Tuy nhiên, ông đã chết trong chiến trận như lời tiên tri của Chúa tiên báo, và chó liếm máu chảy ra từ chiến xa của ông tại Sa-ma-ri ([22:35-38](#)). Nhưng sau đó, dưới bàn tay của Giê-hu, huyết của cả Giê-sa-bên và Giô-ram con trai bà phải đổ ra tại vườn nho của Na-bốt ([IIVua 2V 9:25-26](#), [36-37](#)). Lâu đài mùa đông xa xỉ này của các vua Y-sơ-ra-ên đáng xem như là nơi Chúa bày tỏ đường lối công chính của Ngài đối với tội nhân.

Mê-ghi-đô

Sa-lô-môn củng cố Mê-ghi-đô, cùng với Hát-so và Ghê-xe, như là một trong những điểm quan yếu để bảo vệ quốc gia của mình ([IVua 1V 9:15](#)). [17]

Việc Sa-lô-môn củng cố Mê-ghi-đô được khảo cổ học minh chứng: Trên đỉnh bờ dốc tạo ra lối đi vào thành phố là một khúc ngoặt rất vuông góc dẫn đến cổng thành: Lối đi vào đặc trưng cho một phức hợp có sáu phòng tiêu biểu của thời Sa-lô-môn, một kiểu dáng được sao lại tại Hát-so và Ghê-xe và có niên đại vào thời kỳ vương quốc thống nhất: Ngay phía đông của cổng thành là một lâu đài rõ ràng được xây dựng bởi Sa-lô-môn, và bức tường có cửa sổ lớn mà qua đó nhà vua củng cố thành phố: Những khai quật cho thấy rằng Mê-ghi-đô là một thành phố náo nhiệt dưới thời Sa-lô-môn: Bằng chứng về sự tàn phá khủng khiếp dinh thự Sa-lô-môn bao phủ cả địa điểm này, mà có thể gán cho cuộc xâm lược của Pha-ra-ôn Si-sắc vào khoảng 925 T:C: Kết luận này đã được hỗ trợ bởi sự khám phá một bia văn thời Si-sắc trên chính ngọn núi này:

Là hàng xóm của Gít-rê-ên, Mê-ghi-đô cũng canh giữ một trong những đường đèo nối liền những thung lũng rộng lớn của Ga-li-lê với vùng đồng bằng duyên hải đi

đọc theo Địa Trung Hải hướng về Ai Cập. Quân đội hành quân từ hướng bắc xuyên qua Palestine hướng về Phi-châu hầu như không thay đổi và cứ đi qua dưới bóng các công sự của Mê-gi-đô. Ngay cả ngày nay, những xa lộ hiện đại cũng mở ra cho vô số xe cộ chạy gần địa điểm cổ xưa đó.

Đối với những người sót lại của Y-sơ-ra-ên sinh sống tại Giu-đa, Mê-gi-đô trở thành tiêu điểm của mỗi quốc hận lớn lao. Vì tại đó vị vua anh minh cuối cùng của Giu-đa từ trần năm 609 T.C. Vua Giô-si-a khăng khăng cản đường Pha-ra-ôn Nê-cô của Ai Cập khi ông này tiến quân về phía bắc. Mục đích của Giô-si-a có thể là để ngăn chặn sự liên kết các lực lượng của Ai Cập với tàn quân A-sy-ri đã bị quân Ba-bi-lôn đánh cho tơi tả. Pha-ra-ôn của Ai Cập như một trung gian kỳ lạ cho lời Đức Chúa Trời phán với một vị vua tốt lành như Giô-si-a. Nhưng trong trường hợp này lời cảnh cáo cho ông phát xuất từ Chúa. Chúng bị Giô-si-a bỏ qua. Vị vua tốt này chết một cách vô ích, và Giê-rê-mi đã than khóc ông cách cay đắng. Giê-rê-mi thấy niềm hi vọng vào con người cuối cùng của Y-sơ-ra-ên phai tàn dần với sự ra đi của nhà vua ([IIVua 2V 23:29-30](#), [IISu 2Sb 35:20-25](#)). [18]

Tàn tích tại địa điểm Mê-gi-đô có niên đại vào thời vương quốc phân ly là rất nhiều: Trên phần phía nam của ngọn núi, một kho lúa lớn có niên đại vào thời Ôm-ri - A-háp đã được phát hiện: Như được làm chứng bởi các tàn tích, một chuỗi các toà nhà ba mặt có trụ chống có lẽ được dùng để làm kho chứa hoặc chuồng ngựa trong thời A-háp: Thêm vào đó, khai quật đã phát hiện một đường hầm phức tạp dài bảy mươi mét kết thúc tại một suối nước bên ngoài thành: Mê-gi-đô tiếp tục là một thành phố nổi tiếng trải qua thời vương quốc phân ly, duy trì vai trò của nó trong suốt thời Sa-lô-môn:

Lời ca thương của Giê-rê-mi mang màu sắc tận thế trong những lời tiên tri hậu lưu đầy của Xa-cha-ri khi ông dự đoán một ngày tương lai trong đó quốc gia sẽ khóc than vết thương chết người của Đấng còn lớn hơn Giô-si-a nữa ([XaDr 12:10-12](#)). Đến cuối cùng địa bàn Mê-gi-đô sẽ được nhận diện cách hình bóng như là địa điểm của trận chiến lớn cuối cùng giữa các lực lượng của Đức Chúa Trời và Sa-tan ([KhKh 16:16](#)). Hạt-ma-ghê-đôn vẽ ra trên tầm quan trọng chiến lược quá khứ của thành phố này để tiên đoán ngày Đấng Mê-ti-a của Đức Chúa Trời sẽ chiến thắng rực rỡ trên mọi kẻ thù của Đức Chúa Trời. Không nên trông đợi rằng tại đường đèo cụ thể này ở Palestine mà các lực lượng quân sự đại diện Đức Chúa Trời và Sa-tan sẽ trao đổi những đòn phủ đầu bằng tên lửa trang bị đầu đạn hạt nhân. Dù rộng như những thung lũng trải dài phía trước Mê-gi-đô có thể xuất hiện, chúng không chứa nổi loại chiến tranh được mô tả trong Kinh Thánh. Nhưng nhiều sự đối đầu diễn ra tại nơi này là những hình bóng thích hợp cho ngày đến của Chúa, khi Đấng Christ trị vì sẽ tận diệt mọi kẻ thù của Ngài với hơi thở của miệng Ngài. Nếu Giô-si-a ngã chết như một sự bày tỏ rõ ràng về sự không hoàn hảo của ngay cả vị vua tốt nhất trong số các vị vua được xức dầu của Y-sơ-ra-ên xưa, thì Đức Chúa Giê-xu

sẽ chiến thắng khải hoàn trên mọi kẻ thù của Ngài và của chúng ta.

La-ki

Một khi các ông trùm chiến tranh của A-sy-ri và Ba-bi-lôn đã phát huy ưu thế của mình tại đèo Gít-rê-ên hoặc Mê-gi-đô, thì họ đối đầu với rất ít sự can thiệp từ phía Y-sơ-ra-ên khi họ hành quân dọc theo đồng bằng Sa-rôn vào trong lãnh thổ Phi-li-tin. Chỉ khi nào họ quay hướng trở lên và qua hướng đông về phía vùng đồi núi Giu-đê thì họ mới bị đối đầu bởi sự kháng cự quyết liệt. Dọc theo mỗi thung lũng dẫn về hướng Giê-ru-sa-lem là một vị trí được tăng cường đặt ra để ngăn trở mọi kẻ xâm nhập có tham vọng.

Thành phố La-ki là thành phố mang tính chiến lược, nằm ngay giữa trung tâm trên con đường tạo ra bởi một trong các thung lũng chính yếu dẫn vào vùng nội địa Giu-đê. Rô-bô-am, con trai Sa-lô-môn, củng cố thành phố này như một trong các điểm phòng ngự chủ chốt của mình ([IISu 2Sb 11:5-12](#)). Một bức tường dày đến gần 6 mét bao quanh phần đỉnh của ngọn núi là nơi xây thành. Phía dưới sườn dốc khoảng 45 mét là một bức tường thứ hai dày khoảng 4 mét bao bọc thành phố. Bởi tầm quan trọng chiến lược của nó, những tuyến phòng thủ phức tạp này của La-ki đã được duy trì trải qua các triều đại kế tiếp nhau của Giu-đê. Vì một khi La-ki bị mất, phần đất trung tâm nội địa là nơi có thành Giê-ru-sa-lem sẽ bị bỏ ngõ cho sự tấn công trực diện.

Chỉ hai mươi năm sau khi thủ đô Sa-ma-ri phía bắc bị sụp đổ (722 T.C), San-chê-ríp, vua A-sy-ri, quay lại để chiếm luôn Giu-đa nữa. Năm 701 T.C. ông đã sẵn sàng mở một cuộc tấn công qui mô vào Giê-ru-sa-lem. La-ki là một trong các thành phố cuối cùng bị bao vây. Nếu lực lượng A-sy-ri có thể phá hủy các tuyến phòng thủ của nó thì không còn sự hỗ trợ nào có thể đến can thiệp vào một cuộc tấn công vào thủ đô của Giu-đa ([IIVua 2V 18:13-17](#), [IISu 2Sb 32:1-9](#), [EsIs 36:1](#)).

Việc chiếm La-ki đem lại cho San-chê-ríp một ý niệm về sự toàn thắng đến nỗi ông cho khắc bia đá lớn để kỷ niệm chiến thắng của mình. Phù điêu lớn này, bây giờ nằm trong viện bảo tàng Anh quốc tại London, mô tả với độ chính xác sống động hình dạng ngọn núi xây dựng La-ki, vị trí của cổng thành, và tình trạng hoảng loạn của các cư dân bại trận - tất cả đều từ góc nhìn trên ngọn đồi gần đó là nơi San-chê-ríp đặt đài chỉ huy để quan sát mọi diễn biến của trận hãm vây thành. Cũng trong dịp này lời mô tả của San-chê-ríp về việc ông “đánh bại” Giê-ru-sa-lem không được chính xác như vậy. Ông khoe khoang rằng ông “nhốt Ê-xê-chia trong Giê-ru-sa-lem như một con chim trong lồng” (Pritchard 1950, 287-88). Lời tuyên bố này chính xác đúng như nó mô tả. Nhưng điều suy diễn rằng San-chê-ríp thật sự lấy được Giê-ru-sa-lem là hoàn toàn lừa dối. Thay vào đó, quân đội ông bị tàn sát cách bí hiểm trong khi cắm trại chung quanh thành phố đó ([IIVua 2V 19:20-37](#), [EsIs 37:21-37](#)). Vị vua oai hùng của A-sy-ri phải trở về xứ mình để giải quyết các xáo trộn nội bộ, và rồi bị ám sát bởi chính những đứa con trai của mình trong nhà

của thần mình ([37:38](#)). [19]

Những phát hiện khảo cổ tại địa điểm La-ki chiếu rọi ánh sáng quan trọng trên những sự kiện của thế kỷ thứ tám T.C. Trong thời kỳ này một trong những vị vua của Giu-đa đã củng cố La-ki và biến nó thành một pháo đài phòng thủ tốt: Một bức tường phòng vệ kép bao quanh thành phố: Lối vào thành duy nhất là xuyên qua một cổng đôi tiến đến gần bởi một con dốc đi song song với tường ngoài: Bên trong bức tường, một pháo đài -lâu đài đứng sừng sững trên một khoảnh đất nâng cao: Phù điêu San-chê-rip từ Ni-ni-ve mô tả tỉ mỉ một cuộc tấn công của quân A-sy-ri vào thành phố: San-chê-rip xây dựng một kè bao vây ở góc tây nam của thành phố và phá huỷ tuyến phòng vệ của nó bằng cách sử dụng lính bắn cung, bộ binh, và máy phá thành: Một bờ kè chống bao vây ở bên trong góc thành tây nam được các nhà khảo cổ học phát hiện cho thấy các nỗ lực của người Giu-đê để củng cố hàng phòng ngự chống lại sự tàn sát của người A-sy-ri: Nỗ lực kháng cự căng thẳng này không đem lại lợi ích gì:

Bởi sự can thiệp đầy ân điển của Đức Chúa Trời, Giê-ru-sa-lem đã đứng vững qua cuộc tấn công đầy chết chóc này bởi quân A-sy-ri. Nhưng sự bất trung đối với giao ước khiến cho thành phố không thể nào đứng vững được mãi mãi. Dù là một nơi trên đất được lựa chọn bởi Chúa, Giê-ru-sa-lem không được miễn trừ các biện pháp kỷ luật của Chúa. Chỉ hơn một trăm năm sau, vua Nê-bu-cát-nết-sa của Ba-bi-lôn hành quân dọc theo cùng con đường của quân A-sy-ri trước đó. Sau khi chiếm lấy mọi thành phố nhỏ hơn biết kháng cự, Nê-bu-cát-nết-sa đặt các thiết bị bao vây chống lại La-ki trước khi mở cuộc tấn công vào Giê-ru-sa-lem. Hai mươi một mảnh gốm có khắc chữ, được biết đến dưới tên “những lá thư La-ki”, làm sống động những ngày cuối cùng của thành phố trước khi nó sụp đổ. Một lá thư kết thúc với lời tuyên bố. “và hãy để (chúa tôi) biết rằng chúng tôi đang trông chừng các dấu hiệu của La-ki, theo như mọi chỉ dẫn chúa tôi đã đưa ra, vì chúng tôi không thể thấy Azekah” (Lachish Letter #4; cf. Pritchard, 1950, 322). Lời tuyên bố này phù hợp chính xác với sự tham chiếu trong Giê-rê-mi về La-ki và Azekah như những thành phố bị sụp đổ cuối cùng trước khi các lực lượng Ba-bi-lôn quay sự chú ý sang Giê-ru-sa-lem ([Gie Gr 34:7](#)). Lời ghi chú thương tâm từ người lính canh cho thấy rằng anh ta đang trông ngóng suốt đêm về hướng La-ki để xem có dấu hiệu gì là họ đã kháng cự được cuộc tấn công của những kẻ xâm lược Ba-bi-lôn không. Nhưng tia hi vọng cuối cùng đó bây giờ đang tàn lụi và rất ít khả năng còn lại có thể chống đỡ được vị vua Nê-bu-cát-nết-sa không biết thương xót này. Một khi La-ki sụp đổ, sự sụp đổ của Giê-ru-sa-lem hầu như chắc chắn sẽ theo sau. Vào năm 586 T.C. thành phố được chọn của Chúa sụp đổ trước quân thù. Với các quốc gia lân cận đứng chế nhạo, máu của các đầy tớ của Đức Chúa Trời chảy xuyên qua các đường phố của thành thánh. Những bức tường của thành phố, lâu đài, và chính đền thờ bị tàn phá hoàn toàn. Vì vậy Chúa công khai bày tỏ sự ngu

xuân của những kẻ tự tin có thể ẩn mình đằng sau địa vị được ưu đãi của Giê-ru-sa-lem. Những ưu đãi quá khứ của ân điển Đức Chúa Trời không bao giờ có thể bảo đảm cho tội nhân rằng người ấy sẽ được miễn trừ khỏi sự phán xét công chính của Chúa.

Sau khi bảy mươi năm lưu đày được mô tả trong lời tiên tri đã trôi qua, con dân của Chúa lại trở về quê hương của họ ([II Su 2Sb 36:21](#), [Gie Gr 29:10](#), [Da Dn 9:2](#)). Ngôn ngữ của các lời tiên tri đương thời mô tả các sự kiện đó bằng những thuật ngữ xuất thần. Giê-ru-sa-lem sẽ có cư dân như một thành phố không có tường thành, dù một bức tường lửa bao chung quanh nó ([Xa Dr 2:4-5](#)). Đền thờ được khôi phục sẽ có vinh quang lớn hơn đền thờ Sa-lô-môn với tất cả tráng lệ của nó ([Ag Kg 2:9](#)). Việc quay về vùng đất có nghĩa là sự khôi phục của địa đàng và sự sống lại từ trong kẻ chết ([Exe Ed 37:11-14](#)).

Nhưng sự việc lại xảy ra không có vẻ giống như vậy. Ít hơn năm mươi ngàn phu tù trở về. Qui mô nhỏ bé của đền thờ được xây lại khiến cho những người còn nhớ về huy hoàng quá khứ của đền thờ đầu tiên phải bật khóc ([Exo Er 3:12](#)).

Dù vậy có một mầm chân lý trong bức tranh thi vị về các nhà tiên tri. Vì một loại vinh hiển khác sẽ đến trên đền thờ được khôi phục. Chính Đấng Mê-si-a sẽ đến, thể hiện trong chính Ngài vinh hiển của Đức Chúa Trời còn đến mãi mãi. Chính thân thể Ngài sẽ là một đền thờ còn vinh hiển hơn bất cứ kiến trúc nào được xây dựng bởi bàn tay con người ([Gi Ga 2:19-22](#)). Thời gian đang đến gần cho vùng đất của Kinh Thánh tiếp đón vị khách vinh hiển nhất của nó.

Vùng đất của Kinh Thánh trong thời đại giao ước mới
(khoảng 5 T.C. - 100 S.C.)

Vùng đất này được tạo ra cho Đức Chúa Giê-xu Christ. Tính đa dạng của nó được thiết kế để phục vụ Ngài. Đặc điểm của nó như là một nhịp cầu nối liền ba lục địa được chuẩn bị chu đáo từ buổi Sáng thế cho vai trò chiến lược của Ngài trong lịch sử nhân loại. Ngay cả ngày nay mọi quốc gia đều liên tục đổ về nơi này, vì thật độc đáo đó là vùng đất của Ngài, tiêu điểm của thế giới.

Khi nói đến vùng đất của Kinh Thánh trong thời đại giao ước mới, trước hết cần phải xác định bối cảnh xuất hiện của nhân vật chính, là Đức Chúa Giê-xu Christ, Đức Chúa Trời nhập thể. Vì vào thời điểm quan trọng này, sân khấu lịch sử loài người không hẳn là trống không. Dù chỉ có một Con độc nhất của Đức Chúa Trời, Ngài có nhiều địch thủ. Ba trong số họ nổi bật vào thời điểm Đấng Christ đến thế gian là. Sê-sa, Hê-rôt, và quyền lãnh đạo quốc gia Do Thái.

Các Sê-sa của kỷ nguyên giao ước mới không lỗi thời khi chấp nhận lời đề nghị của dân chúng để tự cho mình là những vị thần. Làm thế nào giải thích khác đi quyền kiểm soát hoàn toàn của họ trên các quốc gia trên thế giới chứ? Họ đã chinh phục thế giới được biết thời bấy giờ, kể cả vùng đất Palestine. Họ đặt dấu ấn không tẩy xoá được trên mặt đất với đường sá, ống dẫn nước, hí trường, đền thờ, lâu đài, tượng chạm, và thành phố. Vào thời Đức Chúa Giê-xu và các sứ đồ, luật pháp La-

mã chi phối cuộc sống của quốc gia. Những luật pháp này có ảnh hưởng quan trọng trên sự giáng sinh, đời sống, sự chết, và chức vụ của Đấng Christ và các sứ đồ Ngài.

Dĩ nhiên, Kinh Thánh nói rõ ràng rằng Đức Chúa Trời của trời đất cai trị và tể trị trên mọi công việc con người bất chấp họ tự khẳng định mạnh mẽ mình là ai. Không bao giờ và trong bất cứ hoàn cảnh nào Ngài từ bỏ quyền kiểm soát trên mọi công việc của tạo vật Ngài. Ngài làm cho quân đội của loài người và các cư dân trên đất thấy rằng “chẳng ai có thể cản tay Ngài và hỏi rằng. Ngài làm chi vậy?” ([DaDn 4:35](#)). Trong suốt cuộc đời Đấng Christ trên đất, những vị quốc vương hùng mạnh này âm mưu và nổi giận chống lại Chúa và Đấng được xức dầu của Đức Chúa Trời. Nhưng đến cuối cùng, họ chỉ phục vụ cho những mục đích định trước của Đức Chúa Trời, Đấng đang cầm quyền tể trị đời đời, đầy lòng nhơn từ, giàu ân sủng.

Các Hê-rốt cai trị vào thời đại giao ước mới cũng đặt dấu ấn của họ trên vùng đất của Kinh Thánh. Hê-rốt đại đế (37-4 T.C.) bị un đốt bởi một đam mê xây dựng. Một phần để làm vừa lòng người Do Thái, một phần để thoả mãn thiên hướng vui thú của riêng ông, và một phần vì nỗi sợ hoang tưởng rằng người ta đang tìm cách hại mạng sống ông. Hê-rốt cứ xây dựng, xây dựng và xây dựng mãi. Ông dựng lên những kiến trúc tráng lệ trên các ngọn núi phía bắc và trong sa mạc phía nam, từ bờ biển Địa Trung Hải đến rìa Biển Chết. Khắp nơi Đức Chúa Giê-xu và các môn đồ Ngài đi qua, các dấu ấn do vua Hê-rốt để lại thật đầy dẫy.

Địch thủ thứ ba đối với lời tuyên xưng của Đức Chúa Giê-xu trên vùng đất Palestine được cô đọng lại trong quyền lãnh đạo dân Do Thái. Những khát vọng dân tộc chủ nghĩa của họ không tránh khỏi xung đột với các mục đích thật sự của Đức Chúa Trời được bày tỏ trong Đức Chúa Giê-xu Christ. Dù sống dưới quyền cai trị La-mã, họ giữ được một số quyền tự quyết nhất định mà họ không có ý định từ bỏ. Như một người đương thời mô tả theo góc nhìn của họ về chức vụ của Đức Chúa Giê-xu trong mối liên hệ với các quyền dân tộc tự quyết của riêng họ. “Nếu chúng ta để cho người (Giê-xu) làm, thì thiên hạ tin người, rồi dân Rô-ma sẽ đến diệt nơi này và cả nước chúng ta nữa” ([GiGa 11:48](#)). Lời tuyên bố này trong nguyên văn Kinh Thánh nhấn mạnh đại từ sở hữu. “Chính nơi của chúng ta và quốc gia của chúng ta mà người Rô-ma sẽ lấy đi vì cơ ông ta.” Cảm nhận về quyền sở hữu này ngự trị trong lòng các nhà lãnh đạo Do Thái, thúc đẩy họ phải thực hiện bằng được việc đóng đinh Đấng Christ trên cây thập tự.

Vì vậy vũ đài được dựng lên vì cuộc đấu tranh giành quyền sở hữu vùng đất. Vùng lãnh thổ này sẽ thuộc về ai? Phải chăng đó là của Sê-sa, giành lấy bởi quyền lực, sự hiện diện, và hiệu năng của La-mã? Hay nó là của Hê-rốt, vì nhờ sự nhay bén chính trị giúp ông ta sống còn trước áp lực của cả người La-mã lẫn dân Do Thái? Có phải vùng đất này không thể đảo ngược được là thuộc về quốc gia Do Thái do lời hứa với các tổ phụ, cho họ có quyền sở hữu nội tại vào mọi thời đại không?

Hoặc vùng đất gọi là Palestine này thật sự thuộc về Jesus người Na-xa-rét, vị giáo sư từ Ga-li-lê, bước đi như một nông dân trải qua các mảnh đất đa dạng, chẳng sở hữu thứ gì nhưng lại hành động như Ngài sở hữu mọi thứ chẳng?

Bây giờ hãy xem xét đến một số những lời nói và công tác chính yếu của Con Đức Chúa Trời khi Ngài đi đây đó trong vùng đất mà Chúa đã sửa soạn cho Ngài trước khi sáng thế. Hãy so sánh với những lời tuyên bố của các địch thủ của Ngài về quyền làm chủ vùng đất. Hãy đi theo Ngài khi Ngài đi từ nơi này đến nơi khác, và hãy xem vùng đất đó thật sự thuộc về ai.

Na-xa-rét

Lời tuyên bố rằng đến cuối cùng kỳ hạn được trọn đã được chuyển giao trước hết cho Nữ đồng trinh Ma-ry trong thị trấn Na-xa-rét.

“Há có vật gì tốt ra từ Na-xa-rét được sao?” là câu nói gắn liền với Đức Chúa Giê-xu trong suốt chức vụ của Ngài ([GiGa 1:46](#)). Một chuyến viếng thăm địa điểm này của thành phố ngày nay cũng giúp giải thích lời tuyên bố ấy. Cách xa mọi con đường thường đi lại, tận trên những con đường ngoằn ngoèo dốc đứng dù người ta đi đến thành phố này từ hướng bắc hay hướng nam, Na-xa-rét hầu như ít được biết đến đối với những người thuộc giao ước cũ. Nhưng đó là nơi sứ giả Đức Chúa Trời chuyển giao lời Ngài cho Ma-ry. Trong khi vẫn còn là một trinh nữ, cô mang thai một đứa bé sẽ được biết như là Em-ma-nu-ên, Đức Chúa Trời ở giữa chúng ta. Với sự an toàn tương đối của ngôi làng trái đường đi này, Đức Chúa Giê-xu trở về khi còn tằm bé sau khi chạy cứu mạng tại Ai Cập. Giấu mình trong sự mờ nhạt giữa các cư dân Na-xa-rét cho đến khi Ngài đạt đến lứa tuổi khoảng ba mươi, Đức Chúa Giê-xu có thể nhìn xuyên qua thung lũng và nghĩ đến cuộc đời của các vị vua trước đây của Y-sơ-ra-ên. Ngài có thể nhìn xem núi Ghinh-bô-a nơi Sau-ơ, vị vua được xức dầu đầu tiên của Y-sơ-ra-ên, đã ngã chết bi thảm trong chiến trận. Ngài có thể nhìn về hướng tây đến núi Cạt-mên nơi Ê-li đã phát động cuộc đối đầu với A-háp, vị vua tồi tệ nhất của Y-sơ-ra-ên. Ngài cũng có thể nhìn về hướng đèo Mê-ghi-đô nơi Giô-si-a, vị vua tốt đẹp cuối cùng của Giu-đa, đã chết sớm trong tay quân đội của Pha-ra-ôn. Kể từ sau sự gục ngã bi thảm của Giô-si-a sáu trăm năm trước khi Đức Chúa Giê-xu giáng sinh chẳng hề có một vị vua công chính nào cai trị trên Y-sơ-ra-ên.

Đức Chúa Giê-xu được mọi người quen biết như là con trai người thợ mộc, và một trong những nơi trước tiên Ngài bắt đầu bày tỏ sứ mạng độc đáo của mình là tại thị trấn quê nhà của Ngài. Nhưng khi Ngài giải thích trước người Do Thái rằng mục

đích của Đức Chúa Trời cho sự cứu rỗi con người có thể bao hàm các dân tộc ngoại đạo, thì đồng bào của chính Ngài đã điên tiết lên. Đức Chúa Giê-xu chứng minh lập luận của Ngài từ Kinh Thánh Do Thái bằng cách nhắc đến sự cứu rỗi dành cho một goá phụ Ca-na-an và một vị tướng lãnh Sy-ri chứ không đến với những con người Do Thái có nhu cầu tương tự ([LuLc 4:25-27](#)). Nhưng những sự kiện này ít đem lại ấn tượng trên dân chúng tại thị trấn quê nhà của Đức Chúa Giê-xu. Trong tâm trí họ, dân Do Thái tồn tại không có đối thủ, họ là những người được ưu đãi trên thế gian. Nếu Đức Chúa Giê-xu dự định quảng bá cho bất cứ quan điểm nào khác, Ngài thậm chí còn đánh mất luôn cả quyền tiếp tục tồn tại.

Bết-lê-hem

Việc Đức Chúa Giê-xu đến thế gian trước hết được công bố cho cha mẹ Ngài tại thị trấn quê nhà Na-xa-rét. Nhưng Bết-lê-hem phải là nơi sinh của Ngài, vì lời tiên tri chỉ định cụ thể rằng nhà cai trị Mê-si-a của Y-sơ-ra-ên phải xuất thân từ thị trấn quê nhà của Đa-vít ([MiMk 5:2](#)). Trong hoang mạc Giu-đê gần thị trấn đó, vị vua của dân Do Thái đã xây dựng một công sự đồ sộ được gọi là Herodian. Hê-rốt đã xây dựng một tuyến pháo đài để tạo sự an toàn khi ông phải rút lui khỏi một kẻ thù tưởng tượng. Những dự án xây dựng to lớn của vua được thiết kế để bảo vệ ông khỏi bất cứ tình huống nào. Nhưng Vua Giê-xu đến trong vùng được phòng ngự này như một đứa trẻ dễ bị uy hiếp, không phương thế tự vệ trước các cuộc tấn công của Hê-rốt và những tên đao phủ của hắn. Chỉ có chính Chúa mới có thể sắp xếp mọi việc để cung ứng nơi trú ẩn cho Con Ngài dưới sự che chở của Pha-ra-ôn xứ Ai Cập ngoại đạo ([Mat Mt 1:13-15](#)).

Trong một thế giới sa ngã, tiếng khóc than đi kèm với vụ tàn sát con trẻ tại Bết-lê-hem của Hê-rốt có thể được coi như một thảm kịch thường nhật. Nhưng trong trường hợp này, Đức Chúa Trời giữ gìn Con Ngài để đương đầu với những nỗi thống khổ còn lớn hơn nhiều để cuối cùng cung ứng sự giải cứu cho vô số người trên khắp các quốc gia.

Hoang mạc xứ Giu-đê

Hai sự kiện có ý nghĩa trong cuộc đời thanh xuân của Chúa Giê-xu gắn liền với hoang mạc xứ Giu-đê. Lễ báp-têm và sự cám dỗ của Ngài. Cả hai sự kiện này khẳng định sự kiện rằng Giê-xu là Con Đức Chúa Trời.

Giăng Bap-tít kêu gọi toàn thể hệ của ông hãy “vào trong hoang mạc” để chuẩn bị con đường cho sự xuất hiện của Chúa. Nếu dân chúng thật lòng ăn năn tội lỗi, họ sẽ sẵn sàng từ bỏ những điều họ sở hữu và đi vào hoang mạc để được thanh tẩy. Trước khi có sự hiện diện của Giăng, cả một cộng đồng đã định cư trong những vách đá khô cằn dọc theo Biên Chết nhằm phản kháng sự suy đồi trong chức vụ tế lễ tại Giê-ru-sa-lem. Ngày nay người ta biết đến họ như là cộng đồng Qumran, những người này có ý tưởng chờ đợi trong hoang mạc một đấng Mê-si-a hầu đến. Theo Văn Kiện Đa-mách, người ta trông đợi rằng Môi-se sẽ tái xuất hiện và dẫn dắt họ một lần thứ nhì xuyên qua hoang mạc để chiếm hữu Đất Hứa (cf. Jeremias

1967, 4.861).

Đức Chúa Giê-xu đến với Giăng Báp-tít trong hoang mạc. Tại đó Ngài chịu báp-têm như một cách đồng hoá với dân mình trong nhu cầu được thanh tẩy mọi ô nhơ của tội lỗi. Khi Con đang cầu nguyện, Thánh Linh ngự trên Ngài bằng hình dạng thấy được trong khi lời Cha tuyên bố. “Con là con yêu dấu của Ta, đẹp lòng Ta mọi đường” ([LuLc 3:21-22](#)). Theo cách này, chính Đức Chúa Trời Ba Ngôi công khai khẳng định thân vị và công tác của Đức Chúa Con Mê-si-a. Với tư cách Con độc nhất của Đức Chúa Trời, Ngài sẽ cai trị trên mọi thế lực thay cho con dân Ngài ([Thi Tv 2:7-9](#)), đồng thời cũng đảm nhận công tác khủng khiếp của “người đầy tớ chịu khổ” mà Đức Chúa Trời hài lòng ([EsIs 42:1](#), [53:12](#)). Đức Thánh Linh sẽ trang bị cho Đức Chúa Con mọi nguồn lực cần thiết để làm trọn công tác của Ngài, và Đức Chúa Cha sẽ khẳng định cho thế giới xuyên suốt mọi thời đại rằng đây là Đấng duy nhất có tư cách kế thừa thế giới. Trong hoang mạc xứ Giu-đê lúc Chúa Giê-xu chịu báp-têm, sự mạc khải này được ban cho liên quan đến người thừa kế thật sự của vùng đất.

Cũng trong hoang mạc, Chúa Giê-xu chịu thử thách liên quan đến quyền làm con của Đức Chúa Trời bởi ma quỷ. Trong vườn địa đàng, A-đam thất bại trong thử nghiệm của kẻ Cám Dỗ, chọn lựa quyền tự quyết hơn là đầu phục Đức Chúa Trời. Y-sơ-ra-ên, sau khi được giải cứu khỏi Ai Cập, cũng không chống nổi việc phàn nàn chống lại ý chỉ của Đức Chúa Trời khi đối diện với những mất mát trong hoang mạc. Dù được gọi là “con dân” Đức Chúa Trời, dân tộc được lựa chọn này đã thử Chúa mười lần khi họ lang thang trong hoang mạc. Nhưng Đức Chúa Giê-xu thành công trong hoang mạc tại chỗ mà cả A-đam lẫn Y-sơ-ra-ên đều thất bại. Mặc dù bị từ chối bánh và nước trong bốn mươi ngày đêm, Ngài chọn đầu phục ý muốn của Cha. Ngài không chấp nhận lời đề nghị của sa-tan về một quyền sở hữu tức thì, không chút đau đớn, các vương quốc của thế gian như một cách tránh né lời rửa sả trên cây thập tự. Dù những hoàn cảnh luôn chống lại Ngài, Ngài đắc thắng sự cám dỗ trong hoang mạc và vì thế chứng minh rằng Ngài thật sự là Con Đức Chúa Trời.

Ca-bê-na-um

Chính lúc Giăng Báp-tít bị Hê-rốt An-ti-pa bắt giam thì Đức Chúa Giê-xu đi đến Ca-bê-na-um “bên mé biển” để bắt đầu chức vụ Ngài ([Mat Mt 4:12-13](#)). Tại nơi này trong xứ Ga-li-lê của Dân Ngoại, Đức Chúa Giê-xu công bố rằng “nước thiên đàng” đã đến gần. Đức Chúa Giê-xu nhìn thấy trong việc bắt Giăng Báp-tít một điềm báo trước về điều người Do Thái cuối cùng sẽ làm với Ngài. Ngài đáp ứng bằng cách đăng quang chức vụ mình tại một địa điểm và theo một cách thức mà tính truyền thông chắc chắn sẽ đạt đến chiều kích toàn cầu. Ngài không bị giới hạn vào một quốc gia, nhưng sẽ vươn tới mọi dân tộc trên thế giới.

Ngày nay, giữa các đồng đồ nát chung quanh nhà hội cổ xưa này tại Ca-bê-na-um, đứng sừng sững một đài kỷ niệm đánh dấu là Via Maris, “lối đi của biển”. Vì Ca-bê-na-um nằm ngay trên đường đi của các Dân Ngoại trên thế giới, Đức Chúa Giê-xu không có địa điểm nào khác tốt hơn để làm biểu tượng cho việc vươn ra toàn cầu với Phúc Âm của Ngài.

Đáng kể nhất là sự kiện rằng Phúc Âm Ma-thi-ơ nhắc đến thành phố này như là “thành phố của Ngài (Giê-xu)” ([9:1](#), [13:54](#)). Không có nơi nào khác, ngay cả Giê-ru-sa-lem, nhận được danh hiệu này. Ngài không được sinh ra tại Ca-bê-na-um, cha mẹ Ngài không sống tại Ca-bê-na-um, Ngài không lớn lên tại Ca-bê-na-um. Nhưng nó đã trở nên thành phố “của Ngài”. Nơi này có sự giao thương liên tục giữa người Do Thái và Dân Ngoại - đây là nơi thích hợp nhất để mang lấy đặc trưng là “của Ngài”.

Phúc Âm Mác bắt đầu bằng một ngày bận rộn với Chúa Giê-xu tại Ca-bê-na-um ([Mac Mc 1:21-34](#)). Chúa Giê-xu giảng dạy trong nhà hội và đuổi ra một tà linh hung bạo. Rồi Ngài đi với Gia-cơ và Giăng đến nhà của Phi-e-rơ và Anh-rê, gần nhà hội, nơi Ngài chữa lành bệnh sốt rét cho bà gia Phi-e-rơ ([1:31](#)). Sau khi mặt trời lặn, dân thành phố mang đến cho Đức Chúa Giê-xu tất cả những người ốm đau và bị quỷ ám. Toàn thành phố họp lại tại cửa nhà khi Ngài chữa lành cho nhiều người. Chúa Giê-xu để nhiều giờ nghe người ta trình bày các nhu cầu của họ và rồi đưa ra sự giúp đỡ mà chỉ có Ngài mới làm được. Thời khoá biểu bận rộn này hẳn phải được lặp đi lặp lại nhiều lần khi Ngài đến và đi khỏi Ca-bê-na-um, trung tâm hoạt động của Ngài tại Ga-li-lê.

Nổi bật giữa các kiến trúc vẫn còn tàn tích tại Ca-bê-na-um là khung sườn của một nhà hội bằng đá vôi lớn mà một số nhà khảo cổ định niên đại vào thời Byzantine vào thế kỷ thứ tư S.C. Đồ gốm từ thế kỷ thứ nhất S.C. đã được phát hiện dưới một nền đá cuội bazan xưa bên dưới gian giữa của nhà hội. Nền nhà xưa này rất có thể là một phần của nhà hội được xây dựng bởi một đội trưởng tốt bụng người La-mã vào thời Đức Chúa Giê-xu (cf. [LuLc 7:1-10](#)). Con người tốt bụng này đã sai các sứ giả Do Thái đến với Đức Chúa Giê-xu không phải vì lợi ích của chính mình mà vì quan tâm đến một trong các đầy tớ của mình đang hấp hối. Những sứ giả Do Thái của ông giải thích rằng người này đã xây nhà hội cho họ, yêu mến dân tộc họ, và đáng được nhận bất cứ sự giúp đỡ nào từ nơi Đức Chúa Giê-xu. Thái độ của chính người này khẳng định sự đánh giá của họ. Ông không thấy chính mình đáng được Đức Chúa Giê-xu đến thăm. Nhưng vì quen với việc thi hành quyền lực quân sự, ông diễn đạt sự tin tưởng rằng chỉ một lời nói ra từ miệng Đức Chúa Giê-xu thậm

chỉ ở khoảng cách xa như vậy cũng đủ để chữa lành người đầy tớ đau ốm của ông. Với sự ngạc nhiên, Đức Chúa Giê-xu lưu ý rằng Ngài chưa bao giờ tìm thấy đức tin lớn như vậy giữa tuyến dân Y-sơ-ra-ên.

Vì vậy thành phố Ca-bê-na-um, với sự pha trộn giữa người Do Thái và Dân Ngoại, phục vụ tốt như một lời tiên đoán sống động về sự tạo dựng vương quốc Mê-si-a hầu đến. Một chiến binh La-mã đã xây dựng nhà hội cho người Do Thái bây giờ nhận được ơn phước từ quyền cai trị cứu rỗi của Đức Chúa Trời trên đất, và được hoan nghênh là người có đức tin lớn hơn bất cứ thành viên đang có nào trong tuyến dân cổ xưa này của Đức Chúa Trời.

Dù vậy với tất cả các đặc quyền chông chát lên thành phố duy nhất này, những lời than trách của Đấng Mê-si-a lại lên án cư dân của nó ([10:13-15](#)). Người ta có thể nghĩ rằng Ca-bê-na-um sẽ được “nhắc lên các tầng trời” để đối địch với Giê-ru-sa-lem trên trời vì nó được chấp nhận làm thành phố của chính Chúa Giê-xu. Nhưng không phải! Thay vào đó thành phố được ưu đãi này sẽ bị mang xuống các vực sâu. Đặc quyền không thể nào được sử dụng như một căn bản cho sự bảo đảm ơn phước. Thay vào đó, đặc quyền càng lớn trách nhiệm càng cao.

Sa-ma-ri [20]

Để nghiên cứu thêm về Sa-ma-ri, xin xem chương 8:

Sa-ma-ri đóng một vai trò quan trọng trong việc định hình đời sống và chức vụ của Đức Chúa Giê-xu: Vì tính lịch sử và địa lý độc đáo của nó, thị trấn này mãi mãi là một gương mẫu hoàn hảo về những người lân cận xem như xa lạ về mặt văn hoá:

Khi người Ba-bi-lôn hoàn tất việc tàn phá và lưu đày, họ tái định cư khu vực phía bắc Giê-ru-sa-lem với một hỗn hợp dân ngoại quốc ([IIVua 2V 17:24-40](#)). Những người này cuối cùng đã kết hôn qua lại với những người Do Thái không có tay nghề còn sót lại sống rải rác trong miền, và họ phát triển một nền văn hoá và tôn giáo pha tạp của riêng mình: Tác giả sách Các Vua ghi chú rằng “tổ phụ chúng nó làm thế nào, thì con cái cháu chắt chúng nó cũng hãy còn làm thế ấy cho đến ngày nay” ([17:41](#)). Ga-ri-xim trở thành núi thánh của họ, và dự định sẽ tiến đến chỗ trở thành quê nhà cho một đền thờ làm trung tâm thờ phượng, cạnh tranh với Giê-ru-sa-lem: Vì tất cả những lý do này người Sa-ma-ri bị khinh miệt và tránh né một cách thận trọng bởi người Do Thái: [21]

Hê-rốt đại đế xây dựng lại Sa-ma-ri theo kiểu La-mã vào thế kỷ thứ nhất T:C: Ông biến nó thành một nơi trung bày hoang phí cho bạn bè và vị bảo hộ Sê-sa Au-gut-

to, đặt tên lại là thành phố “Sebaste”, là từ Hi-lạp tương đương với chữ Au-gut-to: Những cuộc khai quật đã phát hiện ra một hội trường và pháp đình kiểu La-mã có niên đại vào thời Hê-rốt: Ngoài ra, Hê-rốt còn dựng lên một đền thờ lớn để tôn kính hoàng đế La-mã: Những kiến trúc này nằm ngay trên đỉnh các lâu đài thời các vua Y-sơ-ra-ên là những người đã cai trị tại Sa-ma-ri nhiều thế kỷ trước đó: Nhưng Đức Chúa Giê-xu từ khước bất cứ cái nhìn thành kiến nào, dù Ngài không ngần ngại sửa lại những lầm lỗi trong niềm tin và tập tục của người Sa-ma-ri. Ngài lấy chính mình để hoà nhập người Sa-ma-ri bình đẳng với người Do Thái trong vương quốc của Ngài. Ngược lại với phong tục thời đó, Ngài bắt chuyện với một người phụ nữ Sa-ma-ri tại một cái giếng bên ngoài thành phố chính của họ. Hành động này về phần Đức Chúa Giê-xu cuối cùng đem lại sự cải đạo cho một số người đàn ông Sa-ma-ri ([GiGa 4:7-9](#), [39-41](#)). Về sau Đức Chúa Giê-xu chữa lành một người cùi Sa-ma-ri cùng với chín người cùi Do Thái khác và nhấn mạnh đến sự kiện chỉ có người Sa-ma-ri này trở lại để cảm ơn Ngài ([LuLc 17:11-19](#)). Ngài kể câu chuyện về “người Sa-ma-ri nhơn lành” đã giúp đỡ một khách lạ bị thương ngay cả khi những “người thánh” Do Thái tránh ra chỗ khác ([10:29-37](#)). Ngài đều đặn đến các làng Sa-ma-ri để rao truyền Phúc Âm cứu rỗi. Dù bị họ từ khước tiếp đón khi Ngài quyết định đi thẳng về hướng Giê-ru-sa-lem, Đức Chúa Giê-xu thẳng thien vẫn xem người Sa-ma-ri bình đẳng với người Do Thái trong việc chia sẻ các ơn phước trong ngày Đức Thánh Linh giáng lâm ([9:51-56](#), [Cong Cv 1:8](#), [8:4-17](#)). Sa-ma-ri vẫn còn đóng một vai trò quan trọng trong các mục đích của Đức Chúa Trời, không phải trong một nhóm nhỏ của bộ tộc Sa-ma-ri cổ xưa vẫn còn tiếp tục tồn tại đến ngày nay, mà vì có liên quan đến nguyên tắc rao truyền Phúc Âm được thể hiện qua việc Đức Chúa Giê-xu chấp nhận họ. Sứ mạng của Đấng Christ luôn luôn bao gồm những người hàng xóm gần đó là những người có thể thuộc về một nhóm văn hoá khác biệt hoặc nói một ngôn ngữ khác biệt. Lời đề nghị rằng Phúc Âm sẽ chỉ được phổ biến hoặc chủ yếu được phổ biến cho các dân tộc thuần nhất cần phải được xem xét cẩn thận dưới ánh sáng chức vụ của Đức Chúa Giê-xu giữa người Sa-ma-ri.

Giê-ri-cô [22]

Để nghiên cứu thêm về Giê-ri-cô, xin xem chương 7:

Kể từ khi Phi-e-rơ xưng nhận rằng Giê-xu là Đấng Christ của Đức Chúa Trời, tại Sê-sa-rê Phi-líp, Đức Chúa Giê-xu đã lên đường hướng về Giê-ru-sa-lem ([LuLc 9:18-22](#), [Mat Mt 16:13-21](#)). Từ điểm cực bắc này trong chức vụ năng động của Ngài, Chúa Giê-xu quyết định lên đường xuyên qua vùng đất của Kinh Thánh hướng về điểm đến cuối cùng của Ngài. Một trong những trạm dừng chân sau cùng trước khi đến Giê-ru-sa-lem là Giê-ri-cô.

Khi viếng thăm Giê-ri-cô ngày nay, du khách có thể quan sát hai địa điểm dành cho thành phố này. Cách ngọn núi xưa khoảng một dặm là Giê-ri-cô của Tân Ước, được xây dựng làm thủ đô mùa đông của Hê-rốt đại đế (37-4 T.C). Giê-ri-cô có thể không được thú vị lắm trong mùa hè, với nhiệt độ lên đến 1200 F (gần 50oC).

Nhưng vào mùa đông, nó lại là một nơi tĩnh dưỡng lý tưởng khỏi cái lạnh cóng da của Giê-ru-sa-lem. Đúng với tâm tính của một vị vua có khát vọng trở thành một nhà xây dựng lớn hơn Sa-lô-môn, Hê-rốt dựng lên nhiều kiến trúc phức tạp bao gồm một lâu đài lộng lẫy, những toà nhà công cộng, và những vườn trũng dài đến 350 bộ (khoảng 320m). Nhiều biệt thự cũng được xây dựng bởi những nhân vật tai to mặt lớn những người cùng đi với Hê-rốt đến Giê-ri-cô khi thời tiết thích hợp. Trong chuyến đi cuối cùng xuyên qua Giê-ri-cô, Đức Chúa Giê-xu gặp hai người ăn xin mù đáng thương. Sự tồn tại của hai địa điểm cho Giê-ri-cô có thể giải quyết sự căng thẳng rõ ràng giữa bản tường thuật của một sách Phúc Âm mô tả Đức Chúa Giê-xu như đang đi ra khỏi và sách kia nói Ngài đang đi vào thành phố khi Ngài gặp những người mù này ([20:29](#), [LuLc 18:35](#)). Một người đàn đĩ tên là Ba-ti-mê không ngừng khuấy động sự yên tĩnh cho đến khi Đức Chúa Giê-xu dừng lại để chữa lành cho ông ([Mac Mc 10:46-52](#)).

Bây giờ Đức Chúa Giê-xu đang trên hành trình cuối cùng đến Giê-ru-sa-lem. Khi Ngài được chào đón nồng nhiệt bởi những khách hành hương xuôi qua thành Giê-ri-cô để dự lễ Vượt Qua tại Giê-ru-sa-lem, Đức Chúa Giê-xu chọn ra Xa-chê, một trong những người giàu có nhất thành phố. Trong dinh thự của con người trần tục bây giờ biết ăn năn về những hành vi bòn rút của mình, Đức Chúa Giê-xu ăn bữa tối vào cái ngày trước khi đi lên Giê-ru-sa-lem lần cuối để chịu đóng đinh trên cây thập tự ([LuLc 19:1-10](#)).

Ngay cả vào thời điểm muộn màng này trong cuộc đời Ngài, mối quan tâm chủ yếu của Chúa vẫn dành cho những người khác chứ không phải chính mình. Cả người nghèo Ba-ti-mê và người giàu Xa-chê đều là những người nhận được tình yêu thương vô biên mà Ngài dành cho mọi người thuộc mọi địa vị trong xã hội.

Giê-ru-sa-lem [23]

Để nghiên cứu thêm về Giê-ru-sa-lem, xin xem chương 6, 7, 8:
Chính Đức Chúa Trời, bằng Lời của Ngài, đã mô tả thành phố này là “Giê-ru-sa-lem, Ta đã đặt nó giữa các dân tộc, và các nước bao xung quanh nó” ([Exe Ed 5:5](#)). Bởi sự chỉ định của Đức Chúa Trời, thành phố Giê-ru-sa-lem được đặt làm tiêu điểm cho toàn thế giới. Và bây giờ khi Đức Chúa Giê-xu đến gần thành phố này lần cuối cùng, mọi thời đại quá khứ cũng lên đến đỉnh điểm của chúng. Đây là thời điểm mà nơi này được thăm viếng, và lẽ ra đã luôn được nhắc đến với lòng tôn quý và kính mến hơn bao giờ hết!

Ít có du khách nào đến với vùng đất của Kinh Thánh ngày nay có đủ sức chịu đựng để đi bộ từ Giê-ri-cô về Giê-ru-sa-lem, nhưng Đức Chúa Giê-xu đã làm điều đó. Ngài bắt đầu từ tám trăm bộ (khoảng 244 m) dưới mực nước biển và đi lên độ cao 2.400 bộ (khoảng 730 m) phía trên mực nước biển, một khoảng cách tổng cộng khoảng mười tám dặm (khoảng 29 km). Không ai đặt câu hỏi nào về tình trạng thể lực của con người Giê-xu. Ngài thật sự là “kiểu mẫu toàn hảo.”

Ngoài ra, rất ít du khách đến vùng này thấy được mình có thể duy trì các bước chân của Giê-xu trong tuần lễ cuối cùng của cuộc đời Ngài. Nghỉ lại hằng đêm tại Bê-tha-ny, phía bên kia núi Ô-liu, Ngài đi xuống và rồi đi lên các sườn dốc đứng dẫn đến khu vực đền thờ mỗi ngày ([Mat Mt 21:17](#), [LuLc 21:37](#)).

Nhưng điểm chính là gì? Tại sao Ngài để mình bị lộ diện như thế trước dân Do Thái vào những ngày này ngay trước lễ Vượt Qua? Trước đây Đức Chúa Giê-xu không đi lên Giê-ru-sa-lem bởi vì Ngài biết các nhà lãnh đạo của dân chúng đang tìm cách giết Ngài ([GiGa 7:1](#), [11:8](#)). Tại sao bây giờ Ngài tỏ bày chính mình cách công khai như vậy trước sự hiện diện của họ?

Câu trả lời là hiển nhiên, và nó được thể hiện dứt khoát khi những người Hi-lạp đến tìm Chúa tại Giê-ru-sa-lem trong tuần lễ cuối cùng của cuộc đời Ngài ([GiGa 12:20](#)). Nhiều lần Ngài đã tuyên bố. “Giờ ta chưa đến” ([2:4](#), [7:6](#), [8](#), [30](#), [8:20](#)).

Nhưng bây giờ Ngài phán. “Giờ đã đến, khi Con Người sẽ được vinh hiển” ([GiGa 12:23](#)). Giờ đã đến cho Ngài để được “cất lên” trong việc bị đóng đinh, phục sinh và thăng thiên ([12:32](#)). Do đó, con người từ mọi quốc gia sẽ được kéo đến bên Ngài. Ngài là Đấng Christ của vũ trụ, và toàn cõi vũ trụ sẽ chịu ảnh hưởng bởi việc Ngài được cất lên. Không chỉ từ giữa người Do Thái, nhưng từ giữa mọi quốc gia trên thế giới, những con người trải qua mọi thời đại và từ mọi lục địa sẽ được kéo đến với Ngài.

Việc Con Đức Chúa Trời được cất lên chỉ có thể xảy ra tại Giê-ru-sa-lem. Không

có nơi nào khác, không có thành phố nào khác có thể thay thế. Ngài phải đến với dân tộc giao ước của Đức Chúa Trời, và Ngài phải bị khước từ bởi dân tộc giao ước của Đức Chúa Trời. Chỉ khi ấy thì các mục đích và kế hoạch của Đức Chúa Trời mới thành hiện thực như được bày tỏ trải qua mọi thời đại.

Vì vậy tuần lễ cuối cùng của cuộc đời Ngài trên đất bắt đầu với “hành trình khai hoàn” vào Giê-ru-sa-lem. Chúa Giê-xu phải bị từ khước với tư cách không ai khác hơn là vua dân Do Thái. Cưỡi trên lưng một con lừa là phương tiện di chuyển của hoàng gia, Ngài đi vào thành phố được bao quanh bởi sự hoan nghênh vang dội của đám đông. Ngài đi lên thành cổ Giê-ru-sa-lem, như Sa-lô-môn đã đi trên con la của Đa-vít vào ngày đăng quang ([IVua 1V 1:38](#)). Bất chấp sự bất đồng của hầu hết các nhà lãnh đạo Y-sơ-ra-ên, Ngài được chào đón như là “Đấng đang đến” là Đấng mang sự cứu rỗi đến cho con dân của Đức Chúa Trời. Bước vào quảng trường rộng lớn trong đền thờ Hê-rôt, Đức Chúa Giê-xu thực thi thẩm quyền của Ngài với tư cách Con Đức Chúa Trời và đuổi hết mọi kẻ đối tiền sa đọa ra khỏi nhà của cha Ngài. [24]

Tàn tích vật thể của Giê-ru-sa-lem từ thời Đức Chúa Giê-xu rất phức tạp và đầy ấn tượng: Qua các bằng chứng khảo cổ, Hê-rôt đại đế của thế kỷ thứ nhất T:C có thể được nhìn nhận là nhà xây dựng lớn nhất trong lịch sử của vùng đất Kinh Thánh: Hê-rôt dựng lên một lâu đài đồ sộ gọi là Citadel, khoe khoang về một hệ thống phòng vệ tiên tiến: Ngoài ra, ông còn xây dựng pháo đài Antonia có bốn tháp, cũng như một đền thờ khang trang cho người Do Thái để thay thế cho kiến trúc sơ sài, xuống cấp thời hậu lưu đày: Một số các tầng đá Hê-rôt được dùng xây dựng sân đền thờ đo được đến ba mươi chín bộ (gần 12 m) và nặng tới một trăm tấn: Cổng HulDAH, được phát hiện ở phía nam của sân đền thờ, mở lối lên đỉnh núi: Đức Chúa Giê-xu và môn đồ Ngài hẳn đã vào khu vực đền thờ ngang qua các cổng này: Một lần nữa điểm chính được nhấn mạnh. “Mọi quốc gia, dân tộc” đều được bao gồm như nhau trong vương quốc của Ngài, và nhà cha Ngài phải đứng như một biểu tượng nghênh đón tất cả những ai kêu cầu danh Chúa.

Việc Đức Chúa Giê-xu đối đầu với các nhà lãnh đạo của dân chúng cứ tiếp diễn suốt cả tuần lễ, cho đến khi cuối cùng Ngài bị phản bội. Trên một phòng cao đầu đó trong thành phố này, Đức Chúa Giê-xu thiết lập giao ước mới, giao ước đỉnh điểm, giao ước cuối cùng, giao ước tối hậu với dân tộc được lựa chọn của Ngài. Lấy phần còn lại trong bữa ăn lễ Vượt Qua, Ngài thay thế thân Ngài và huyết Ngài một cách biểu tượng cho lễ vật là chiên con sinh tể. Đêm dài cuối cùng đã bắt đầu. Đó là một thời gian đui sức khi Ngài trắng đêm lần bước khỏi thành phố ngang qua khe Kit-rôn vào vườn Ghết-sê-ma-nê. Vào nửa đêm Ngài thông khổ một mình, bị bắt và bị đối xử tàn tệ. Trong khi trời vẫn còn tối, và vào những giây phút đầu tiên của buổi sáng, Ngài bị kéo lui kéo tới qua thành phố. Ngài trải qua sáu lần xét xử khác nhau, ba lần tôn giáo và ba lần dân sự. Phi-lát, nhà cầm quyền La-mã,

công khai tuyên bố không dưới ba lần rằng Ngài vô tội nhưng rồi lại giao Ngài để bị đánh đòn và đóng đinh.

Con đường Đấng Christ đi theo ngang dọc thành phố này vào đêm đó không thể tái tạo một cách chính xác được. Nó hẳn đã bắt đầu ở góc đông bắc của khu vực đền thờ tại pháo đài Antonia, rồi lui tới ngang qua thành phố từ nơi ở của Phi-lát đến toà Hê-rôt. Dù gì thì Ngài cũng đã kiệt sức vào sáng hôm sau nhưng vẫn phải mang cây thập tự của chính mình. Nhiều trong số mười bốn “trạm” truyền thống về cây thập tự mang tính truyền thuyết, nhưng vài trạm khác có thể dùng để nhắc nhở về những thống khổ Ngài chịu đựng suốt cả đêm dài đó. Ngài bị lên án và đánh đập, Ngài nhận lấy cây thập tự, Si-môn người Sy-ren vác lấy cây thập tự, Đức Chúa Giê-xu phán với những con gái thành Giê-ru-sa-lem, Ngài bị lột hết y phục, Ngài bị đóng đinh trên cây thập tự, Ngài chết trên cây thập tự, Ngài được hạ xuống khỏi cây thập tự, Ngài được đặt vào trong mộ.

Những nơi mà bây giờ được nhận diện là “Gordon’s Calvary”(Đồi đóng đinh Gordon) và “Gordon’s Tomb” (Phần Mộ Gordon) tỏ ra thương tâm, theo cách nhìn thẩm mỹ học, hơn là những địa bàn được đề nghị khác cho sự chết và sự chôn Chúa. Nhưng rất có thể những nơi xưa nay được chọn là nơi Đức Chúa Giê-xu bị đóng đinh và được chôn, đang là nơi có Nhà Thờ Ngôi Mộ Thánh vẫn thích hợp hơn. Constantine và mẹ ông bắt đầu xây dựng một nhà thờ tại địa điểm này vào năm 326 S.C. Bên trong nhà thờ như nó đứng ngày nay là một tảng đá đồ sộ hai tầng nhô lên từ một mỏ đá xưa nằm bên ngoài bức tường thành của thế kỷ thứ nhất. Từ thuở xa xưa nhất ngọn núi này đã được nhận diện là nơi đóng đinh trong Kinh Thánh. Một mô hình chi tiết của tảng đá đồ sộ này và vùng mỏ đá bao quanh có thể được nhìn thấy trong thành phố Giê-ru-sa-lem hiện đại. Nổi bật lên trong bối cảnh của thành phố có tường thành và đền thờ Hê-rôt của nó, tảng đá đồ sộ gọi là Calvary (Đồi Đóng Đinh) này đứng sừng sững như một hiện tượng tự nhiên cũng nổi bật như các kiến trúc khác trong vùng. Đó là tiêu điểm của lịch sử nhân loại, điểm nút của sự giải quyết thiên thượng đối với sự sa bại của con người, nơi có cây thập tự của Đức Chúa Giê-xu Christ. Tại nơi này, Con Đức Chúa Trời đã chịu dâng mình thay thế cho sự phán xét của sự chết mà tội nhân đáng phải chịu. Mọi con đường đều dẫn về nơi này. Ở đây hoặc là tội nhân sẽ xoay mặt đi trong sự vô tín và chuốc lấy hậu quả của chính tội lỗi mình, hoặc sẽ kêu xin ơn thương xót của Đức Chúa Trời để nhìn xem đời sống và sự chết của Con Đức Chúa Trời đã thay thế cho sự bất toàn của mình.

Ngay gần nơi này sự kiện của vũ trụ về sự phục sinh của Con Đức Chúa Trời cũng đã diễn ra, một sự kiện có ý nghĩa như sự sáng tạo thế giới. Vì là trái đầu mùa của một tạo vật mới, Đức Chúa Giê-xu Christ ra khỏi phần mộ với một loại thân thể khác hẳn, một thân thể dầm thấm bởi Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Thân thể mới này có thể được nhận diện, chạm đến, và nhìn thấy được; và dù vậy vẫn có thể đi qua các cửa đóng, xuất hiện và biến mất theo ý muốn. Trong khi có những đặc

tính của sự tồn tại thể xác, nó cũng dự phần trong bản chất rạch ròi của linh. Là người đầu tiên thuộc loại này, dạng thực tại mới này thật khó hiểu, vì sự giới hạn của hiểu biết và kinh nghiệm của con người. Dù vậy bởi đức tin ngày nay một người có thể dự phần vào quyền năng của sự sống mới này phát xuất từ Thánh Linh của Đức Chúa Trời.

Để biết được con đường sống mới này với Đức Chúa Trời, một người phải nhìn xem “Giê-ru-sa-lem trên cao”, nơi Đấng Christ phục sinh cai trị trên các thế lực trên trời và dưới đất. Đối với hiện tại, Giê-ru-sa-lem trên đất được con người biết đến cứ tiếp tục làm nô lệ với tất cả con cái của nó ([GaGl 4:25](#)). Quyền năng lưu xuất từ Giê-ru-sa-lem trên trời và vị vua phục sinh đang cai trị được phô bày ra vào ngày lễ Ngũ Tuần, năm mươi ngày sau bữa ăn lễ Vượt Qua cuối cùng của Chúa Giê-xu. Các môn đồ đã được dặn phải ở lại trong chính thành Giê-ru-sa-lem dưới đất này cho đến khi họ nhận được lời hứa của Cha. Chính trong khu vực đền thờ - có lẽ tại những bậc tam cấp rộng phía nam nhìn xuống thành Đa-vít xưa - mà sự thể hiện thấy được, nghe được đó của món quà Đức Thánh Linh đổ xuống trên các môn đồ nhóm lại. Mười hai người nhận được Đức Thánh Linh đầu tiên của kỷ nguyên mới của sự cứu chuộc ngay lập tức trở nên những phương tiện chuyển tải sự sống mới bắt nguồn từ Giê-ru-sa-lem trên trời. Y-sơ-ra-ên mới của Đức Chúa Trời được sinh ra trong một ngày, và chẳng bao lâu sau vương quốc toàn thế giới của Đấng Christ của vũ trụ bắt đầu lan rộng ra những vùng rộng lớn do con người thuộc mọi quốc gia chiếm giữ. Trong khi Giê-ru-sa-lem dưới đất này tiếp tục làm nô lệ cho niềm kiêu hãnh về ý thức thành công cá nhân của con người, thì Giê-ru-sa-lem trên cao sinh ra những người con tự do mới mẻ.

Sê-sa-rê

Sau khi mô tả thành phố Giê-ru-sa-lem và vai trò trung tâm của nó trong lịch sử cứu chuộc, việc cân nhắc đến bất cứ nơi nào khác đều có thể dường như phản lại đỉnh điểm. Nhưng từ khi Đấng Christ thăng thiên và tuôn đổ Thánh Linh từ địa vị mới của Ngài tại bên hữu Đức Chúa Cha, trung tâm hoạt động trong vương quốc của Đức Chúa Trời đã chuyển từ Giê-ru-sa-lem dưới đất lên Giê-ru-sa-lem trên trời. Từ góc nhìn này, bất cứ điểm nào trên đất được Thánh Linh đầy uy lực của Đấng Christ chạm đến đều mang một ý nghĩa chính yếu. Vì vậy nếu công tác lớn lao hơn của Đức Chúa Trời sẵn sàng xảy ra tại bất cứ nơi nào khác hơn thành Giê-ru-sa-lem dưới đất, thì nơi đó, dù bất kể là đâu, đều được nổi bật hơn rất nhiều. Một dấu hiệu trên lối vào khu vực đền thờ Giê-ru-sa-lem cấm mọi người Do Thái đi vào, vì sợ họ vô tình dẫm đạp lên nơi Chí Thánh. Chính vì chống lại sự hiểu nhầm này về bản chất của Đức Chúa Trời mà Ê-tiên bị ném đá. Ông tranh luận rằng Đức Chúa Trời không thể bị địa phương hoá, giới hạn lại trong Giê-ru-sa-lem, và rằng thành phố đó tự nó không có sự thánh khiết ([Cong Cv 7:48-53](#)). Vì lập luận này bị xem là một thứ tà giáo mà ông giết chết.

Hậu quả của sự khước từ chân lý này liên quan đến bản chất căn bản của Đức Chúa

Trời xuất hiện hầu như ngay lập tức và vẫn còn có thể cảm nhận được ngày hôm nay. Sự bách hại dấy lên sau vụ tuận đạo của Ê-tiên đã rải các tín hữu Cơ Đốc đầu tiên ra vượt quá các giới hạn của thành Giê-ru-sa-lem và vùng phụ cận. Mặc dù các sứ đồ vẫn còn ở lại Giê-ru-sa-lem, nhiều sứ giả của Phúc Âm cứu rỗi của Đức Chúa Trời đã chạy trốn khỏi thành phố. Mọi quốc tịch trên thế giới đều là người hưởng lợi, nhưng Y-sơ-ra-ên chịu khổ tạm thời và chịu hư mất đời đời. Trong thành phố Sê-sa-rê thuần túy La-mã, nằm trên bờ biển Địa Trung Hải về phía bắc thành phố Yafo hiện đại (Gióp-bê), một đội trưởng La-mã kính sợ Đức Chúa Trời tên là Cọt-nây sống với gia đình mình ([10:1-2](#)).

Chúa hiện ra trong một khái tượng cho người lính ngoại đạo thuộc đơn vị I-ta-li-a thiện chiến này. Một người tên là Phi-e-rơ phải đến gặp ông từ thị trấn duyên hải kế cận Gióp-bê. Trong khi đó sứ đồ Phi-e-rơ, do chức vụ lưu động đã đến khu vực này, đang được Chúa dạy dỗ về tình trạng mới của Dân Ngoại trong vương quốc của Đức Chúa Trời qua một khái tượng cho riêng ông. Theo lệnh truyền trực tiếp của Chúa, Phi-e-rơ làm theo lời thỉnh cầu của phái đoàn của viên đội trưởng và đi đến Sê-sa-rê. Khi ông công bố sự chết và sự phục sinh của Đức Chúa Giê-xu, Thánh Linh giáng xuống trên những người ngoại đang lắng nghe này như Ngài đã giáng trên người Do Thái vào ngày lễ Ngũ Tuần ([10:44-48](#)). Chưa bao giờ là một phần của dân Y-sơ-ra-ên dưới đất, Cọt-nây - cùng với tất cả gia đình và bạn bè mình - đều đã nhận được ơn phước tối hậu của Thánh Linh. Đức Chúa Trời đang phá vỡ các rào cản con người để tỏ bày quyền tể trị của Ngài trên mọi quốc gia. Ngày nay, những tàn tích của thành phố tráng lệ từng là Sê-sa-rê cổ kính này có thể được nhìn thấy. Một hải cảng nhân tạo tầm cỡ với các đê chắn sóng nhân tạo, một đền thờ, một lâu đài, một rạp hát, một trường đua ngựa, và một hệ thống ống dẫn nước phức tạp - cùng với những tàn tích của một thành phố thập tự chinh mở rộng - tất cả đều ở đó. Hê-rốt đại đế xây dựng thành phố này vào khoảng năm 22 T.C. theo khuôn mẫu của một thành phố La-mã và đặt tên nó theo tên Sê-sa Au-gut-tơ. Bôn-xơ Phi-lát sống tại đây, và một văn bia đã được tìm thấy tại địa điểm mang tên ông. Ở đây Chúa cũng tỏ ra ưu thế của Lời Ngài trên những lời công bố kiêu hãnh của các kẻ quyền cao chức trọng trên trần gian. Hê-rốt Ấc-ríp-ba, người mới đó đã phát động một cuộc bắt bớ Hội Thánh Cơ Đốc bằng cách chém đầu Gia-cơ anh của Giảng và bỏ tù Phi-e-rơ để làm vừa lòng người Do Thái, đến Sê-sa-rê trong một nỗ lực nhằm ổn định một cuộc tranh chấp giữa ông và dân thành Ty-ơ và Si-đôn ([12:1-4](#), [19-20](#)). Mặc hoàng bào lộng lẫy, Hê-rốt chấp nhận lời tung hô nịnh hót

của những người kẻ bợ đỡ khi ông đọc bài diễn văn. Do không dâng vinh hiển cho Đức Chúa Trời, nhà vua bị đánh chết ngay tại chỗ ([12:21-23](#)).

Nhưng Lời của Chúa tiếp tục tăng thêm và lan rộng ([12:24](#)). Quyền cai trị của Hê-rốt kết thúc cách bí thảm, nhưng quyền cai trị của vương quốc mới của Đấng Christ trải rộng từ Sê-sa-rê vẫn cứ tiếp tục thăng tiến khắp thế giới cho đến ngày nay.

Sứ đồ Phao-lô cũng đã có những cuộc chạm trán với các viên chức La-mã tại Sê-sa-rê. Khi một âm mưu chống lại mạng sống ông được khám phá trong lúc ông bị người La-mã quản thúc tại Giê-ru-sa-lem, viên đội trưởng chịu trách nhiệm ra lệnh cho một tiểu đoàn có bảy mươi kỵ binh và hai trăm bộ binh hộ tống Phao-lô đến chỗ an toàn tại Sê-sa-rê. Để vô hiệu hoá lời cam kết điên cuồng của hơn bốn mươi người thê không ăn cho đến khi họ đã giết được Phao-lô, đoàn quân này được lệnh rời khỏi Giê-ru-sa-lem lúc chín giờ tối hôm đó ([23:12-24](#)). Trong khi tại Sê-sa-rê, Phao-lô được gọi đến trước mặt các quan tổng đốc kế tiếp nhau là Phê-lít và Phê-tu cũng như trước mặt vua A-c-ri-p-ba. Trong mỗi trường hợp ông đều được yêu cầu đưa ra chứng cứ liên quan đến đức tin của mình ([24:1-26:31](#)). Mọi phiên toà quan trọng này đều được tổ chức trong thành Sê-sa-rê. Đến cuối cùng, sự trông cậy duy nhất của Phao-lô là thỉnh cầu đến La-mã. Nhưng trước khi ông rời khỏi Sê-sa-rê, ông đã nói những lời bất hủ, những lời còn lâu bền hơn nhiều so với mọi công trình kỷ niệm của các tổng đốc La-mã và Do Thái đang ngổn ngang quanh thành phố. Tôi vẫn gắng sức cho có lương tâm không trách móc trước mặt Đức Chúa Trời và trước mặt loài người ([24:16](#)).

Ấy vì sự sống lại của kẻ chết mà hôm nay tôi bị xử đoán trước mặt các ông ([24:21](#)).

Ví bằng tôi có tội hay là phạm điều gì đáng chết, thì tôi chẳng từ chối chết đâu. (Công Vụ 25:11;a)

Tôi kêu cầu sự đó đến Sê-sa ([25:11c](#))

Hiện nay tôi bị đoán xét, vì trông cậy lời Đức Chúa Trời đã hứa cùng tôi phụ chúng ta ([26:6](#))

Các ông há lại ngờ chẳng có thể tin được rằng Đức Chúa Trời khiến những kẻ chết sống lại sao? ([26:8](#))

Tôi chẳng hề dám chống cự với sự hiện thấy trên trời ([26:19](#))

Tôi còn sống đến ngày nay, làm chứng cho các kẻ lớn nhỏ ([26:22b](#))

Tôi không nói chi khác hơn là điều các nhà tiên tri và Môi-se đã nói sẽ đến, tức là Đấng Christ phải chịu thương khó, và bởi sự sống lại trước nhứt từ trong kẻ chết, phải rao truyền ánh sáng ra cho dân chúng và người ngoại. ([26:22](#), [23](#))

Cầu xin Đức Chúa Trời, chẳng kíp thì chầy, không những một mình vua, nhưng hết thảy mọi người nghe tôi hôm nay đều trở nên như tôi, chỉ trừ bỏ xiềng này thôi! ([26:29](#))

Chính qua những lời này, chứ không phải qua những đài kỷ niệm nhân tạo, mà

thành phố Sê-sa-rê tiếp tục gây ấn tượng trên lịch sử thế giới thậm chí cho đến ngày nay. Lời chứng của một sứ đồ cô đơn của Đức Chúa Giê-xu Christ đã chứng minh là có sức mạnh lớn hơn mọi danh vọng của các Sê-sa.

An-ti-ốt

Thành phố cuối cùng đáng được quan tâm đến lại nằm bên ngoài những bờ cõi tiêu chuẩn của vùng đất Kinh Thánh. Nhưng công tác tiếp diễn của Đức Chúa Trời trong thời đại các sứ đồ của Giê-xu khiến cho địa điểm xa xôi này thật sự có ý nghĩa bằng bất cứ nơi nào khác trong lịch sử Kinh Thánh. Thành An-ti-ốt này nằm trong xứ Sy-ri, cách Giê-ru-sa-lem hơn ba trăm dặm (hơn 480 km) về phía bắc. Địa điểm này như một tiêu điểm mới của vương quốc mở rộng của Đấng Mê-si-a thật sự rất đáng kể khi nghĩ đến việc Đức Chúa Giê-xu chỉ đi dọc theo bờ biển Địa Trung Hải đến Si-đôn mà thôi, nghĩa là ít hơn nửa đường đến An-ti-ốt. Ngay cả vương quốc của Sa-lô-môn lúc mở rộng nhất cũng không bao gồm vùng An-ti-ốt. Dù vậy thành phố này hiển nhiên trở thành một yếu tố quyết định trong quá trình phát triển vương quốc Cơ Đốc giáo. Lúc cuộc bách hại phát xuất từ sự tuần đạo của Ê-tiên, một số môn đồ đã chạy trốn đến tận An-ti-ốt. Những tín đồ bôn tẩu này có sáng kiến và bắt đầu nói cho những người Hi-lạp nghe Tin Lành của Chúa Giê-xu. Khi những báo cáo về sự cải đạo hàng loạt của Dân Ngoại tại An-ti-ốt được đưa về Giê-ru-sa-lem, Hội Thánh sai Ba-na-ba đi điều tra vấn đề. Việc ông đến đem lại nhiều người cải đạo hơn, nhiều đến nỗi họ phải xin sự giúp đỡ thêm từ Sau-lơ người Tạt-sơ. Ba-na-ba biết Phao-lô rất rõ, vì ông đã xác nhận Sau-lơ trước mặt các sứ đồ tại Giê-ru-sa-lem khi phần còn lại của các môn đồ không đồng ý cho ông gia nhập vào mối thông công vì sợ rằng ông không thật sự cải đạo (9:26-27). Không nghi ngờ gì Ba-na-ba đã nghe Phao-lô kể lại câu chuyện về sứ mạng của ông đối với Dân Ngoại nhiều lần rồi và đã chứng kiến kỹ năng của ông khi tranh luận với người Do Thái-Hi-lạp tại Giê-ru-sa-lem (9:15, 28-29). Trọn một năm, cặp nhân sự tuyệt vời này đã môn đệ hoá một lượng người rất lớn tại An-ti-ốt. Nhóm người cải đạo tăng trưởng mau lẹ này tạo ra một ấn tượng mạnh trên thành phố đến nỗi danh hiệu “Cơ-đốc nhân” được sử dụng tại An-ti-ốt lần đầu tiên để gọi các môn đồ của Giê-xu (11:19-26).

Những bằng chứng phụ thêm làm tăng cường sự thay đổi tại trung tâm trọng lực cho vương quốc Đức Chúa Trời trên đất. Một tiên tri tên là A-ga-bút đi gần năm trăm km từ Giê-ru-sa-lem đến An-ti-ốt để tiên đoán một nạn đói toàn cầu (11:27-30). Tại sao ông không hài lòng nếu chỉ trình bày tiên đoán của mình tại Giê-ru-sa-lem mà thôi? Rất có thể những lời này từ Chúa đến tại An-ti-ốt để những tín đồ mới, nhiệt thành này có thể giúp đỡ những Cơ-đốc nhân nghèo hơn đang chịu khổ tại Giê-ru-sa-lem. Nhưng điều đáng chú ý chẳng phải là sự giúp đỡ đến với Giê-ru-sa-lem thay vì đến từ Giê-ru-sa-lem hay sao?

Rồi đến lúc Thánh Linh huy động Hội Thánh này thành một lực lượng cho công tác truyền giáo đột nhập vào những khoảng trống mênh mông của thế giới dân

ngoại. Nhưng phương diện mới đầy kịch tính này trong cuộc sống của Hội Thánh Đấng Christ không phát xuất từ Giê-ru-sa-lem. Thay vào đó, chính tại những tiền đồn xa xôi của An-ti-ốt mà sức thúc đẩy đã đến. Thành lũy của Hội Thánh này dày thêm với các tiên tri, giáo sư, và mục sư đầy ơn. Khi họ đang thờ phượng và kiêng ăn, Thánh Linh chỉ dẫn Hội Thánh biệt riêng Phao-lô và Ba-na-ba cho công tác họ được bổ nhiệm để ra đi với Phúc Âm cho thế giới dân ngoại ([13:1-3](#)). Sau những lao động gian khổ nhưng hiệu quả trải qua vùng Tiểu Á, đội truyền giáo đầu tiên không trở về Giê-ru-sa-lem nhưng trở về An-ti-ốt, nhóm họp Hội Thánh lại, và báo cáo đầy đủ về mọi điều Đức Chúa Trời đã làm qua họ, giải thích phương cách Ngài đã mở cửa đức tin cho Dân Ngoại ([14:26-28](#)).

Không phải An-ti-ốt thực sự lấy mất chỗ của Giê-ru-sa-lem. Nhưng An-ti-ốt đứng chung với Giê-ru-sa-lem giữa nhiều nơi khác như những trung tâm quan trọng mà từ đó quyền năng của vương quốc Đấng Christ toả ra. Ê-phê-sô, Cô-rinh-tô, Phi-lip, La-mã - tất cả những cộng đồng quốc tế trên đất này làm những trung tâm về tinh để rao truyền Tin Lành về vương quốc giao ước mới đầy ân điển của Đức Chúa Trời. “Rượu mới” của Phúc Âm giao ước mới và phạm vi toàn cầu của nó không thể chứa trong những “bầu da cũ” của những cơ chế vương quốc biểu tượng, giới hạn của cộng đồng giao ước cũ. Giê-ru-sa-lem của giao ước cũ phục vụ tốt trong thời của nó như là bóng và kiểu của thực tại giao ước mới bây giờ đã được thay thế bởi thực tại của Giê-ru-sa-lem ở trên trời, là nơi Đấng Christ phục sinh tiếp tục cai trị trên cả trời và đất. Người thờ phượng ngày nay đến gần một núi Si-ôn khác, đến Giê-ru-sa-lem ở trên trời là nơi các thánh đồ và thiên sứ họp lại để liên tục ca ngợi Đức Chúa Trời về sự cứu chuộc bởi Đấng Christ ([HeDt 12:22](#)). Dù vậy không được kết luận rằng Giê-ru-sa-lem trong vùng đất của Kinh Thánh đã mất hết mọi vai trò trong các mục đích và kế hoạch của Đức Chúa Trời. Không chỉ ở An-ti-ốt mà còn ở những nơi xa xôi hơn của Hội Thánh Đấng Christ, một mối quan tâm rõ ràng được bày tỏ cho những thánh đồ chịu khổ tại Giê-ru-sa-lem ([II Co 2Cr 8:1-4](#), [RoRm 15:25-26](#)). Một mối dây thông công cụ thể được duy trì liên tục giữa các thánh đồ của Đức Chúa Trời rải rác khắp đế quốc La-mã và những thánh đồ bị bách hại tại Giê-ru-sa-lem. Trải qua các thời đại, Hội Thánh phổ quát của Đấng Christ đã chứng minh mối quan tâm của nó trên thành phố này, vùng đất này, dân tộc này.

Nhưng bây giờ câu hỏi cuối cùng phải được nêu lên. Vùng đất của Kinh Thánh ngày nay phải được xem xét như thế nào? Cơ-độc nhân ở nhiều nơi trên thế giới nên có thái độ nào đối với nơi này là chỗ đã từng đóng một vai trò nổi bật như thế trong lịch sử của con dân Đức Chúa Trời trải qua các thời đại? Một số câu trả lời đã được đưa ra cho câu hỏi cốt yếu này, và mỗi góc nhìn khác nhau này cần được cân nhắc kỹ lưỡng.

Các góc nhìn tương phản về Xứ Thánh

Nhiều góc nhìn khác nhau lên vùng đất của Kinh Thánh đã phát sinh trong tiến trình của lịch sử. Bằng nhiều cách, những quan điểm khác nhau về vùng đất hiển nhiên thuộc về thời đại mà trong đó chúng phát triển. Tuy vậy, những yếu tố cơ bản của những cách nhìn khác nhau này thực ra đều đã hiện diện trong mọi kỷ nguyên loài người và ngày nay cũng vẫn hiện diện như lúc chúng được thiết lập từ nguyên thủy. Năm góc nhìn lên vùng đất của Kinh Thánh cần được chú ý đặc biệt.

Năm góc nhìn về Xứ Thánh

Góc nhìn Thập Tự Chinh

Năng lực tiêu phí và máu đổ ra bởi góc nhìn Thập Tự Chinh lên Palestine hầu như không đo lường được. Gần một ngàn năm sau các cuộc thập tự chinh lầm lẫn với những nỗ lực vô ích để giành Palestine lại cho Cơ Đốc giáo, vùng đất vẫn còn mang những vết sẹo trên mình bởi sự hiện diện của chúng. Du khách có thể thấy những tàn tích về các bức tường, lâu đài, nhà thờ, và thành phố nhô lên từ bề mặt của vùng đất ở bất cứ nơi nào. Tại Sê-sa-rê, một đường hào và pháo đài còn lại. Với một quang cảnh hùng vĩ nhìn qua thung lũng sông Giô-đanh, những tàn tích đầy ấn tượng của pháo đài Belvoir vẫn còn đứng đó. Pháo đài quan trọng này chống cự được một cuộc bao vây bốn năm gần cuối thế kỷ thứ mười hai trước khi nó sụp đổ dưới tay Saladin. Tường ngoài của một lâu đài Thập Tự Chinh đầy kịch tính chiếm lấy đỉnh của một ngọn núi trên đường đến đỉnh núi phủ tuyết Hết-môn, và tàn tích của một điểm khác nằm ngay nửa đường từ Giê-ri-cô đến Giê-ru-sa-lem. Chính tại Giê-ru-sa-lem, phần lớn những bức tường thành có niên đại lui đến thời Thập Tự Chinh.

Vậy điều gì đã xui khiến việc hi sinh to lớn sinh mạng, tàn phế chi thể, tài sản và gia đình thế này? Hiển nhiên động cơ hẳn đã bị pha trộn. Nhưng lập luận ủng hộ cho toàn bộ nỗ lực này là quan điểm cho rằng vùng đất này là thánh và vì vậy không thể để nằm trong tay một cộng đồng Hồi Giáo. Để bảo vệ sự linh thiêng của nó, vùng đất thánh này phải được giặt lại khỏi những kẻ vô đạo (infidels) bằng bất cứ giá nào.

Ngày nay ít ai tuyên bố rằng họ có cùng quan điểm về vùng đất của Kinh Thánh với góc nhìn của đoàn Thập Tự quân. Dù vậy người ta tự hỏi, chẳng phải cái danh hiệu phổ thông “Thánh Địa” của vùng đất này bị vấy bẩn bởi quan điểm lệch lạc của những đoàn Thập Tự Chinh sao? Vậy thì điều gì đã khiến vùng đất này “thánh” trong tâm trí khá nhiều người như thế? Khi nào “Vinh Quang”, Shekinah, còn ngự trong đền thờ Giê-ru-sa-lem, thì vùng đất còn được làm nên thánh bởi sự hiện diện đặc biệt của Đức Chúa Trời. Nhưng sự ra đi của “Vinh Quang” có nghĩa rằng sự thánh khiết của vùng đất, sự thánh hoá nhờ sự hiện diện ngự trị của Đức Chúa Trời dành cho nó, không còn nữa. Giống như bụi gai cháy trong hoang mạc thánh hoá vùng đất chung quanh nó chỉ khi nào vinh quang của Đức Chúa Trời còn

ở đó, vì vậy vùng đất này chỉ là “thánh” khi nào Đức Chúa Trời còn hiện diện độc nhất vô nhị ở đó.

Thật vậy, nhiều người có thể khẳng định rằng họ cảm thấy một sự gần gũi đặc biệt với Đức Chúa Trời khi “ngày nay họ dạo bước tại nơi Đức Chúa Giê-xu đã từng dạo bước.” Nhưng cảm xúc của con người không thể đem đánh đồng quá giản đơn như thế với quyết định thiên thượng. Trên thực tế, lời dạy dỗ cụ thể của Đức Chúa Giê-xu rằng giờ sẽ đến khi sự hiện diện của Đức Chúa Trời thánh khiết sẽ được tìm thấy không phải tại Giê-ru-sa-lem cũng không phải trên núi Sa-ma-ri, nhưng bất cứ nơi nào Ngài được thờ phượng bằng tâm thần và chân lý ([GiGa 4:21, 23](#)). Địa bàn vật chất chỉ không đủ khả năng giữ lại sự thánh khiết thiên thượng.

Góc nhìn Thập Tự Chinh trên vùng đất Kinh Thánh dẫn nhiều người có thiện chí đi sai lạc trong nhiều thế kỷ. Nó khiến vô số gia đình mất chồng, mất con, mất gia tài, và mất cả tương lai của họ nữa. Cùng một lòng nhiệt thành bị dẫn dắt sai lầm như thế có lẽ không đặc trưng cho những người ngày nay nghĩ về Palestine như là “Thánh Địa.” Nhưng quan điểm này có thể dẫn dắt sai lạc nghiêm trọng và thay thế một dạng thờ phượng sai lầm thay cho sự thờ phượng thật. Thay vì chấp nhận lời dạy dỗ của Kinh Thánh rằng bất cứ địa điểm nào cũng có thể trở nên nơi chí thánh trên đất nếu Đức Chúa Trời chân thật duy nhất được thờ phượng qua Đức Chúa Giê-xu Christ tại địa điểm đó, vùng đất của Kinh Thánh lại được lãng mạn hoá đến nỗi người ta giả định rằng nếu họ có mặt tại đó họ sẽ nhận biết Đức Chúa Trời với quyền năng và chân lý đặc biệt.

Góc nhìn Hành Hương

Trải qua mọi thời đại, người ta đã cảm nhận một sự thôi thúc tìm về vùng đất của Kinh Thánh. Hầu hết các cá nhân thực hiện chuyến đi này bởi vì họ tự nhiên liên kết vùng đất với các sự kiện được ghi lại trong Kinh Thánh. Nhưng xuyên suốt lịch sử, động cơ của nhiều người đã là một ý thức muốn giành công đức với Đức Chúa Trời. Ngay cả trong thế kỷ thứ hai mươi, nhiều Cơ-độc nhân danh nghĩa đã đi nửa vòng trái đất để được “báp-têm lại” dưới sông Giô-đanh, vì họ cho rằng bằng một cách nào đó dòng nước này có một khả năng làm sạch tội lỗi lớn hơn bất cứ dòng nước nào khác. Và dù vậy một phiên bản tế nhị hơn của cùng quan điểm này giả định rằng một chuyến hành hương đến vùng đất Kinh Thánh sẽ cất bỏ được sương mù trong linh hồn và đem lại một khái tượng rõ ràng về thân vị của Đấng Christ. Nhưng Kinh Thánh không đưa ra ơn phước đặc biệt nào cho tội nhân nhờ vào việc người ấy đi đến một nơi cụ thể nào đó. Chỉ có đức tin nơi sự hi sinh của Con Đức Chúa Trời mới có thể mang hoà bình đến giữa Đức Chúa Trời và con người, và đức tin này có thể được thực hành như nhau từ bất cứ nơi nào trên thế giới. Quan điểm này thật sự khơi lên mối nghi ngờ về tính chất đầy trọn của sự hi sinh của Đức Chúa Giê-xu Christ khi đề nghị rằng một sự tái định vị vật lý nào đó của tội nhân sẽ đóng góp vào việc khôi phục mối thông công của người ấy với Đức Chúa Trời.

Góc nhìn Si-ôn-nít

Sự hồi sinh của quốc gia Y-sơ-ra-ên năm 1948 đã nhen lại niềm tin trong nhiều người Do Thái và Cơ-đốc nhân rằng vùng đất Palestine mãi mãi thuộc về dân tộc Do Thái, và rằng tất cả vùng đất này sẽ được trả lại cho họ với tư cách chủ nhân hợp pháp của nó. Trên căn bản lời hứa ban cho Áp-ra-ham rằng vùng đất thuộc về ông và dòng dõi ông mãi mãi, người ta đã kết luận rằng toàn bộ vùng đất của Kinh Thánh không thể đảo ngược được giao phó cho dân tộc Y-sơ-ra-ên. Quan điểm này đã nhận được sự hậu thuẫn mạnh mẽ kể từ khi kết thúc chiến tranh thế giới lần thứ hai. Sau khi chứng kiến vụ diệt chủng (the Holocaust) khiến sáu triệu người Do Thái bỏ mạng bởi “giải pháp cuối cùng” của Adolf Hitler cho “nan đề” người Do Thái, các nước phương tây đã thông cảm với quan niệm về một quê nhà cho người Do Thái. Những sự gợi ý sớm hơn đề nghị lấy Uganda, giữa nhiều nơi khác, làm một địa bàn khả dĩ để tái định cư người Do Thái. Nhưng đến cuối cùng, mọi sự đều chỉ hướng về vùng đất của tổ tiên họ. Ban đầu chỉ là những đợt người ít ỏi chống lại sự đối kháng vũ trang nhưng rồi hàng ngàn, hàng vạn người Do Thái từ mọi miền thế giới đổ về vùng đất của Kinh Thánh. Du khách ngày nay chỉ có thể kinh ngạc trước sự cương quyết của những người này là những người đã trở về vùng đất. Trên đỉnh của các ngọn núi mờ ảo, giữa các sa mạc khô cằn, tận trên những chung cư cao tầng, giữa những người Do Thái khác chẳng hiểu được tiếng nói của nhau, người Do Thái Ê-thi-ô-pi, người Do Thái Nga, người Do Thái Ma-rốc, người Do Thái Anh, Ca-na-đa, và Tây Ban Nha cùng sống với nhau. Bất chấp sự phê phán và phàn nàn của thế giới, dân Do Thái cứ tiếp tục giành vùng đất này cho riêng họ.

Nhưng theo ý nghĩa nào mà vùng đất này, toàn bộ vùng đất của Kinh Thánh, là tài sản của người Do Thái bởi quyền của sự ban cho và giao ước thiên thượng? Ngày nay câu hỏi này được trả lời bằng nhiều cách khác nhau ngay cả giữa chính những người Do Thái. Một số người trong những người Hasidim (những người Do Thái chính thống nhiệt thành nhất) khẳng định rằng, bởi giao ước với Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời đã ban toàn bộ vùng đất này cho dòng dõi của Áp-ra-ham mãi mãi. Những người khác khiêm nhường hơn trong khi viện đến lời hứa ban cho các vị tổ phụ. Đối với họ lời hứa của Chúa bảo đảm một quyền sở hữu nhất định cho quốc gia Do Thái ngày nay, mặc dù lời tuyên bố của họ không loại trừ khả năng thoả hiệp chính trị.

Dĩ nhiên có vấn đề khó khăn, không giải quyết được liên quan đến việc nhận diện một “người Do Thái.” Vì như một nhà giải kinh người Do Thái khi giải nghĩa sách Sáng Thế Ký đã nhận định rằng dân tộc “Do Thái” không bao giờ biết đến “sự thuần chủng huyết thống” (Jacob 1974, 233). Kể từ thời Đức Chúa Trời thiết lập giao ước với Áp-ra-ham, bất cứ Dân Ngoại nào đều có thể trở thành một người Do Thái chính thức bằng cách xưng nhận Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham và, trong trường hợp của người đàn ông, phải được cắt bì ([SaSt 17:12-13](#)). Lời định nghĩa

chiếm ưu thế về một người Do Thái là bất cứ ai có một người mẹ Do Thái đều có thể đòi hỏi một chức năng nào đó. Nhưng kể từ thời Áp-ra-ham, một người mẹ “Do Thái” có lẽ chẳng có một giọt máu nào của Áp-ra-ham chảy xuyên qua huyết quản bà ta cả. Địa vị của Ra-háp người Ca-na-an và Ru-tơ người Mô-áp trong dòng dõi đáng tôn kính của vương triều Đa-vít khiến cho điểm này càng trở nên nhạy cảm hơn ([Gios Gs 5:25](#), [Ru R 4:13-17](#), [Mat Mt 1:5](#)).

Nhưng nếu bất cứ một người Dân Ngoại nào cũng có thể trở nên một người thừa kế các lời hứa của Áp-ra-ham mà không cần có mối liên hệ tổ tiên nào với dân tộc Do Thái, thì tiêu chuẩn về quyền thừa hưởng đất hứa không thể mang tính chủng tộc được. Thật không đúng với những lời dạy dỗ của Kinh Thánh khi nói đơn giản rằng những dòng dõi thuộc chủng tộc của Áp-ra-ham mới là những người thừa kế hợp pháp của vùng đất Palestine, vì thuật ngữ “Do Thái” trên thực tế không thể bị giới hạn vào các phạm trù chủng tộc.

Bài trắc nghiệm “tôn giáo” cũng tỏ ra không đầy đủ trong việc quyết định ai là một người Do Thái, ngay cả từ một góc nhìn Do Thái. Nhiều người Do Thái trong vùng đất Palestine ngày nay là vô thần, chủ trương bất khả tri, và thậm chí chống đối tôn giáo trong tình cảm cá nhân của họ. Dù vậy họ vẫn được thừa nhận bởi nhà nước Do Thái là “người Do Thái.” Do đó, sự trung thành với Do Thái giáo sẽ không được chấp nhận bởi chính người Do Thái như là phạm trù thích hợp để quyết định ai là người thừa kế các lời hứa của vùng đất.

Câu hỏi này cũng khó trả lời từ một góc nhìn Cơ Đốc giáo. Sứ đồ Phao-lô, được nhìn nhận trong thời ông là một “người Hê-bơ-rơ con của người Hê-bơ-rơ” ([Phi Pl 3:5](#)), tuyên bố: “người nào chỉ bề ngoài là người Do Thái, thì không phải là người Do Thái” ([RoRm 2:28](#)). Chỉ có con người có tấm lòng biến cải mới có thể được gọi một cách hợp pháp là người Do Thái ([2:29](#)). Điểm chính ở đây hầu như khó có thể được nhấn mạnh hơn nữa. Nếu quyền thừa kế vùng đất gắn liền với việc làm một người Do Thái, và tính cách Do Thái thật đòi hỏi sự đổi mới của tấm lòng, thì bất cứ ai không có sự thay đổi trong lòng cách tự động đều bị loại trừ khỏi quyền thừa kế các lời hứa của Đức Chúa Trời. Ngược lại, mọi người Dân Ngoại đã được biến cải đều đã trở nên một đồng công dân, một người chia phần, một người đồng kế tự các lời hứa của Đức Chúa Trời cùng với những tín hữu Do Thái trong Đức Chúa Giê-xu ([Eph Ep 2:19, 3:6](#)). “Vi, ấy chính chúng ta là kẻ chịu cắt bì thật, là kẻ cậy Thánh Linh Đức Chúa Trời mà hầu việc Đức Chúa Trời, khoe mình trong Đấng Christ, và không để lòng tin cậy trong xác thịt bao giờ” ([Phi Pl 3:3](#)). Bất cứ các lời hứa của Đức Chúa Trời cho dân Y-sơ-ra-ên là thể nào, bây giờ chúng đều thuộc về mọi người có tấm lòng đổi mới, dù bối cảnh họ là người Do Thái hay Dân Ngoại. Chủ nghĩa Si-ôn, dù dưới dạng Do Thái hay Cơ Đốc, đều có khuynh hướng che khuất những cân nhắc này về quyền thừa kế lời hứa cho Áp-ra-ham liên quan đến vùng đất. Người ta đã giả định rằng lời hứa này được Đức Chúa Trời chuyển thẳng cho một chủng tộc gọi là Do Thái, trong khi không nhận ra được rằng tổ phụ không

bao giờ tự xác nhận những người thừa kế các lời hứa cho Áp-ra-ham. Trải qua các thời đại, “Dân Ngoại” có thể trở nên “người Do Thái” bằng cách xưng nhận đức tin nơi Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Cùng lúc đó, “người Do Thái” có thể bị loại trừ khỏi sản nghiệp từ các lời hứa của Đức Chúa Trời và bị đuổi ra khỏi chính vùng đất đó nếu đức tin họ lằm lạc, không trung tín với Đức Chúa Trời của tổ phụ. Hai lần phải bị lưu đày hàng loạt ra khỏi vùng đất thánh đã chứng minh cho điểm này.

Góc nhìn Thiên Hi Niên

Đồng hành với chủ nghĩa Si-ôn Do Thái là góc nhìn Thiên hi niên Cơ Đốc về những triển vọng tương lai cho vùng đất của Kinh Thánh. Một trong những dạng thức cổ điển của quan điểm này, với niềm tin trọn vẹn vào các lời hứa dành cho Y-sơ-ra-ên, nhìn thấy rằng trong một ngày sắp đến Đức Chúa Trời sẽ khôi phục người Do Thái về Palestine và thiết lập một vương quốc Do Thái trên đất dưới quyền trị vì của Đấng Mê-si-a. Người ta cho rằng vương quốc phổ quát này lấy Giê-ru-sa-lem làm thủ đô sẽ được đặc trưng bởi một nền hoà bình lâu bền. Để làm ứng nghiệm lời tiên tri trong [Thi Tv 2:1-12](#), Chúa Hoà Bình sẽ cai trị các quốc gia với một cây gậy sắt, nhanh chóng hàng phục mọi nỗ lực lật đổ quyền cai trị công chính của Ngài. Trên cơ sở [KhKh 20:1-22](#), người ta hiểu rằng vương quốc vĩ đại này sẽ kéo dài một ngàn năm, và vì vậy nó được gọi là vương quốc “thiên hi niên.” Dù rất đa dạng trong quan điểm có liên quan đến chuỗi các biến cố chung quanh vương quốc Mê-si-a trên đất này, tiền đề căn bản vẫn giống nhau. Đấng Mê-si-a sẽ đến, và trong một ngàn năm Ngài sẽ thiết lập một nền trị vì thái bình trong một vương quốc Do Thái được khôi phục với Giê-ru-sa-lem là trung tâm trong vùng đất Y-sơ-ra-ên.

Hậu thuẫn quan trọng cho luận điểm đã được tìm thấy trong ngôn ngữ của Kinh Thánh Cựu Ước, liên tục nói về sự khôi phục Y-sơ-ra-ên về vùng đất của họ sau thời lưu đày. Ngôn ngữ này rất dứt khoát trong việc mô tả việc tái thiết tường thành, trồng các vườn nho, thống nhất vương quốc phía bắc với vương quốc phía nam, và đặt Đa-vít trên ngôi mình tại Giê-ru-sa-lem. Sự ủng hộ cũng có thể được trích dẫn trong sự xác quyết của lời mô tả trong [20:1-22](#) và lời ám chỉ rằng Đấng Christ sẽ đánh bại Sa-tan trong thời kỳ một ngàn năm, sau đó nó sẽ được thả ra một thời gian ngắn. Bởi tính chất xác định rõ ràng của những lời khẳng định này trong Kinh Thánh, người ta có thể giả định rằng quan điểm sẽ tiếp tục được ủng hộ bởi một số lớn các học giả Tin lành tin tưởng vào tính vô ngộ và không sai dòi của Lời Đức Chúa Trời.

Tuy nhiên có một số nan đề căn bản cho quan điểm này cần phải được chú ý.

Trước hết, họ giả định rằng Đức Chúa Trời tiếp tục xem những tín hữu Do Thái của giao ước mới khác biệt với những tín hữu dân ngoại. Vì một trong những sứ điệp trung tâm của Kinh Thánh Tân Ước là việc phá vỡ “bức tường ngăn cách” trước đây vốn phân biệt người Do Thái với Dân Ngoại ([Eph Ep 2:11-14](#)). Khởi nguồn của sự trông mong này liên quan đến việc kết thúc sự phân biệt giữa tín hữu

Do Thái và tín hữu dân ngoại bắt nguồn sâu xa trong chính Cựu Ước. Rốt lại, trước khi được kêu gọi, Áp-ra-ham cũng chỉ là một “Dân Ngoại” mà thôi, một người thờ hình tượng nằm phía bên kia sông ([Gios Gs 24:2-3](#)). Sự kêu gọi căn bản của ông không khác gì so với sự kêu gọi của bất cứ người “Dân Ngoại” nào ngày nay được kêu gọi ra khỏi tối tăm vào nơi ánh sáng vinh quang của Con Đức Chúa Trời. Ngay cả trước khi có bất cứ quốc gia “Do Thái” nào tồn tại, Đức Chúa Trời đã định dứt khoát rằng dân được lựa chọn của Ngài sẽ bao gồm dòng dõi của Áp-ra-ham và “những người ngoại quốc” là những Dân Ngoại ([SaSt 17:12-13](#)). Liên tục các tiên tri của Y-sơ-ra-ên nhấn mạnh đến điểm chính rằng vinh dự đồng đều phải được ban cho mọi thành viên của vương quốc Đức Chúa Trời, dù là người Do Thái hay Dân Ngoại. Tiên tri Ê-sai thậm chí còn đặt Y-sơ-ra-ên đứng thứ ba sau Ai Cập và A-sy-ri như là con dân Đức Chúa Trời ([EsIs 19:24-25](#)). Trong một sự soi sáng mang tính tiên tri rất ấn tượng, dòng dõi của Ê-sau được tuyên bố ở giữa các quốc gia sẽ mang danh Đức Chúa Trời, cho thấy rằng họ sẽ trở thành những người sở hữu chính yếu của các lời hứa mà trước hết được ban cho Gia-cốp yêu dấu ([AmAm 9:11-12](#)).

Những cân nhắc này của cả Cựu Ước lẫn Tân Ước khiến cho quan niệm về một sự nổi trội tương lai cho các tín hữu “Do Thái” trong mối liên hệ với những đồng nhiệm “dân ngoại” của họ thật khó hiểu. Mặc dù hầu hết những người theo thuyết thiên hi niên đều công khai chỉ trích bất cứ quyền công dân loại hai nào dành cho tín hữu dân ngoại, ý tưởng về một sản nghiệp tương lai dành cho tín hữu Do Thái bằng một cách nào đó không được chia sẻ đồng đều với các anh em dân ngoại của họ, đi ngược hẳn lại với hàng thế kỷ khai thị của Kinh Thánh. Có thật sự phải giả định rằng “bức tường phân cách” vẫn còn tồn tại trong tâm trí của Đức Chúa Trời, và phải được dựng lại hay không? Dù vậy, ngoài một số trông mong về một sự ứng nghiệm địa lý của các lời hứa độc đáo dành cho người Do Thái, toàn bộ ý tưởng về một vương quốc thiên hi niên tương lai đánh mất quan điểm của chính nó.

Một vấn đề có tầm quan trọng nữa phải giải quyết về bản chất của các lời tiên tri liên quan đến sự khôi phục vùng đất. Không được quên rằng Y-sơ-ra-ên với tư cách một quốc gia thật sự đã được “khôi phục về vùng đất” sau bảy mươi năm lưu đày, như Giê-rê-mi đã tiên đoán ([Gie Gr 29:10](#)). Sự kiện rằng sự khôi phục này đã không đáp ứng được vẻ huy hoàng đã được tiên đoán bởi các tiên tri chỉ nhằm hướng đến một sự ứng nghiệm vượt quá bất cứ điều gì có thể thành hiện thực trong thế giới này. Khải tượng của Ê-xê-chi-ên về sự khôi phục phát xuất từ một bối cảnh dự đoán sự chuyển hoá hoàn toàn về bản chất bởi sự phục sinh từ cõi chết ([Exe Ed 37:11-14](#)). Trên đất, những sự cải tiến tạm thời cho tình trạng hiện tại của thế giới sẽ không đáp ứng được những trông mong được tạo ra bởi các lời tiên tri cũ và mới. Sự mô tả thành Giê-ru-sa-lem được phục hồi trong những lời tiên tri này dự đoán một “Giê-ru-sa-lem Mới” đến từ trời và sẽ tồn tại cho cõi đời đời, không phải là sự cung ứng tạm thời chỉ một ngàn năm. Dòng nước chảy ra khỏi

đền thờ của Ê-xê-chi-ên có quyền năng làm ngọt Biển Chết và khiến nó đầy những cá ([47:6-12](#)). Chẳng phải lời mô tả này là một bức tranh về vùng đất của Kinh Thánh phá vỡ các xiềng xích của thời gian và không gian như chúng ta biết, và tiên đoán về sự sáng tạo mới mà trong đó sự công bình và phước hạnh ngự trị mãi mãi sao ([KhKh 22:1-2](#))?

Góc nhìn thiên hi niên trên vùng đất Kinh Thánh tôn trọng Phúc Âm của Đấng Christ bằng cách kêu gọi các Cơ-đốc nhân ngày nay nhận lấy trách nhiệm nghiêm túc nhất trong việc rao truyền Phúc Âm cho người Do Thái cũng như cho Dân Ngoại. Vì “Đức Chúa Trời chẳng từ bỏ dân Ngài đã biết trước” ([RoRm 11:1-2](#)). Luôn luôn như vậy, trong mọi thế hệ, một số tín hữu Do Thái đáng kể sẽ được ghép trở lại vào dân Y-sơ-ra-ên thật của Đức Chúa Trời. Tuy vậy quan điểm thiên hi niên cũng có bất lợi khi tạo ra một sự trông đợi về một sự giải quyết rạch ròi của Đức Chúa Trời đối với người Do Thái mà theo đó vùng đất sẽ là của họ chứ không thuộc về các tín hữu dân ngoại theo một nghĩa nào đó.

Góc nhìn Đồi Mới

Từ đầu công trình nghiên cứu này đã đề xuất ý niệm về “vùng đất” xuất hiện trong các mục đích của Đức Chúa Trời với kinh nghiệm của con người về Địa đàng.

“Vùng đất” ơn phước vào lúc sáng tạo là vũ trụ, là toàn thể vũ trụ. Tại địa đàng, con người như được tạo dựng lúc nguyên thủy vui hưởng những ơn phước của đất đai được ban cho một cách đầy ân điển bởi Đấng Tạo Hoá mình.

Một góc nhìn đổi mới một lần nữa nhìn vào địa đàng với ý nghĩa tối hậu của “đất.” Đối với Y-sơ-ra-ên, một vùng đất “đượm sữa và mật” được hứa, nhưng Ca-na-an khó lòng đáp ứng được những trông đợi này về một vùng địa đàng cho họ. Dù vậy trải qua hàng thế kỷ, vùng đất này phục vụ tốt như một hình ảnh, một kiểu mẫu về điều Đức Chúa Trời rút cuộc sẽ thực hiện. Đến cuối cùng, Ngài sẽ ban lại cho dòng giống được cứu chuộc vùng địa đàng nguyên thủy mà họ đã đánh mất vì hậu quả của tội lỗi.

Vì vậy không nên ngạc nhiên khi tìm thấy Tân Ước giải thích lời hứa Đức Chúa Trời dành cho Áp-ra-ham bằng những thuật ngữ vũ trụ (cosmic) ([RoRm 4:13](#)).

Toàn bộ vũ trụ được sáng tạo sẽ là của ông. Dòng dõi ông không chỉ đông như sao trên trời, ông và dòng dõi ông còn được thừa hưởng các ngôi sao nữa. Cùng với thiên đàng, ông cũng sở hữu toàn bộ trái đất được tái định hình và tái tạo, là nơi sự công chính ngự trị.

Dường như Áp-ra-ham ý thức dữ kiện này ngay từ đầu. Kinh Thánh làm chứng rằng ông “chờ đợi một thành có nền vững chắc, mà Đức Chúa Trời đã xây cất và sáng lập” ([HeDt 11:10](#)). Ông không chỉ trông đợi quyền sở hữu vùng Ca-na-an. Ông tìm kiếm một thế giới với một nền móng được xây dựng bởi chính Đức Chúa Trời, một thế giới được đổi mới và còn lại đến đời đời. Chỉ khi đó các lời hứa của Đức Chúa Trời là Cha liên quan đến vùng đất này mới tìm được đỉnh cao thích hợp của mình. Vì đã phải lang thang trong vùng đất Ca-na-an, Áp-ra-ham và các tổ phụ

khác mới “ham mến một quê hương tốt hơn, tức là quê hương ở trên trời” ([11:16](#)).

Kết luận

Vùng đất của Kinh Thánh phục vụ cho một mục đích vượt quá sự tồn tại của nó. Trong cõi đời đời, người ta sẽ ngợi khen Chúa về mọi điều. Nhưng nằm đầu danh sách đó sẽ là những lời ca ngợi đầy ý nghĩa về công trình của Ngài trong việc sáng tạo nên vùng đất cầu nối này của các lục địa, là nơi Ngài có thể thực hiện công tác cứu chuộc tội nhân từ khắp các quốc gia trên thế giới. Như một sân khấu lớn dựng lên cho diễn trình những sự kiện quan trọng trong vở kịch cứu chuộc, vùng đất này đã phục vụ tốt cho Đức Chúa Trời và cho con người.

Ngay cả ngày nay vùng đất này vẫn còn đang phục vụ hữu hiệu cho vương quốc của Đấng Christ. Nếu xem xét đúng đắn, nó có thể tăng cường, soi sáng, và làm sống động những chân lý đời đời của Kinh Thánh. Vùng Đất Thánh có thể gợi lên một tình yêu sâu xa hơn đối với Lời Đức Chúa Trời và tăng cường sự hiểu biết về sự cứu rỗi và kế hoạch cứu chuộc đời đời của Đức Chúa Trời.

Mùa Phục sinh 2005.